VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 12/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Sóc Trăng

(Tiếp theo Công báo số 1001 + 1002)

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI
PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH SÓC TRĂNG

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Phước Hòa A	DC	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 41' 16"	106° 08' 35"					C-48-57-C-b
ấp Phước Hòa B	DC	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 39' 52"	106° 08' 30"					C-48-57-C-b
Ấp Chợ	DC	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 40' 12"	106° 09' 17"					C-48-57-C-b
chợ Bến Bạ	KX	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 40' 19"	106° 09' 18"					C-48-57-C-b
chùa An Minh	KX	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 40' 23"	106° 09' 09"					C-48-57-C-b
Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm Chiến thắng Rạch Già	KX	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 40' 49"	106° 08' 01"					C-48-57-C-b
Đường tỉnh 933B	KX	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-C-b
Cù lao Dung	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-C-b
kênh Đình Trụ	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 39' 46"	106° 09' 46"	09° 39' 21"	106° 09' 11"	C-48-57-C-b
rạch Bà Giang	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 40' 26"	106° 08' 15"	09° 39' 58"	106° 08' 23"	C-48-57-C-b
Rạch Già	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 41' 34"	106° 07' 50"	09° 40' 45"	106° 07' 56"	C-48-57-C-b
Rạch Giồng	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 39' 58"	106° 09' 10"	09° 39' 54"	106° 09' 39"	C-48-57-C-b
Rạch Sung	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 41' 27"	106° 08' 14"	09° 41' 45"	106° 08' 29"	C-48-57-C-b
sông Bến Bạ	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 42' 59"	106° 07' 46"	09° 36' 28"	106° 14' 20"	C-48-57-C-b
sông Cồn Tròn	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-b
sông Khém Rạch Già	TV	TT. Cù Lao Dung	H. Cù Lao Dung			09° 41' 26"	106° 07' 04"	09° 40' 22"	106° 07' 59"	C-48-57-C-b
ấp An Thường	DC	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 44' 50"	106° 05' 38"					C-48-57-C-a
ấp An Trung	DC	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 43' 32"	106° 06' 37"					C-48-57-C-a
ấp An Trung A	DC	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 42' 31"	106° 06' 16"					C-48-57-C-a
bến phà Đại Ngãi	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 44' 13"	106° 04' 51"					C-48-57-C-a
chùa Tân Giác	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 45' 00"	106° 05' 38"					C-48-57-A-c
Cơ sở giáo dục bắt buộc Cồn	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 41' 30"	106° 06' 34"					C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 933B	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-C-a
phủ thờ An Cơ	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 43' 14"	106° 06' 24"					C-48-57-C-a
Quốc lộ 60	KX	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a
cồn Long Ẩn	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 42' 14"	106° 06' 18"					C-48-57-C-a
Cồn Cát	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 41' 55"	106° 06' 17"					C-48-57-C-a
Cù lao Dung	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-A-c; C-48-57-C-a; C-48-57-C-b
rạch Kênh Đào	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 45' 00"	106° 05' 40"	09° 44' 26"	106° 05' 12"	C-48-57-C-a
rạch Long Ẩn	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 43' 04"	106° 05' 51"	09° 41' 26"	106° 07' 04"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b
rạch Trường Tiền Lớn	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 44' 46"	106° 05' 32"	09° 45' 41"	106° 05' 03"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a
Rạch Cui	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 45' 11"	106° 05' 31"	09° 45' 21"	106° 05' 36"	C-48-57-A-c
Rạch Đôi	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 43' 58"	106° 06' 08"	09° 44' 19"	106° 06' 35"	C-48-57-C-a
Rạch Miễu	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 45' 00"	106° 05' 40"	09° 45' 15"	106° 05' 44"	C-48-57-A-c
Rạch Sâu	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 42' 33"	106° 07' 04"	09° 43' 04"	106° 07' 41"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
Rạch Trầu	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 44' 16"	106° 05' 45"	09° 44' 44"	106° 06' 16"	C-48-57-C-a
Rạch Trê	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 43' 01"	106° 06' 52"	09° 43' 33"	106° 07' 11"	C-48-57-C-a
Rạch Vượt	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 43' 18"	106° 06' 29"	09° 43' 09"	106° 06' 08"	C-48-57-C-a
sông Khém Bình Linh	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 41' 16"	106° 06' 30"	09° 41' 26"	106° 07' 04"	C-48-57-C-a
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh 1	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a; C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Bình Danh A	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 36' 33"	106° 12' 36"					C-48-57-C-d
ấp Bình Danh B	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 35' 29"	106° 13' 36"					C-48-57-C-d
ấp Bình Du A	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 37' 40"	106° 10' 52"					C-48-57-C-d
ấp Bình Du B	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 36' 52"	106° 11' 47"					C-48-57-C-d
ấp Phạm Thành Hơn A	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 38' 50"	106° 09' 58"					C-48-57-C-b
ấp Phạm Thành Hơn B	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 38' 25"	106° 10' 16"					C-48-57-C-b
ấp Sơn Ton	DC	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 35' 51"	106° 13' 14"					C-48-57-C-d
chùa Kos Tung	KX	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 35' 53"	106° 13' 15"					C-48-57-C-d
Đường tỉnh 933	KX	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-b
Đường tỉnh 933B	KX	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b
Cù lao Dung	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
kênh Đình Trụ	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 39' 46"	106° 09' 46"	09° 39' 21"	106° 09' 11"	C-48-57-C-b
rạch Bảy Bự	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 37' 24"	106° 11' 20"	09° 37' 18"	106° 10' 46"	C-48-57-C-d
rạch Bà Cả	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 09"	106° 12' 25"	09° 35' 29"	106° 11' 59"	C-48-57-C-d
rạch Bà Chủ	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 56"	106° 11' 40"	09° 37' 20"	106° 12' 01"	C-48-57-C-d
rạch Bà Kẹo	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 35' 45"	106° 12' 52"	09° 36' 06"	106° 13' 22"	C-48-57-C-d
rạch Ba Rựa	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 38' 35"	106° 10' 35"	09° 38' 05"	106° 10' 33"	C-48-57-C-b
rạch Bần Một	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 30"	106° 12' 02"	09° 35' 35"	106° 11' 37"	C-48-57-C-d
rạch Công Điền	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 35' 45"	106° 12' 51"	09° 35' 25"	106° 12' 17"	C-48-57-C-d
rạch Đầu Bần	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 37' 48"	106° 11' 06"	09° 37' 44"	106° 10' 48"	C-48-57-C-b
rạch Hai Hạt	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 46"	106° 11' 49"	09° 36' 26"	106° 11' 05"	C-48-57-C-d
rạch Mù U	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 34' 49"	106° 13' 06"	09° 36' 16"	106° 14' 46"	C-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Thợ Đồng	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 54"	106° 11' 42"	09° 36' 46"	106° 10' 54"	C-48-57-C-d
rạch Xóm Mới	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 36' 30"	106° 11' 47"	09° 36' 01"	106° 11' 18"	C-48-57-C-d
Rạch Dầy	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 37' 33"	106° 11' 12"	09° 37' 38"	106° 11' 42"	C-48-57-C-d
Rạch Đôi	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 37' 48"	106° 11' 07"	09° 37' 58"	106° 11' 26"	C-48-57-C-b
Rạch Đùi	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 35' 33"	106° 13' 04"	09° 35' 19"	106° 12' 29"	C-48-57-C-d
Rạch Lớn	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 37' 30"	106° 11' 50"	09° 36' 54"	106° 10' 51"	C-48-57-C-d
Rạch Ngát	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 38' 37"	106° 10' 33"	09° 38' 34"	106° 10' 07"	C-48-57-C-b
sông Bến Bạ	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 42' 59"	106° 07' 46"	09° 36' 28"	106° 14' 20"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-b
sông Cồn Tròn	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-b
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh 2	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
ấp An Bình	DC	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 34' 59"	106° 15' 51"					C-48-57-D-c
ấp An Hưng	DC	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 35' 10"	106° 14' 49"					C-48-57-C-d
ấp An Nghiệp	DC	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 34' 19"	106° 14' 42"					C-48-57-C-d
ấp An Nghiệp A	DC	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 33' 43"	106° 14' 27"					C-48-57-D-c
ấp An Quới	DC	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 34' 24"	106° 16' 35"					C-48-57-D-c
Đường tỉnh 933B	KX	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
Đồn biên phòng An Thạnh 3	KX	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 35' 19"	106° 16' 26"					C-48-57-D-c
Đường tỉnh 934	KX	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-57-D-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 34' 25"	106° 14' 23"					C-48-57-C-d
cửa Định An	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 31' 53"	106° 21' 20"					C-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Cù lao Dung	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
Kênh Xáng	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 07"	106° 15' 44"	09° 33' 24"	106° 17' 16"	C-48-57-D-c
rạch Bà Đình	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 50"	106° 14' 02"	09° 34' 23"	106° 14' 34"	C-48-57-C-d
rạch Hai Vàm	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 14"	106° 15' 25"	09° 35' 36"	106° 15' 54"	C-48-57-D-c
rạch Hồ Lớn	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 32' 36"	106° 14' 06"	09° 32' 23"	106° 13' 08"	C-48-57-C-d
rạch Hồ Nhỏ	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 00"	106° 13' 41"	09° 32' 36"	106° 14' 06"	C-48-57-C-d
rạch Mù U	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 49"	106° 13' 06"	09° 36' 16"	106° 14' 46"	C-48-57-C-d
rạch Mười Đài	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 39"	106° 15' 59"	09° 34' 00"	106° 15' 45"	C-48-57-D-c
rạch Mương Cột	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 38"	106° 14' 35"	09° 34' 26"	106° 14' 27"	C-48-57-C-d
rạch Ông Bảy	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 49"	106° 14' 52"	09° 35' 48"	106° 15' 33"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
rạch Ông Năm	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 35' 21"	106° 14' 40"	09° 35' 55"	106° 15' 14"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
rạch Ông Sáu	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 35' 02"	106° 14' 43"	09° 35' 58"	106° 15' 16"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
rạch Ông Tám	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 25"	106° 14' 56"	09° 35' 45"	106° 15' 38"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
rạch Ruột Ngựa	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 08"	106° 15' 30"	09° 35' 23"	106° 16' 20"	C-48-57-D-c
Rạch Chồi	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 11"	106° 15' 23"	09° 35' 28"	106° 16' 07"	C-48-57-D-c
Rạch Chốt	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 02"	106° 16' 20"	09° 35' 11"	106° 16' 43"	C-48-57-D-c
Rạch Đùi	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 47"	106° 16' 10"	09° 35' 17"	106° 16' 32"	C-48-57-D-c
Rạch Khém	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 37"	106° 15' 12"	09° 35' 42"	106° 15' 39"	C-48-57-D-c
Rạch Lớn	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 30"	106° 15' 20"	09° 33' 07"	106° 14' 28"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Rạch Sâu	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 34' 32"	106° 15' 24"	09° 35' 41"	106° 15' 43"	C-48-57-D-c
Rạch Tráng	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 22"	106° 16' 48"	09° 34' 22"	106° 13' 34"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
Rạch Voi	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 33' 47"	106° 16' 10"	09° 32' 36"	106° 14' 06"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
sông Cồn Tròn	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-d
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh 3	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
ấp Đặng Trung Tiến	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 42' 26"	106° 08' 17"					C-48-57-C-b
ấp Đền Thờ	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 39' 01"	106° 11' 37"					C-48-57-C-b
ấp Lê Minh Châu A	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 37' 50"	106° 12' 10"					C-48-57-C-b
ấp Lê Minh Châu B	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 37' 23"	106° 12' 50"					C-48-57-C-d
ấp Nguyễn Công Minh A	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 39' 36"	106° 10' 53"					C-48-57-C-b
ấp Nguyễn Công Minh B	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 38' 17"	106° 11' 31"					C-48-57-C-b
ấp Tăng Long	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 36' 46"	106° 13' 56"					C-48-57-C-d
ấp Trương Công Nhựt	DC	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 40' 06"	106° 10' 08"					C-48-57-C-b
đền thờ Bác Hồ	KX	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 39' 10"	106° 10' 59"					C-48-57-C-b
Cồn Cộc	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung	09° 39' 07"	106° 11' 02"					C-48-57-C-b
rạch Bần Cò	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 29"	106° 09' 16"	09° 41' 00"	106° 09' 50"	C-48-57-C-b
rạch Cồn Lát	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 39' 10"	106° 11' 34"	09° 38' 57"	106° 10' 58"	C-48-57-C-b
rạch Dần Xây	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 28"	106° 12' 16"	09° 38' 01"	106° 11' 29"	C-48-57-C-b
rạch Khém Ông Bộ	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 17"	106° 09' 40"	09° 40' 14"	106° 09' 27"	C-48-57-C-b
rạch Lòng Đầm	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 03"	106° 10' 36"	09° 38' 42"	106° 11' 02"	C-48-57-C-b
rạch Ông Niên	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 28"	106° 11' 55"	09° 38' 25"	106° 11' 13"	C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Sáu Khai	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 37' 00"	106° 13' 43"	09° 36' 06"	106° 13' 43"	C-48-57-C-d
rạch Sấu Chết	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 36' 37"	106° 12' 58"	09° 37' 03"	106° 13' 50"	C-48-57-C-d
rạch Tầm Bức	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 37' 11"	106° 12' 23"	09° 37' 42"	106° 13' 06"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-b
rạch Thằng Dinh	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 52"	106° 11' 54"	09° 38' 32"	106° 11' 09"	C-48-57-C-b
rạch Vàm Tắc	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 29"	106° 10' 02"	09° 40' 07"	106° 10' 45"	C-48-57-C-b
Rạch Chồn	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 46"	106° 11' 03"	09° 39' 07"	106° 11' 45"	C-48-57-C-b
Rạch Chùa	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 29"	106° 12' 13"	09° 38' 11"	106° 11' 23"	C-48-57-C-b
Rạch Đùi	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 37' 01"	106° 12' 34"	09° 37' 27"	106° 13' 24"	C-48-57-C-d
Rạch Gốc	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 17"	106° 09' 41"	09° 38' 58"	106° 10' 58"	C-48-57-C-b
Rạch Rô	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 38' 18"	106° 12' 14"	09° 37' 40"	106° 11' 47"	C-48-57-C-b
Rạch Sơn	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 37' 46"	106° 11' 48"	09° 38' 22"	106° 12' 28"	C-48-57-C-b
Rạch Tráng	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 40' 13"	106° 10' 05"	09° 40' 47"	106° 10' 02"	C-48-57-C-b
sông Bến Bạ	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 42' 59"	106° 07' 46"	09° 36' 28"	106° 14' 20"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-b
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh Đông	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-b
ấp Vàm Hồ	DC	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 31' 18"	106° 14' 05"					C-48-57-C-d
ấp Vàm Hồ A	DC	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 33' 14"	106° 13' 39"					C-48-57-C-d
ấp Võ Thành Văn	DC	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 32' 50"	106° 15' 32"					C-48-57-D-c
Đường tỉnh 933B	KX	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-D-c
Đường tỉnh 934	KX	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-57-C-d
Nông trường 416	KX	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 32' 57"	106° 13' 49"					C-48-57-C-d
bãi Đuôi Cồn Dung	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 30' 46"	106° 16' 44"					C-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
cửa Trần Đề	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 29' 14"	106° 13' 15"					C-48-69-(A-b+B-a)
Cồn Khỉ	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 32' 21"	106° 12' 55"					C-48-57-C-d
Cù lao Dung	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-C-d
kênh Bảy Ngà	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 53"	106° 12' 52"	09° 32' 19"	106° 13' 08"	C-48-57-C-d
Kênh 731	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 08"	106° 14' 08"	09° 30' 35"	106° 13' 49"	C-48-57-C-d
Kênh 732	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 49"	106° 15' 17"	09° 30' 27"	106° 14' 01"	C-48-57-C-d
Kênh A	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 33' 31"	106° 13' 38"	09° 33' 28"	106° 14' 20"	C-48-57-C-d
Kênh C	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 33"	106° 13' 46"	09° 32' 58"	106° 13' 48"	C-48-57-C-d
Kênh Sườn	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 42"	106° 15' 38"	09° 33' 00"	106° 16' 41"	C-48-57-D-c
Kênh Xáng	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 38"	106° 16' 33"	09° 30' 55"	106° 14' 17"	C-48-57-C-d; C-48-57-D-c
rạch Hồ Lớn	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 36"	106° 14' 06"	09° 32' 23"	106° 13' 08"	C-48-57-C-d
rạch Hồ Nhỏ	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 34' 00"	106° 13' 41"	09° 32' 36"	106° 14' 06"	C-48-57-C-d
rạch Năm Tiền	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 34"	106° 14' 09"	09° 32' 42"	106° 15' 38"	C-48-57-C-d
rạch Ông Cùi	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 49"	106° 15' 17"	09° 32' 34"	106° 14' 45"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
rạch Sáu Hẫm	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 21"	106° 13' 18"	09° 31' 32"	106° 13' 02"	C-48-57-C-d
rạch Sáu Vấn	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 20"	106° 14' 37"	09° 32' 23"	106° 14' 17"	C-48-57-C-d
rạch Vượt Biên	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 14"	106° 13' 19"	09° 30' 54"	106° 13' 24"	C-48-57-C-d
Rạch Ngay	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 32' 27"	106° 13' 41"	09° 30' 52"	106° 13' 25"	C-48-57-C-d
Rạch Su	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 31' 35"	106° 14' 51"	09° 32' 35"	106° 14' 04"	C-48-57-C-d
Rạch Voi	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 33' 47"	106° 16' 10"	09° 32' 36"	106° 14' 06"	C-48-57-D-c; C-48-57-C-d
sông Cồn Tròn	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh Nam	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-d; C-48-69-(A-b+B-a)
ấp An Lạc	DC	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 42' 17"	106° 07' 29"					C-48-57-C-a
ấp An Phú	DC	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 40' 54"	106° 07' 05"					C-48-57-C-a
ấp An Phú A	DC	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 40' 07"	106° 07' 23"					C-48-57-C-a
Đường tỉnh 933B	KX	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 45' 20"	106° 04' 47"	09° 33' 22"	106° 16' 51"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b
cồn Chính Liên	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 40' 53"	106° 07' 17"					C-48-57-C-a
Cồn Tròn	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 37' 59"	106° 10' 04"					C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
Cù lao Dung	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung	09° 36' 44"	106° 11' 43"					C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
rạch Bà Hành	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 40' 20"	106° 07' 48"	09° 41' 10"	106° 06' 31"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
rạch Bần Cầu	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 39' 00"	106° 08' 31"	09° 39' 26"	106° 08' 45"	C-48-57-C-b
rạch Bình Linh	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 48"	106° 07' 33"	09° 41' 26"	106° 07' 04"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
rạch Già Nhỏ	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 46"	106° 07' 43"	09° 42' 16"	106° 08' 09"	C-48-57-C-b
rạch Khém Cạn	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 39' 29"	106° 08' 53"	09° 39' 17"	106° 08' 09"	C-48-57-C-b
rạch Long Ẩn	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 43' 04"	106° 05' 51"	09° 41' 26"	106° 07' 04"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b
rạch Xóm Đạo	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 40' 42"	106° 06' 53"	09° 39' 41"	106° 07' 56"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
Rạch Già	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 34"	106° 07' 50"	09° 40' 45"	106° 07' 56"	C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Rạch Sâu	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 42' 33"	106° 07' 04"	09° 43' 04"	106° 07' 41"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
Rạch Sung	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 27"	106° 08' 14"	09° 41' 45"	106° 08' 29"	C-48-57-C-b
Rạch Tàu	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 56"	106° 07' 30"	09° 42' 36"	106° 07' 52"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
sông Bến Bạ	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 42' 59"	106° 07' 46"	09° 36' 28"	106° 14' 20"	C-48-57-C-b
sông Cồn Tròn	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-b
sông Khém Bình Linh	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 16"	106° 06' 30"	09° 41' 26"	106° 07' 04"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
sông Khém Rạch Già	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 41' 26"	106° 07' 04"	09° 40' 22"	106° 07' 59"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
sông Khém Sâu	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 38' 55"	106° 08' 09"	C-48-57-C-b
Sông Hậu	TV	xã An Thạnh Tây	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-a
ấp Đoàn Văn Tố	DC	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 37' 50"	106° 09' 40"					C-48-57-C-b
ấp Đoàn Văn Tố A	DC	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 37' 32"	106° 10' 14"					C-48-57-C-b
ấp Nguyễn Tăng	DC	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 34' 05"	106° 12' 32"					C-48-57-C-d
ấp Sáu Thử	DC	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 36' 16"	106° 10' 47"					C-48-57-C-d
ấp Văn Sáu	DC	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 38' 27"	106° 09' 04"					C-48-57-C-b
Đường tỉnh 933	KX	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-b
Cồn Tròn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung	09° 37' 59"	106° 10' 04"					C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
rạch Ba Cạn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 51"	106° 08' 56"	09° 39' 08"	106° 09' 23"	C-48-57-C-b
rạch Ba Tôn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 39' 01"	106° 08' 39"	09° 39' 29"	106° 08' 55"	C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Bà Hà	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 40"	106° 09' 05"	09° 39' 08"	106° 09' 23"	C-48-57-C-b
rạch Bần Cầu	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 39' 00"	106° 08' 31"	09° 39' 26"	106° 08' 45"	C-48-57-C-b
rạch Cây Bàng	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 33' 06"	106° 13' 03"	09° 32' 51"	106° 13' 15"	C-48-57-C-d
rạch Cây Me	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 13"	106° 09' 28"	09° 38' 15"	106° 09' 19"	C-48-57-C-b
rạch Chủ Đài	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 47"	106° 11' 53"	09° 34' 28"	106° 11' 39"	C-48-57-C-d
rạch Dàng Xây	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 33' 47"	106° 12' 24"	09° 33' 40"	106° 12' 03"	C-48-57-C-d
rạch Hai Giảm	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 48"	106° 09' 01"	09° 39' 08"	106° 09' 23"	C-48-57-C-b
rạch Hai Ký	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 17"	106° 12' 57"	09° 34' 37"	106° 13' 12"	C-48-57-C-d
rạch Hai Lòng	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 32' 59"	106° 12' 45"	09° 32' 54"	106° 12' 22"	C-48-57-C-d
rạch Hai Vàm	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 24"	106° 11' 52"	09° 34' 18"	106° 11' 45"	C-48-57-C-d
rạch Kênh Đào	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 48"	106° 08' 45"	09° 38' 36"	106° 08' 25"	C-48-57-C-b
rạch Kênh Xáng	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 40"	106° 09' 57"	09° 38' 04"	106° 09' 29"	C-48-57-C-b
rạch Khai Luông	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 33' 22"	106° 13' 30"	09° 33' 24"	106° 12' 10"	C-48-57-C-d
rạch Khém Cạn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 39' 29"	106° 08' 53"	09° 39' 17"	106° 08' 09"	C-48-57-C-b
rạch Mười Kính	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 33' 54"	106° 12' 56"	09° 34' 21"	106° 13' 30"	C-48-57-C-d
rạch Năm Tiểu	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 39' 00"	106° 09' 33"	09° 38' 23"	106° 09' 10"	C-48-57-C-b
rạch Nhà Thờ	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 03"	106° 12' 35"	09° 34' 42"	106° 13' 05"	C-48-57-C-d
rạch Ông Đình	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 36' 39"	106° 10' 37"	09° 36' 52"	106° 10' 47"	C-48-57-C-d
rạch Ông Đội	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 43"	106° 08' 18"	09° 38' 11"	106° 08' 43"	C-48-57-C-b
rạch Ông Hai	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 24"	106° 11' 52"	09° 34' 09"	106° 11' 49"	C-48-57-C-d
rạch Sáu Cang	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 13"	106° 09' 49"	09° 38' 30"	106° 10' 07"	C-48-57-C-b
rạch Sáu Tịnh	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 36' 08"	106° 11' 09"	09° 35' 52"	106° 10' 38"	C-48-57-C-d
rạch Tân Tạo	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 09"	106° 09' 23"	09° 37' 38"	106° 09' 04"	C-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Tư Minh	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 52"	106° 08' 40"	09° 39' 25"	106° 09' 02"	C-48-57-C-b
rạch Xẻo Bảy	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 37' 26"	106° 10' 02"	09° 37' 25"	106° 09' 15"	C-48-57-C-d
rạch Xẻo Lướt	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 37' 43"	106° 09' 55"	09° 38' 15"	106° 10' 21"	C-48-57-C-b
rạch Xẻo Xú	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 35' 25"	106° 11' 51"	09° 34' 53"	106° 11' 23"	C-48-57-C-d
Rạch Đáy	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 37' 26"	106° 10' 02"	09° 37' 52"	106° 10' 39"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
Rạch Đôi	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 36' 47"	106° 10' 12"	09° 37' 15"	106° 10' 42"	C-48-57-C-d
Rạch Giữa	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 33' 18"	106° 12' 42"	09° 33' 29"	106° 12' 08"	C-48-57-C-d
Rạch Lớn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 34' 10"	106° 12' 12"	09° 33' 59"	106° 11' 54"	C-48-57-C-d
Rạch Sậy	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 38' 16"	106° 09' 49"	09° 38' 36"	106° 10' 02"	C-48-57-C-b
sông Cồn Tròn	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 32' 24"	106° 12' 47"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
sông Khém Sâu	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 40' 22"	106° 07' 59"	09° 38' 55"	106° 08' 09"	C-48-57-C-b
Sông Hậu	TV	xã Đại Ân 1	H. Cù Lao Dung			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
ấp An Bình	DC	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 52' 33"	105° 56' 03"					C-48-56-B-b
ấp An Ninh	DC	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 54' 47"	105° 54' 34"					C-48-56-B-b
ấp An Ninh 2	DC	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 55' 47"	105° 53' 26"					C-48-56-B-b
ấp An Thới	DC	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 53' 31"	105° 55' 30"					C-48-56-B-b
ấp Phèn Đen	DC	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 52' 14"	105° 57' 26"					C-48-56-B-d
bến phà An Lạc Thôn	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 55' 58"	105° 53' 31"					C-48-56-B-b
cầu Cái Côn	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 55' 52"	105° 53' 22"					C-48-56-B-b
Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm Mỹ ngụy thảm sát thường dân ở vàm Cái Cao	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 54' 07"	105° 55' 17"					C-48-56-B-b
Đường tỉnh 932B	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 51' 12"	09° 55' 51"	105° 53' 26"	C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 932	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-B-b; C-48-56-B-d
tịnh xá Ngọc Đăng	KX	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách	09° 55' 38"	105° 53' 23"					C-48-56-B-b
kênh Mương Lộ	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-b
kênh Thủy Lợi	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 54' 16"	105° 55' 31"	09° 52' 33"	105° 56' 35"	C-48-56-B-b
Kênh Đào	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 55' 53"	105° 53' 43"	09° 55' 05"	105° 54' 17"	C-48-56-B-b
Mương Kinh	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 54' 58"	105° 54' 12"	09° 55' 21"	105° 53' 45"	C-48-56-B-b
rạch Cái Trâm	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 52' 52"	105° 56' 56"	09° 49' 56"	105° 51' 46"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-b
rạch Mương Khai	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 53' 23"	105° 54' 00"	09° 55' 13"	105° 54' 24"	C-48-56-B-b
rạch Ngã Ba	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 52' 05"	105° 55' 25"	09° 54' 04"	105° 55' 03"	C-48-56-B-b
rạch Phèn Đen	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 51' 47"	105° 56' 35"	09° 52' 16"	105° 57' 32"	C-48-56-B-d
Rạch Bần	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 54' 25"	105° 53' 31"	09° 55' 32"	105° 53' 20"	C-48-56-B-b
sông Cái Cao	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 51' 43"	105° 53' 27"	09° 54' 32"	105° 55' 13"	C-48-56-B-b
sông Cái Côn	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 53' 09"	105° 52' 00"	09° 56' 02"	105° 53' 30"	C-48-56-B-b
Sông Hậu	TV	TT. An Lạc Thôn	H. Kế Sách			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-b
ấp An Định	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 19"	105° 57' 48"					C-48-56-B-d
ấp An Khương	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 29"	105° 58' 08"					C-48-56-B-d
ấp An Ninh 1	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 19"	105° 59' 40"					C-48-56-B-d
ấp An Ninh 2	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 02"	105° 59' 06"					C-48-56-B-d
ấp An Phú	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 45' 45"	105° 57' 32"					C-48-56-B-d
ấp An Thành	DC	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 15"	105° 58' 42"					C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
chùa Hải Phước	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 27"	105° 59' 01"					C-48-56-B-d
chùa Hưng Kế Tự	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 30"	105° 59' 03"					C-48-56-B-d
chùa Pô Thi Khsách	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 11"	105° 59' 00"					C-48-56-B-d
chùa Thiên Phước	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 46' 03"	105° 58' 57"					C-48-56-B-d
đình thần An Nghiệp	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách	09° 45' 35"	105° 59' 43"					C-48-56-B-d
Đường tỉnh 932	KX	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh 8 tháng 3	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 48' 16"	105° 58' 18"	09° 46' 46"	105° 58' 31"	C-48-56-B-d
kênh Mương Lộ	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-B-d
kênh Mỹ Tập	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 49' 16"	105° 59' 27"	09° 46' 11"	105° 59' 33"	C-48-56-B-d
kênh Na Tưng	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 45' 07"	105° 55' 35"	09° 44' 17"	105° 58' 17"	C-48-56-D-b
Kênh Nổi	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 44' 44"	105° 58' 04"	09° 46' 21"	105° 58' 25"	C-48-56-B-d; C-48-56-D-b
rạch An Khương	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 46' 46"	105° 58' 31"	09° 46' 22"	105° 58' 32"	C-48-56-B-d
rạch An Nghiệp	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 59' 03"	09° 45' 40"	105° 59' 32"	C-48-56-B-d
rạch Bà Lèo	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 45' 55"	105° 58' 36"	09° 45' 59"	105° 57' 34"	C-48-56-B-d
rạch Bà Tép	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 45' 40"	105° 59' 32"	09° 44' 54"	105° 59' 01"	C-48-56-B-d
rạch Bưng Tiết	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 46' 25"	105° 57' 53"	09° 44' 29"	105° 57' 19"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
rạch Bưng Túc	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 48' 33"	105° 56' 11"	09° 46' 28"	105° 57' 55"	C-48-56-B-d
rạch Phú Tây	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 45' 40"	105° 59' 32"	09° 45' 17"	106° 01' 02"	C-48-56-B-d
sông Số 1	TV	TT. Kế Sách	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-56-B-d
ấp An Công	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 50' 38"	105° 59' 48"					C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp An Hòa	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 51' 20"	105° 58' 17"					C-48-56-B-d
ấp An Lợi	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 50' 07"	105° 59' 33"					C-48-56-B-d
ấp An Phú	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 52' 03"	105° 57' 39"					C-48-56-B-d
ấp An Tấn	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 51' 56"	105° 58' 24"					C-48-56-B-d
ấp An Thạnh	DC	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 49' 35"	106° 00' 09"					C-48-57-A-c
chợ Trà Ếch	KX	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 48' 33"	106° 00' 56"					C-48-57-A-c
chùa Hưng Lạc Trị	KX	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 48' 34"	106° 00' 56"					C-48-57-A-c
chùa Khánh An	KX	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 49' 45"	105° 58' 59"					C-48-56-B-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-56-B-d; C-48-57-A-c
Cồn Bàng	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 50' 30"	105° 59' 58"					C-48-56-B-d
Cồn Cò	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách	09° 52' 11"	105° 58' 13"					C-48-56-B-d
kênh Thị Hồ	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 51' 02"	105° 57' 58"	09° 50' 19"	105° 58' 45"	C-48-56-B-d
rạch Cái Trưng	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 49' 16"	105° 59' 27"	09° 50' 04"	105° 59' 42"	C-48-56-B-d
rạch Câu Trường	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 50' 19"	105° 58' 45"	09° 50' 36"	105° 59' 09"	C-48-56-B-d
rạch Đại An	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 49' 17"	105° 58' 17"	09° 49' 37"	105° 59' 13"	C-48-56-B-d
rạch Phèn Đen	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 51' 47"	105° 56' 35"	09° 52' 16"	105° 57' 32"	C-48-56-B-d
rạch Trà Ếch	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 48' 31"	105° 59' 46"	09° 48' 31"	106° 01' 04"	C-48-56-B-d
Rạch Vọp	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 48' 06"	105° 51' 17"	09° 51' 27"	105° 58' 18"	C-48-56-B-d
sông Mỹ Hội	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 47' 07"	106° 00' 02"	09° 49' 16"	105° 59' 27"	C-48-56-B-d
Sông Hậu	TV	xã An Lạc Tây	H. Kế Sách			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d; C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp An Nghiệp	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 31"	105° 59' 26"					C-48-56-B-d
Ấp Ba	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 06"	106° 00' 56"					C-48-57-A-c
ấp Phụng An	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 44' 46"	106° 00' 40"					C-48-57-C-a
ấp Phú Tây	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 34"	106° 00' 07"					C-48-57-A-c
ấp Trường Lộc	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 43' 07"	105° 59' 38"					C-48-56-D-b
ấp Trường Phú	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 43' 24"	106° 00' 39"					C-48-57-C-a
ấp Trường Thọ	DC	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 43' 43"	105° 59' 38"					C-48-56-D-b
chùa Chăm Pa Chum	KX	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 31"	105° 59' 38"					C-48-56-B-d
chùa Phước An	KX	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 44' 18"	106° 00' 32"					C-48-57-C-a
đình Phú An	KX	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 15"	106° 01' 00"					C-48-57-A-c
đình Phú Tây	KX	xã An Mỹ	H. Kế Sách	09° 45' 16"	106° 00' 27"					C-48-57-A-c
Đường tỉnh 932	KX	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh An Mỹ - 30 tháng 4	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 38' 59"	105° 57' 47"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-d
kênh Bảy Phuông	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 44' 55"	105° 58' 36"	09° 44' 46"	106° 00' 36"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-d
kênh Cây Chôm	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 24"	105° 58' 02"	09° 43' 36"	105° 59' 45"	C-48-56-D-b
kênh Mương Lộ	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh Năm Tại	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 44' 09"	106° 01' 39"	09° 44' 52"	106° 00' 59"	C-48-57-C-a
kênh Ô Quên	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 13"	105° 59' 54"	09° 41' 20"	105° 56' 56"	C-48-56-D-b
kênh Số Sáu	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 15"	106° 00' 43"	09° 42' 46"	106° 01' 40"	C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Tân Sến	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 01"	105° 59' 27"	09° 43' 14"	105° 57' 59"	C-48-56-D-b
kênh Thầy Cai	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 56"	106° 00' 50"	09° 43' 07"	106° 01' 55"	C-48-57-C-a
kênh Tư Lợi	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 43' 07"	106° 00' 56"	09° 44' 27"	106° 01' 43"	C-48-57-C-a
rạch Bà Chúa	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 42' 44"	106° 00' 03"	09° 42' 59"	106° 01' 13"	C-48-57-C-a
rạch Bà Tép	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 45' 40"	105° 59' 32"	09° 44' 54"	105° 59' 01"	C-48-56-B-d
rạch Cả Ngay	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 45' 47"	106° 00' 10"	09° 45' 16"	106° 00' 29"	C-48-57-A-c
rạch Phú Tây	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 45' 40"	105° 59' 32"	09° 45' 17"	106° 01' 02"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d
rạch Sáu Hi	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 44' 23"	106° 01' 50"	09° 44' 56"	106° 01' 06"	C-48-57-C-a
rạch Trường Lộc	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 40' 42"	106° 00' 09"	09° 43' 13"	105° 59' 54"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-d
sông Số 1	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d
sông Trường Thọ	TV	xã An Mỹ	H. Kế Sách			09° 44' 14"	106° 00' 39"	09° 44' 17"	105° 58' 17"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-d
Ấp 4	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 51' 04"	105° 53' 18"					C-48-56-B-d
ấp 5A	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 50' 04"	105° 51' 45"					C-48-56-B-c
ấp 5B	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 48' 40"	105° 51' 23"					C-48-56-B-d
Ấp 6	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 49' 35"	105° 52' 44"					C-48-56-B-d
Ấp 7	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 48' 52"	105° 53' 04"					C-48-56-B-d
Ấp 8	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 49' 00"	105° 54' 46"					C-48-56-B-d
Ấp 12	DC	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 50' 33"	105° 53' 46"					C-48-56-B-d
Đường tỉnh 932B	KX	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 51' 12"	09° 55' 51"	105° 53' 26"	C-48-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Nhà lưu niệm Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân Việt Nam - Liệt sĩ Thiều Văn Chỏi	KX	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 49' 15"	105° 53' 56"					C-48-56-B-d
thánh đường Ba Trinh	KX	xã Ba Trinh	H. Kế Sách	09° 50' 10"	105° 51' 46"					C-48-56-B-c
kênh Cái Côn	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 55' 01"	105° 53' 13"	09° 48' 07"	105° 51' 15"	C-48-56-B-c
kênh Hai Thanh	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 50' 22"	105° 52' 18"	09° 50' 09"	105° 53' 26"	C-48-56-B-d
kênh Sáu Bé	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 48' 44"	105° 52' 50"	09° 48' 03"	105° 54' 35"	C-48-56-B-d
kênh Tám Tiền	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 50' 31"	105° 53' 52"	09° 50' 11"	105° 54' 37"	C-48-56-B-d
Kênh Tiểu	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 51' 45"	105° 52' 10"	09° 51' 16"	105° 53' 48"	C-48-56-B-d
rạch Bưng Chuối Nước	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 49' 55"	105° 51' 44"	09° 49' 14"	105° 53' 59"	C-48-56-B-c; C-48-56-B-d
rạch Cái Trâm	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 52' 52"	105° 56' 56"	09° 49' 56"	105° 51' 46"	C-48-56-B-c; C-48-56-B-d
rạch Cây Bàng	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 50' 19"	105° 52' 49"	09° 50' 46"	105° 54' 00"	C-48-56-B-d
rạch Chính Dư	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 51' 16"	105° 53' 48"	09° 49' 35"	105° 54' 51"	C-48-56-B-d
rạch Đường Trâu	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 50' 09"	105° 53' 26"	09° 49' 21"	105° 53' 48"	C-48-56-B-d
rạch Thông Cư	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 49' 34"	105° 54' 51"	09° 48' 46"	105° 54' 49"	C-48-56-B-d
Rạch Vọp	TV	xã Ba Trinh	H. Kế Sách			09° 48' 06"	105° 51' 17"	09° 51' 27"	105° 58' 18"	C-48-56-B-c; C-48-56-B-d
ấp Ba Rinh	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 46' 03"	105° 51' 14"					C-48-56-B-c
ấp Đông Hải	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 35"	105° 51' 51"					C-48-56-B-c
ấp Hậu Bối	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 45"	105° 54' 03"					C-48-56-B-d
ấp Kinh Ngay	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 48' 03"	105° 52' 47"					C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Mang Cá	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 48' 02"	105° 51' 11"					C-48-56-B-c
ấp Nam Hải	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 16"	105° 52' 48"					C-48-56-B-d
ấp Số 1	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 47' 31"	105° 53' 36"					C-48-56-B-d
ấp Trung Hải	DC	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 46' 45"	105° 52' 14"					C-48-56-B-c
cầu Ba Rinh	KX	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 59"	105° 51' 10"					C-48-56-B-c
Đường tỉnh 932B	KX	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 51' 12"	09° 55' 51"	105° 53' 26"	C-48-56-B-c
nhà thờ Thiết An	KX	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 38"	105° 51' 26"					C-48-56-B-c
Quốc lộ 1	KX	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-B-c
thánh đường Đại Hải	KX	xã Đại Hải	H. Kế Sách	09° 45' 15"	105° 51' 45"					C-48-56-B-c
kênh 30 tháng 4	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 58"	105° 52' 18"	09° 36' 53"	105° 58' 12"	C-48-56-B-d
kênh 5 Thước	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 34"	105° 52' 41"	09° 45' 15"	105° 52' 05"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
kênh 8 Thước	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 13"	105° 52' 23"	09° 45' 47"	105° 51' 54"	C-48-56-B-c
kênh Ba Hoàng	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 47' 52"	105° 54' 02"	09° 48' 07"	105° 52' 47"	C-48-56-B-d
kênh Ba Rinh Cũ	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 45' 22"	105° 51' 10"	09° 40' 42"	105° 51' 44"	C-48-56-B-c
kênh Cái Côn	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 55' 01"	105° 53' 13"	09° 48' 07"	105° 51' 15"	C-48-56-B-c
kênh Hậu Bối	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 59"	105° 52' 19"	09° 46' 28"	105° 54' 17"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
kênh Hồ Đắc Kiện	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 45' 53"	105° 51' 12"	09° 40' 59"	105° 51' 00"	C-48-56-B-c
kênh Láng Bào	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 40"	105° 52' 35"	09° 46' 13"	105° 52' 23"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
kênh Lâm Trường	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 29"	105° 50' 46"	09° 42' 20"	105° 50' 25"	C-48-56-B-c
kênh Mang Cá	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 48' 09"	105° 51' 06"	09° 45' 58"	105° 51' 09"	C-48-56-B-c
kênh Mỏ Neo	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 54"	105° 54' 24"	09° 45' 11"	105° 54' 00"	C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Năm Hải	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 45' 10"	105° 51' 44"	09° 45' 04"	105° 54' 00"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
kênh Năm Tời	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 47' 32"	105° 53' 22"	09° 46' 46"	105° 53' 09"	C-48-56-B-d
kênh Ông Mậu	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 53' 17"	09° 45' 15"	105° 53' 00"	C-48-56-B-d
kênh Sáu Bé	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 48' 44"	105° 52' 50"	09° 48' 03"	105° 54' 35"	C-48-56-B-d
kênh Sóc Trăng	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 33"	105° 50' 44"	09° 45' 14"	105° 51' 41"	C-48-56-B-c
kênh Trung Hải	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 59"	105° 52' 17"	09° 45' 14"	105° 51' 42"	C-48-56-B-c
Kênh 25	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 51"	105° 54' 22"	09° 47' 22"	105° 52' 24"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
Kênh Lầu	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 48' 02"	105° 51' 15"	09° 46' 58"	105° 52' 18"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
Kênh Năm	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 47' 00"	105° 52' 18"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
Kênh Ngay	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 48' 08"	105° 51' 06"	09° 47' 46"	105° 52' 31"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
Kênh Tư	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 46' 26"	105° 52' 49"	09° 45' 14"	105° 52' 25"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
rạch Hậu Bối	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 47' 16"	105° 54' 29"	09° 46' 54"	105° 54' 24"	C-48-56-B-d
Rạch Vọp	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 48' 06"	105° 51' 17"	09° 51' 27"	105° 58' 18"	C-48-56-B-c
sông Số 1	TV	xã Đại Hải	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-56-B-d
ấp 19/5	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 45' 10"	105° 55' 21"					C-48-56-B-d
ấp Cầu Chùa	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 47' 00"	105° 55' 34"					C-48-56-B-d
ấp Chót Dung	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 48' 24"	105° 55' 35"					C-48-56-B-d
ấp Lung Đen	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 45' 46"	105° 54' 44"					C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Số 1	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 47' 13"	105° 54' 36"					C-48-56-B-d
ấp Xóm Chòi	DC	xã Kế An	H. Kế Sách	09° 48' 25"	105° 54' 50"					C-48-56-B-d
kênh 10 Thước	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 45' 28"	105° 55' 03"	09° 47' 05"	105° 55' 15"	C-48-56-B-d
kênh Bảy Thuận	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 47"	105° 55' 07"	09° 48' 24"	105° 55' 08"	C-48-56-B-d
kênh Ba Ngãnh	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 03"	105° 55' 26"	09° 48' 23"	105° 55' 18"	C-48-56-B-d
kênh Ba Nhỏ	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 08"	105° 55' 04"	09° 48' 23"	105° 55' 03"	C-48-56-B-d
kênh Chót Dung	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 22"	105° 55' 48"	09° 48' 24"	105° 54' 38"	C-48-56-B-d
kênh Chùa Mới	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 24"	105° 55' 28"	09° 49' 46"	105° 55' 23"	C-48-56-B-d
kênh Cựa Gà	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 45' 37"	105° 54' 51"	09° 45' 47"	105° 55' 43"	C-48-56-B-d
kênh Hai Tôn	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 46' 41"	105° 54' 21"	09° 46' 23"	105° 55' 43"	C-48-56-B-d
kênh Hai Xích	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 45' 23"	105° 54' 01"	09° 45' 10"	105° 54' 57"	C-48-56-B-d
kênh Lung Đen	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 46' 00"	105° 54' 10"	09° 45' 03"	105° 55' 32"	C-48-56-B-d
kênh Mỏ Neo	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 46' 54"	105° 54' 24"	09° 45' 11"	105° 54' 00"	C-48-56-B-d
kênh Sáu Bé	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 44"	105° 52' 50"	09° 48' 03"	105° 54' 35"	C-48-56-B-d
kênh Tám Mun	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 40"	105° 55' 53"	09° 47' 47"	105° 55' 21"	C-48-56-B-d
kênh Tư Liễn	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 10"	105° 54' 55"	09° 45' 46"	105° 54' 40"	C-48-56-B-d
kênh Xóm Chòi	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 46"	105° 54' 49"	09° 47' 17"	105° 54' 29"	C-48-56-B-d
rạch Cầu Chùa	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 46' 56"	105° 55' 47"	09° 45' 44"	105° 55' 56"	C-48-56-B-d
rạch Giồng Cát	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 44' 09"	105° 55' 21"	09° 45' 11"	105° 54' 00"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
rạch Hai Giáp	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 46' 53"	105° 55' 53"	09° 48' 22"	105° 55' 48"	C-48-56-B-d
rạch Hậu Bối	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 16"	105° 54' 29"	09° 46' 54"	105° 54' 24"	C-48-56-B-d
rạch Vườn Dơi	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 45' 44"	105° 55' 56"	09° 44' 09"	105° 55' 21"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Xóm Đồng	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 48' 22"	105° 55' 48"	09° 50' 23"	105° 57' 01"	C-48-56-B-d
sông Số 1	TV	xã Kế An	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-56-B-d
ấp Ba Lăng	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 45' 57"	105° 57' 26"					C-48-56-B-d
ấp Bồ Đề	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 45' 29"	105° 56' 31"					C-48-56-B-d
ấp Bưng Túc	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 47' 19"	105° 57' 22"					C-48-56-B-d
ấp Cây Sộp	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 44' 32"	105° 56' 53"					C-48-56-D-b
ấp Kinh Giữa 1	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 46' 43"	105° 56' 15"					C-48-56-B-d
ấp Kinh Giữa 2	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 46' 42"	105° 57' 11"					C-48-56-B-d
ấp Thành Tân	DC	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 48' 26"	105° 56' 02"					C-48-56-B-d
chùa Pô Thi PhĐốk	KX	xã Kế Thành	H. Kế Sách	09° 46' 22"	105° 55' 50"					C-48-56-B-d
kênh Chín Quấm	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 41"	105° 56' 39"	09° 45' 32"	105° 56' 27"	C-48-56-B-d
kênh Kim Môm	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 45' 06"	105° 55' 37"	09° 44' 53"	105° 57' 25"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh Làu Ến	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 45' 31"	105° 56' 41"	09° 44' 36"	105° 56' 32"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh Na Tưng	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 45' 07"	105° 55' 35"	09° 44' 17"	105° 58' 17"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
kênh Năm Lộc	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 42"	105° 56' 25"	09° 45' 35"	105° 56' 14"	C-48-56-B-d
kênh Tư Sỏ	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 39"	105° 56' 57"	09° 45' 28"	105° 56' 48"	C-48-56-B-d
rạch Bồ Đề	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 45' 44"	105° 55' 56"	09° 45' 15"	105° 57' 20"	C-48-56-B-d
rạch Bưng Tiết	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 25"	105° 57' 53"	09° 44' 29"	105° 57' 19"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
rạch Bưng Túc	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 48' 33"	105° 56' 11"	09° 46' 28"	105° 57' 55"	C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Cầu Chùa	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 56"	105° 55' 47"	09° 45' 44"	105° 55' 56"	C-48-56-B-d
rạch Hai Giáp	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 46' 53"	105° 55' 53"	09° 48' 22"	105° 55' 48"	C-48-56-B-d
rạch Vườn Dơi	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 45' 44"	105° 55' 56"	09° 44' 09"	105° 55' 21"	C-48-56-D-b; C-48-56-B-d
rạch Xóm Đồng	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 48' 22"	105° 55' 48"	09° 50' 23"	105° 57' 01"	C-48-56-B-d
sông Số 1	TV	xã Kế Thành	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-56-B-d
ấp An Phú Đông	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 46' 49"	106° 00' 13"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Huề	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 46' 36"	106° 01' 46"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Lợi	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 48' 03"	106° 01' 21"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Phước	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 47' 43"	106° 02' 20"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Tân	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 47' 36"	106° 00' 11"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 48' 33"	106° 00' 44"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 47' 11"	106° 01' 22"					C-48-57-A-c
ấp Mỹ Yên	DC	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 46' 44"	106° 01' 02"					C-48-57-A-c
chùa Hiệp Châu	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 46' 57"	106° 02' 19"					C-48-57-A-c
chùa Khánh Mỹ	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 48' 49"	106° 00' 22"					C-48-57-A-c
chùa Mỹ Phước	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 48' 33"	105° 59' 42"					C-48-56-B-d
đình An Phú Đông	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 46' 09"	106° 01' 33"					C-48-57-A-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-A-c
Thắng cảnh Cồn Mỹ Phước	KX	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 47' 57"	106° 02' 09"					C-48-57-A-c
cồn Mỹ Phước	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách	09° 47' 50"	106° 02' 10"					C-48-57-A-c
Kênh Tắc	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 46' 26"	106° 00' 21"	09° 46' 03"	106° 00' 11"	C-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Bờ Sao	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 46"	106° 00' 29"	09° 47' 25"	106° 00' 11"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d
rạch Cây Vông	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 35"	106° 00' 43"	09° 47' 08"	106° 00' 05"	C-48-57-A-c
rạch Mương Khai	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 02"	106° 00' 26"	09° 47' 34"	106° 01' 50"	C-48-57-A-c
rạch Mương Siêu	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 46' 41"	106° 01' 34"	09° 46' 17"	106° 01' 21"	C-48-57-A-c
rạch Trà Ếch	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 48' 31"	105° 59' 46"	09° 48' 31"	106° 01' 04"	C-48-57-A-c
Rạch Bàng	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 04"	106° 01' 15"	09° 46' 29"	106° 00' 54"	C-48-57-A-c
Rạch Gừa	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 06"	106° 00' 03"	09° 46' 12"	106° 01' 34"	C-48-57-A-c
Rạch Khém	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 48' 02"	106° 02' 24"	09° 47' 09"	106° 02' 53"	C-48-57-A-c
Rạch Mọp	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 46' 54"	106° 02' 22"	C-48-57-A-c
Rạch Sấu	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 46' 48"	106° 01' 37"	09° 46' 26"	106° 01' 44"	C-48-57-A-c
sông Mỹ Hội	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 07"	106° 00' 02"	09° 49' 16"	105° 59' 27"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d
sông Số 1	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 47' 46"	105° 52' 31"	09° 45' 41"	106° 01' 07"	C-48-57-A-c; C-48-56-B-d
Sông Hậu	TV	xã Nhơn Mỹ	H. Kế Sách			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-A-c
ấp Phong Hòa	DC	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách	09° 53' 15"	105° 57' 46"					C-48-56-B-b
ấp Phong Phú	DC	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách	09° 54' 35"	105° 55' 44"					C-48-56-B-b
ấp Phong Thạnh	DC	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách	09° 55' 25"	105° 55' 16"					C-48-56-B-b
ấp Phong Thới	DC	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách	09° 54' 21"	105° 56' 35"					C-48-56-B-b
chùa Phước Hòa	KX	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách	09° 52' 12"	105° 58' 59"					C-48-56-B-d
chùa Phước Thuận	KX	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách	09° 54' 45"	105° 56' 12"					C-48-56-B-b
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách	09° 53' 38"	105° 57' 48"					C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Cồn Bần	TV	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách	09° 54' 58"	105° 55' 50"					C-48-56-B-b
Cồn Cao	TV	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách	09° 53' 56"	105° 56' 44"					C-48-56-B-b
Cồn Giữa	TV	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách	09° 54' 33"	105° 56' 07"					C-48-56-B-b
Sông Hậu	TV	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-56-B-b; C-48-56-A-c
Sông Nhỏ	TV	xã Phong Nẫm	H. Kế Sách			09° 54' 47"	105° 55' 34"	09° 53' 14"	105° 57' 43"	C-48-56-B-b
ấp An Hòa	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 47' 29"	105° 58' 07"					C-48-56-B-d
ấp An Nhơn	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 47' 14"	105° 58' 50"					C-48-56-B-d
ấp Đại An	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 49' 14"	105° 58' 19"					C-48-56-B-d
ấp Mỹ Hội	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 49' 03"	105° 59' 22"					C-48-56-B-d
ấp Ninh Thới	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 50' 15"	105° 57' 30"					C-48-56-B-d
ấp Xóm Đồng 1	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 49' 18"	105° 57' 32"					C-48-56-B-d
ấp Xóm Đồng 2	DC	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 48' 12"	105° 57' 36"					C-48-56-B-d
chùa Pô Thi Thlâng	KX	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 47' 25"	105° 59' 04"					C-48-56-B-d
chùa Thiên Thới	KX	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 50' 40"	105° 57' 52"					C-48-56-B-d
đình Đại An	KX	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 49' 34"	105° 59' 12"					C-48-56-B-d
đình Mỹ Hội	KX	xã Thới An Hội	H. Kế Sách	09° 49' 14"	105° 59' 28"					C-48-56-B-d
Đường tỉnh 932	KX	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-B-d
kênh 8 tháng 3	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 48' 16"	105° 58' 18"	09° 46' 46"	105° 58' 31"	C-48-56-B-d
kênh Ba Lù	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 49' 04"	105° 57' 29"	09° 49' 21"	105° 58' 14"	C-48-56-B-d
kênh Mương Lộ	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-B-d
kênh Mỹ Tập	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 49' 16"	105° 59' 27"	09° 46' 11"	105° 59' 33"	C-48-56-B-d
kênh Sóc Ông Tổng	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 50' 17"	105° 56' 37"	09° 49' 02"	105° 56' 48"	C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Thị Hồ	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 51' 02"	105° 57' 58"	09° 50' 19"	105° 58' 45"	C-48-56-B-d
rạch Bưng Túc	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 48' 33"	105° 56' 11"	09° 46' 28"	105° 57' 55"	C-48-56-B-d
rạch Cái Trưng	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 49' 16"	105° 59' 27"	09° 50' 04"	105° 59' 42"	C-48-56-B-d
rạch Đại An	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 49' 17"	105° 58' 17"	09° 49' 37"	105° 59' 13"	C-48-56-B-d
rạch Đập Chùa	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 49' 35"	105° 58' 40"	09° 50' 35"	105° 57' 47"	C-48-56-B-d
rạch Xóm Đồng	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 48' 22"	105° 55' 48"	09° 50' 23"	105° 57' 01"	C-48-56-B-d
Rạch Vọp	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 48' 06"	105° 51' 17"	09° 51' 27"	105° 58' 18"	C-48-56-B-d
sông Mỹ Hội	TV	xã Thới An Hội	H. Kế Sách			09° 47' 07"	106° 00' 02"	09° 49' 16"	105° 59' 27"	C-48-56-B-d
Ấp 1	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 51' 25"	105° 56' 03"					C-48-56-B-d
Ấp 2	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 51' 22"	105° 55' 07"					C-48-56-B-d
Ấp 3	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 51' 32"	105° 54' 13"					C-48-56-B-d
Ấp 8	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 49' 59"	105° 54' 43"					C-48-56-B-d
Ấp 9	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 50' 19"	105° 56' 33"					C-48-56-B-d
Ấp 10	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 50' 34"	105° 57' 18"					C-48-56-B-d
Ấp 12	DC	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 50' 45"	105° 54' 12"					C-48-56-B-d
chùa On Đôn Rư Sây	KX	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 49' 39"	105° 55' 13"					C-48-56-B-d
chùa Pring Prum	KX	xã Trinh Phú	H. Kế Sách	09° 50' 21"	105° 56' 45"					C-48-56-B-d
Đường tỉnh 932	KX	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 39' 09"	105° 56' 12"	09° 55' 09"	105° 54' 12"	C-48-56-B-d
kênh Ba Bộ	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 52' 06"	105° 55' 50"	09° 51' 00"	105° 55' 53"	C-48-56-B-d
kênh Ba Um	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 00"	105° 55' 51"	09° 50' 55"	105° 55' 42"	C-48-56-B-d
kênh Chùa Mới	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 48' 24"	105° 55' 28"	09° 49' 46"	105° 55' 23"	C-48-56-B-d
kênh Hai Hón	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 49' 49"	105° 55' 25"	09° 50' 45"	105° 55' 16"	C-48-56-B-d
kênh Lộ Đất	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 20"	105° 56' 44"	09° 51' 41"	105° 56' 20"	C-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Mương Lộ	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 55' 03"	105° 54' 18"	09° 41' 19"	105° 57' 33"	C-48-56-B-d
kênh Ngã Cũ	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 51' 37"	105° 54' 33"	09° 52' 05"	105° 55' 30"	C-48-56-B-d
kênh Ông Năm Công	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 52' 07"	105° 55' 38"	09° 50' 55"	105° 55' 40"	C-48-56-B-d
kênh Ông Tư Chen	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 49' 19"	105° 54' 54"	09° 48' 47"	105° 55' 07"	C-48-56-B-d
kênh Sáu Tài Năm Đen	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 58"	105° 53' 51"	09° 51' 02"	105° 55' 06"	C-48-56-B-d
kênh Sóc Ông Tổng	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 17"	105° 56' 37"	09° 49' 02"	105° 56' 48"	C-48-56-B-d
kênh Tư Lượng	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 06"	105° 56' 08"	09° 51' 01"	105° 56' 00"	C-48-56-B-d
Kênh Tiểu	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 51' 45"	105° 52' 10"	09° 51' 16"	105° 53' 48"	C-48-56-B-d
rạch Cái Trâm	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 52' 52"	105° 56' 56"	09° 49' 56"	105° 51' 46"	C-48-56-B-d
rạch Chính Dư	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 51' 16"	105° 53' 48"	09° 49' 35"	105° 54' 51"	C-48-56-B-d
rạch Lung Sen Lớn	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 52' 32"	105° 54' 17"	09° 51' 50"	105° 54' 56"	C-48-56-B-d
rạch Phèn Đen	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 51' 47"	105° 56' 35"	09° 52' 16"	105° 57' 32"	C-48-56-B-d
rạch Sẻo Trắc	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 50' 23"	105° 56' 59"	09° 51' 10"	105° 56' 45"	C-48-56-B-d
rạch Tha La Ông Tà	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 51' 13"	105° 56' 56"	09° 50' 35"	105° 54' 27"	C-48-56-B-d
rạch Thông Cư	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 49' 34"	105° 54' 51"	09° 48' 46"	105° 54' 49"	C-48-56-B-d
Rạch Vọp	TV	xã Trinh Phú	H. Kế Sách			09° 48' 06"	105° 51' 17"	09° 51' 27"	105° 58' 18"	C-48-56-B-d
ấp Cứ Mạnh	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 52' 01"	105° 53' 34"					C-48-56-B-d
ấp Hòa An	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 54' 00"	105° 52' 50"					C-48-56-B-b
ấp Hòa Lộc 1	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 51' 02"	105° 52' 02"					C-48-56-B-c
ấp Hòa Lộc 2	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 52' 22"	105° 52' 24"					C-48-56-B-c
ấp Hòa Lợi	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 53' 42"	105° 54' 29"					C-48-56-B-b
ấp Hòa Phú	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 53' 23"	105° 53' 17"					C-48-56-B-b
ấp Hòa Quới	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 54' 20"	105° 53' 54"					C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Hòa Thành	DC	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 55' 08"	105° 52' 59"					C-48-56-B-b
chùa Chánh Thiên Cơ	KX	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 55' 23"	105° 53' 20"					C-48-56-B-b
chùa Thiên Phước	KX	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách	09° 52' 33"	105° 53' 57"					C-48-56-B-b
Đường tỉnh 932B	KX	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 45' 56"	105° 51' 12"	09° 55' 51"	105° 53' 26"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b; C-48-56-B-c
kênh Cái Côn	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 55' 01"	105° 53' 13"	09° 48' 07"	105° 51' 15"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b; C-48-56-B-c
Kênh Tiểu	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 51' 45"	105° 52' 10"	09° 51' 16"	105° 53' 48"	C-48-56-B-d; C-48-56-B-c
Mương Kinh	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 58"	105° 54' 12"	09° 55' 21"	105° 53' 45"	C-48-56-B-b
rạch Bờ Dọc	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 40"	105° 53' 55"	09° 54' 23"	105° 52' 59"	C-48-56-B-b
rạch Cái Trâm	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 52' 52"	105° 56' 56"	09° 49' 56"	105° 51' 46"	C-48-56-B-d
rạch Công Điền Nhỏ	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 53' 03"	105° 53' 28"	09° 53' 38"	105° 54' 29"	C-48-56-B-b
rạch Giồng Đá	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 52' 28"	105° 53' 42"	09° 53' 47"	105° 52' 43"	C-48-56-B-b
rạch Lung Sen Lớn	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 52' 32"	105° 54' 17"	09° 51' 50"	105° 54' 56"	C-48-56-B-d
rạch Mật Cật	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 11"	105° 52' 10"	09° 55' 16"	105° 53' 13"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b
rạch Mương Khai	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 53' 23"	105° 54' 00"	09° 55' 13"	105° 54' 24"	C-48-56-B-b
rạch Ngã Ba	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 52' 05"	105° 55' 25"	09° 54' 04"	105° 55' 03"	C-48-56-B-b; C-48-56-B-d
rạch Ngã Cái	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 55' 44"	105° 52' 53"	09° 55' 51"	105° 53' 19"	C-48-56-B-b
rạch Ngã Lá	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 55' 21"	105° 52' 42"	09° 55' 39"	105° 53' 16"	C-48-56-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Ngã Tư Trên	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 11"	105° 52' 10"	09° 53' 49"	105° 52' 41"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b
rạch Rọc Ngay	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 51' 45"	105° 51' 49"	09° 51' 45"	105° 52' 10"	C-48-56-B-c
rạch Sao Sao	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 52' 33"	105° 54' 01"	09° 52' 47"	105° 52' 27"	C-48-56-B-b; C-48-56-B-d
rạch Xẻo Muồng	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 57"	105° 52' 25"	09° 55' 04"	105° 52' 43"	C-48-56-B-a; C-48-56-B-b
Rạch Bần	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 25"	105° 53' 31"	09° 55' 32"	105° 53' 20"	C-48-56-B-b
Rạch Cách	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 54' 37"	105° 53' 21"	09° 55' 18"	105° 53' 18"	C-48-56-B-b
sông Cái Cao	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 51' 43"	105° 53' 27"	09° 54' 32"	105° 55' 13"	C-48-56-B-b
sông Cái Côn	TV	xã Xuân Hòa	H. Kế Sách			09° 53' 09"	105° 52' 00"	09° 56' 02"	105° 53' 30"	C-48-56-B-b
ấp An Đức	DC	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 44"	106° 03' 27"					C-48-57-C-a
ấp Ngãi Hòa	DC	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 50"	106° 03' 07"					C-48-57-C-a
ấp Ngãi Hội 1	DC	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 48"	106° 04' 08"					C-48-57-C-a
ấp Ngãi Hội 2	DC	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 44' 00"	106° 03' 48"					C-48-57-C-a
ấp Ngãi Phước	DC	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 44' 07"	106° 03' 11"					C-48-57-C-a
chùa Hưng Nghĩa Tự	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 56"	106° 04' 06"					C-48-57-C-a
chùa Quan Âm	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 59"	106° 04' 16"					C-48-57-C-a
đình An Đức	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 44' 00"	106° 03' 39"					C-48-57-C-a
đình Đại Ngãi	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 43' 54"	106° 03' 27"					C-48-57-C-a
nhà thờ Thánh Tâm	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 44' 00"	106° 04' 19"					C-48-57-C-a
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-a
Quốc lộ 60	KX	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
cồn Số 1	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú	09° 44' 31"	106° 04' 35"					C-48-57-C-a
kênh Mười Đường	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 43' 16"	106° 03' 53"	09° 43' 51"	106° 03' 41"	C-48-57-C-a
Kênh Giữa	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 46' 08"	106° 02' 22"	09° 44' 19"	106° 03' 46"	C-48-57-C-a
rạch Mương Điều	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 43' 28"	106° 04' 00"	09° 45' 54"	106° 01' 45"	C-48-57-C-a
sông Saintard	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a
Sông Hậu	TV	TT. Đại Ngãi	H. Long Phú			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-a
ấp Khoan Tang	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 37' 17"	106° 06' 50"					C-48-57-C-c
Ấp 1	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 38' 07"	106° 07' 51"					C-48-57-C-d
Ấp 2	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 31"	106° 08' 02"					C-48-57-C-d
Ấp 3	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 33"	106° 07' 29"					C-48-57-C-c
Ấp 4	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 49"	106° 06' 09"					C-48-57-C-c
Ấp 5	DC	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 18"	106° 07' 32"					C-48-57-C-d
Bệnh viện Đa khoa Long Phú	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 37' 03"	106° 07' 57"					C-48-57-C-d
cầu Khoan Tang	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 36"	106° 07' 18"					C-48-57-C-c
chùa Hưng Định Tự	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 29"	106° 07' 34"					C-48-57-C-d
chùa Tưk Pray	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 23"	106° 08' 00"					C-48-57-C-d
đình thần Nguyễn Trung Trực	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 37' 20"	106° 08' 02"					C-48-57-C-d
Đường tỉnh 933	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-c
miếu Bà Chúa Xứ	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 39' 17"	106° 06' 59"					C-48-57-C-a
Nhà tưởng niệm Lương Định Của	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 35"	106° 07' 28"					C-48-57-C-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-b; C-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
đập Long Phú	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú	09° 37' 00"	106° 08' 11"					C-48-57-C-d
kênh Bà Xẩm	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 39' 07"	106° 06' 24"	09° 33' 14"	106° 07' 56"	C-48-57-C-a
kênh Băng Long	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 22"	106° 02' 06"	09° 36' 35"	106° 07' 17"	C-48-57-C-d
kênh Đầu Sóc	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 45"	106° 06' 56"	09° 37' 38"	106° 05' 48"	C-48-57-C-a
kênh Lý Chinh	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 38' 07"	106° 06' 47"	09° 38' 00"	106° 06' 01"	C-48-57-C-a
kênh Năm Nhạo	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 05"	106° 07' 11"	09° 37' 16"	106° 08' 00"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Ông Cal	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 38' 30"	106° 06' 37"	09° 38' 22"	106° 06' 00"	C-48-57-C-a
kênh Ranh Ấp 5	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 27"	106° 09' 10"	09° 36' 12"	106° 08' 11"	C-48-57-C-d
kênh Số 1	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 54"	106° 07' 14"	09° 36' 53"	106° 08' 00"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Tám Mập	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 37"	106° 09' 01"	09° 36' 26"	106° 08' 07"	C-48-57-C-d
Kênh 14	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 39' 01"	106° 05' 58"	09° 36' 49"	106° 06' 04"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
rạch Nước Mặn	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 23"	106° 07' 52"	09° 36' 23"	106° 08' 05"	C-48-57-C-d
sông Bờ Biển	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 39' 33"	106° 04' 31"	09° 39' 21"	106° 06' 55"	C-48-57-C-a
sông Long Phú	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 23"	106° 08' 05"	09° 37' 41"	106° 08' 16"	C-48-57-C-b; C-48-57-C-d
Sông Hậu	TV	TT. Long Phú	H. Long Phú			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-b
Ấp Ba	DC	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 39' 21"	106° 02' 35"					C-48-57-C-a
Ấp Nhất	DC	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 38' 23"	106° 02' 39"					C-48-57-C-a
Ấp Nhì	DC	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 39' 35"	106° 03' 05"					C-48-57-C-a
Ấp Tư	DC	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 38' 58"	106° 03' 45"					C-48-57-C-a
chùa Bâng Cro Chăp Chăs	KX	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 37' 57"	106° 03' 28"					C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Miếu Bà	KX	xã Châu Khánh	H. Long Phú	09° 39' 40"	106° 03' 20"					C-48-57-C-a
kênh Ba Ngộ	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 39' 00"	106° 01' 38"	09° 38' 41"	106° 02' 37"	C-48-57-C-a
kênh Lộ Đình	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 38' 41"	106° 02' 49"	09° 38' 46"	106° 03' 27"	C-48-57-C-a
rạch Ngã Cũ	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 38' 26"	106° 02' 40"	09° 39' 42"	106° 03' 21"	C-48-57-C-a
sông Chông Chác	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 39' 36"	106° 02' 02"	09° 38' 11"	106° 01' 02"	C-48-57-C-a
sông Đập Lở	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 39' 51"	106° 03' 50"	09° 39' 36"	106° 03' 11"	C-48-57-C-a
sông Saintard	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a
sông Sóc Dong	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 39' 51"	106° 03' 50"	09° 39' 33"	106° 04' 31"	C-48-57-C-a
sông Văn Cơ	TV	xã Châu Khánh	H. Long Phú			09° 38' 26"	106° 02' 37"	09° 38' 42"	105° 59' 05"	C-48-57-C-a
ấp Bờ Kinh	DC	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 43' 23"	106° 02' 08"					C-48-57-C-a
ấp Chùa Ông	DC	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 42' 30"	106° 02' 58"					C-48-57-C-a
ấp Mây Hắt	DC	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 41' 15"	106° 02' 30"					C-48-57-C-a
Ấp Ngọn	DC	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 43' 01"	106° 02' 21"					C-48-57-C-a
Ấp Phố	DC	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 43' 14"	106° 03' 09"					C-48-57-C-a
chùa Phước Hậu Tự	KX	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 43' 10"	106° 03' 06"					C-48-57-C-a
đình thần Hậu Thạnh	KX	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú	09° 43' 15"	106° 03' 05"					C-48-57-C-a
Quốc lộ 60	KX	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-57-C-a
kênh Cây Dương	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 43' 41"	106° 02' 48"	09° 41' 00"	106° 02' 33"	C-48-57-C-a
kênh Thầy Cai	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 43' 56"	106° 00' 50"	09° 43' 07"	106° 01' 55"	C-48-57-C-a
rạch Chùa Ông	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 42' 07"	106° 02' 58"	09° 42' 36"	106° 03' 39"	C-48-57-C-a
rạch Mây Hắt	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 39' 40"	106° 02' 04"	09° 42' 06"	106° 03' 11"	C-48-57-C-a
sông Saintard	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a
sông Trường Hưng	TV	xã Hậu Thạnh	H. Long Phú			09° 41' 17"	106° 01' 40"	09° 40' 28"	106° 00' 40"	C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp An Hưng	DC	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 41' 52"	106° 03' 59"					C-48-57-C-a
ấp Hòa Hưng	DC	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 42' 35"	106° 04' 36"					C-48-57-C-a
ấp Lợi Đức	DC	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 40' 35"	106° 06' 01"					C-48-57-C-a
ấp Lợi Hưng	DC	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 40' 40"	106° 04' 06"					C-48-57-C-a
ấp Thạnh Đức	DC	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 43' 39"	106° 04' 35"					C-48-57-C-a
chùa Long Hoa	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 41' 13"	106° 04' 00"					C-48-57-C-a
chùa Thiên Phước	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 43' 47"	106° 04' 30"					C-48-57-C-a
cống Phú Hữu	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 41' 53"	106° 03' 23"					C-48-57-C-a
đình An Hưng	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 41' 44"	106° 04' 04"					C-48-57-C-a
đình Long Đức	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 41' 34"	106° 05' 43"					C-48-57-C-a
miếu Bà Chúa Sứ	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 42' 00"	106° 03' 51"					C-48-57-C-a
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-a
Trung tâm Điện lực Long Phú	KX	xã Long Đức	H. Long Phú	09° 42' 31"	106° 05' 09"					C-48-57-C-a
kênh Bà Xẩm	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 43' 26"	106° 04' 03"	09° 39' 07"	106° 06' 22"	C-48-57-C-a
rạch Bào Tre	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 39' 33"	106° 04' 31"	09° 39' 35"	106° 04' 25"	C-48-57-C-a
Rạch Củi	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 42' 32"	106° 04' 04"	09° 41' 52"	106° 03' 57"	C-48-57-C-a
Rạch Gốc	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 41' 57"	106° 03' 14"	09° 39' 51"	106° 03' 50"	C-48-57-C-a
sông Bờ Biển	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 39' 33"	106° 04' 31"	09° 39' 21"	106° 06' 55"	C-48-57-C-a
sông Saintard	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a
sông Sóc Dong	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 39' 51"	106° 03' 50"	09° 39' 33"	106° 04' 31"	C-48-57-C-a
Sông Hậu	TV	xã Long Đức	H. Long Phú			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-a
ấp Bưng Long	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 35' 40"	106° 06' 55"					C-48-57-C-c
ấp Bưng Thum	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 34' 48"	106° 05' 57"					C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Kinh Ngang	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 34' 09"	106° 07' 43"					C-48-57-C-d
ấp Mười Chiến	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 34' 51"	106° 09' 57"					C-48-57-C-d
ấp Nước Mặn 1	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 35' 59"	106° 08' 10"					C-48-57-C-d
ấp Nước Mặn 2	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 34' 54"	106° 07' 57"					C-48-57-C-d
ấp Phú Đức	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 34' 10"	106° 04' 39"					C-48-57-C-c
ấp Sóc Mới	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 18"	106° 06' 37"					C-48-57-C-c
ấp Tân Lập	DC	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 25"	106° 07' 17"					C-48-57-C-c
chùa Bâng Kol	KX	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 33' 58"	106° 04' 54"					C-48-57-C-c
chùa Hải Long Phước	KX	xã Long Phú	H. Long Phú	09° 36' 12"	106° 07' 19"					C-48-57-C-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-d
kênh 25 tháng 4	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 49"	106° 05' 57"	09° 33' 42"	106° 05' 31"	C-48-57-C-c
kênh 96 Long Hưng	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 06"	106° 04' 41"	09° 29' 01"	106° 02' 03"	C-48-57-C-c
kênh Ba Kiểng	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 29"	106° 09' 54"	09° 35' 15"	106° 07' 50"	C-48-57-C-d
kênh Bà Xẩm	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 39' 07"	106° 06' 24"	09° 33' 14"	106° 07' 56"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Băng Long	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 22"	106° 02' 06"	09° 36' 35"	106° 07' 17"	C-48-57-C-c
kênh Bưng Tròn	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 05"	106° 06' 47"	09° 33' 26"	106° 06' 51"	C-48-57-C-c
kênh Cái Xe	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 34' 45"	106° 01' 56"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Càng Es	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 33' 51"	106° 06' 50"	09° 33' 52"	106° 07' 41"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Hợp Tác Xã Tân Phú 2	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 43"	106° 09' 44"	09° 35' 29"	106° 08' 37"	C-48-57-C-d
kênh Hưng Thạnh	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 37' 20"	106° 03' 32"	09° 34' 30"	106° 04' 07"	C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Kim Xây	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 17"	106° 06' 52"	09° 35' 24"	106° 07' 32"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Nhà Mát	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 33' 32"	106° 06' 16"	09° 35' 25"	106° 06' 21"	C-48-57-C-c
kênh Nông Trường	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 33' 36"	106° 05' 42"	09° 30' 28"	106° 04' 48"	C-48-57-C-c
kênh Ranh Ấp 5	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 27"	106° 09' 10"	09° 36' 12"	106° 08' 11"	C-48-57-C-d
kênh Sân Phơi	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 19"	106° 07' 44"	09° 34' 17"	106° 06' 49"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-d
kênh Sóc Mới	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 36' 15"	106° 06' 45"	09° 36' 04"	106° 05' 52"	C-48-57-C-c
kênh Soro	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 54"	106° 09' 36"	09° 35' 36"	106° 07' 54"	C-48-57-C-d
kênh Tà Ma	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 53"	106° 06' 51"	09° 35' 45"	106° 05' 50"	C-48-57-C-c
kênh Trà Núp	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 35' 29"	106° 06' 54"	09° 35' 21"	106° 05' 47"	C-48-57-C-c
kênh Xã Chỉ	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 35"	106° 10' 34"	09° 34' 40"	106° 07' 40"	C-48-57-C-d
Kênh Cũ	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 32' 32"	106° 05' 23"	09° 33' 41"	106° 04' 42"	C-48-57-C-c
rạch Bưng Cà Pốt	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 33' 41"	106° 04' 42"	09° 34' 19"	106° 04' 18"	C-48-57-C-c
rạch Bưng Thum	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 51"	106° 03' 41"	09° 36' 22"	106° 07' 20"	C-48-57-C-c
rạch Cái Xe	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 34' 21"	106° 04' 08"	C-48-57-C-c
rạch Nước Mặn	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 34' 23"	106° 07' 52"	09° 36' 23"	106° 08' 05"	C-48-57-C-d
Sông Hậu	TV	xã Long Phú	H. Long Phú			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-d
ấp Phú Đa	DC	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 40' 56"	106° 03' 14"					C-48-57-C-a
ấp Phú Hữu	DC	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 41' 47"	106° 03' 15"					C-48-57-C-a
ấp Phú Thứ	DC	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 39' 59"	106° 03' 04"					C-48-57-C-a
ấp Phú Trường	DC	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 40' 17"	106° 02' 14"					C-48-57-C-a
cầu Phú Hữu	KX	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 41' 55"	106° 03' 18"					C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
đình Phú Hữu	KX	xã Phú Hữu	H. Long Phú	09° 41' 49"	106° 03' 26"					C-48-57-C-a
rạch Chùa Ông	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 42' 07"	106° 02' 58"	09° 42' 36"	106° 03' 39"	C-48-57-C-a
rạch Mây Hắt	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 39' 40"	106° 02' 04"	09° 42' 06"	106° 03' 11"	C-48-57-C-a
Rạch Gốc	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 41' 57"	106° 03' 14"	09° 39' 51"	106° 03' 50"	C-48-57-C-a
sông Đập Lở	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 39' 51"	106° 03' 50"	09° 39' 36"	106° 03' 11"	C-48-57-C-a
sông Saintard	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a
sông Văn Cơ	TV	xã Phú Hữu	H. Long Phú			09° 38' 26"	106° 02' 37"	09° 38' 42"	105° 59' 05"	C-48-57-C-a
ấp Phụng An	DC	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 46' 07"	106° 01' 40"					C-48-57-A-c
ấp Phụng Sơn	DC	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 45' 08"	106° 02' 32"					C-48-57-A-c
ấp Phụng Tường 1	DC	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 46' 18"	106° 02' 50"					C-48-57-A-c
ấp Phụng Tường 2	DC	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 44' 56"	106° 03' 46"					C-48-57-C-a
đình Phụng Sơn	KX	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 45' 51"	106° 01' 45"					C-48-57-A-c
đình Phụng Tường	KX	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 45' 38"	106° 03' 23"					C-48-57-A-c
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-a; C-48-57-A-c
cồn Lý Quyên	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 46' 18"	106° 03' 21"					C-48-57-A-c
cồn Số 1	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 44' 31"	106° 04' 35"					C-48-57-C-a
cồn Số 2	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 44' 43"	106° 04' 15"					C-48-57-C-a
cồn Số 3	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú	09° 46' 01"	106° 03' 48"					C-48-57-A-c
kênh An Mỹ - 30 tháng 4	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 38' 59"	105° 57' 47"	C-48-57-A-c
kênh Xẻo Lá	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 45' 56"	106° 02' 14"	09° 46' 08"	106° 02' 22"	C-48-57-A-c
Kênh Giữa	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 46' 08"	106° 02' 22"	09° 44' 19"	106° 03' 46"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Mương Điều	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 43' 28"	106° 04' 00"	09° 45' 54"	106° 01' 45"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a
Rạch Bần	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 44' 34"	106° 02' 12"	09° 45' 43"	106° 01' 32"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a
Rạch Mọp	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 46' 54"	106° 02' 22"	C-48-57-A-c
Sông Hậu	TV	xã Song Phụng	H. Long Phú			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-A-c; C-48-57-C-a
ấp Ko Kô	DC	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 35' 49"	106° 04' 46"					C-48-57-C-c
ấp Sóc Dong	DC	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 39' 35"	106° 04' 32"					C-48-57-C-a
ấp Tân Lịch	DC	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 37' 41"	106° 04' 06"					C-48-57-C-a
ấp Tân Qui A	DC	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 37' 14"	106° 04' 15"					C-48-57-C-c
ấp Tân Qui B	DC	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 36' 55"	106° 04' 16"					C-48-57-C-c
cầu Tân Hưng	KX	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 37' 17"	106° 03' 54"					C-48-57-C-c
chùa Bâng Cro Chăp Thmây	KX	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 37' 20"	106° 03' 55"					C-48-57-C-c
chùa Ông Bổn	KX	xã Tân Hưng	H. Long Phú	09° 39' 27"	106° 04' 47"					C-48-57-C-a
Đường tỉnh 933	KX	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-c
kênh 25 tháng 4	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 49"	106° 05' 57"	09° 33' 42"	106° 05' 31"	C-48-57-C-c
kênh 96 Long Hưng	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 37' 06"	106° 04' 41"	09° 29' 01"	106° 02' 03"	C-48-57-C-c
kênh Bà Xẩm	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 43' 26"	106° 04' 03"	09° 39' 07"	106° 06' 22"	C-48-57-C-a
kênh Băng Long	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 37' 22"	106° 02' 06"	09° 36' 35"	106° 07' 17"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
kênh Hai Hol	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 58"	106° 05' 17"	09° 36' 24"	106° 05' 11"	C-48-57-C-c
kênh Hưng Thạnh	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 37' 20"	106° 03' 32"	09° 34' 30"	106° 04' 07"	C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Tân Lịch	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 38' 20"	106° 05' 46"	09° 38' 07"	106° 05' 03"	C-48-57-C-a
kênh Tân Lịch - Sóc Dong	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 39' 17"	106° 04' 41"	09° 37' 35"	106° 03' 54"	C-48-57-C-a
Kênh 12	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 58"	106° 05' 20"	09° 38' 11"	106° 05' 15"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
Kênh 13	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 54"	106° 05' 38"	09° 38' 18"	106° 05' 36"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
rạch Bào Tre	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 39' 33"	106° 04' 31"	09° 39' 35"	106° 04' 25"	C-48-57-C-a
rạch Bưng Thum	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 34' 51"	106° 03' 41"	09° 36' 22"	106° 07' 20"	C-48-57-C-c
rạch Bưng Xúc	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 38' 24"	106° 04' 21"	09° 38' 07"	106° 05' 03"	C-48-57-C-a
rạch Đường Trâu	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 38' 18"	106° 04' 29"	09° 37' 37"	106° 04' 10"	C-48-57-C-a
rạch Pecdon	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 35' 55"	106° 04' 09"	09° 37' 01"	106° 05' 01"	C-48-57-C-c
rạch Trạm Xá	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 36' 17"	106° 04' 33"	09° 37' 16"	106° 03' 56"	C-48-57-C-c
sông Bờ Biển	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 39' 33"	106° 04' 31"	09° 39' 21"	106° 06' 55"	C-48-57-C-a
sông Sóc Dong	TV	xã Tân Hưng	H. Long Phú			09° 39' 51"	106° 03' 50"	09° 39' 33"	106° 04' 31"	C-48-57-C-a
ấp Cái Đường	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 36' 28"	106° 03' 00"					C-48-57-C-c
ấp Cái Quanh	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 37' 27"	106° 02' 40"					C-48-57-C-c
ấp Cái Xe	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 35' 11"	106° 02' 40"					C-48-57-C-c
ấp Mương Tra	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 35' 49"	106° 01' 14"					C-48-57-C-c
ấp Ngã Tư	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 36' 45"	106° 01' 40"					C-48-57-C-c
ấp Saintard	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 37' 44"	106° 02' 25"					C-48-57-C-c
ấp Tân Hội	DC	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 35' 46"	106° 02' 11"					C-48-57-C-c
cầu Saintard	KX	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 37' 30"	106° 02' 08"					C-48-57-C-c
đình Tân Hội	KX	xã Tân Thạnh	H. Long Phú	09° 35' 44"	106° 02' 03"					C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 933	KX	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 37"	105° 58' 40"	09° 39' 26"	106° 09' 39"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
Đường tỉnh 935B	KX	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 37' 25"	106° 02' 12"	09° 36' 21"	106° 01' 29"	C-48-57-C-c
kênh Băng Long	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 37' 22"	106° 02' 06"	09° 36' 35"	106° 07' 17"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
kênh Hưng Thạnh	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 37' 20"	106° 03' 32"	09° 34' 30"	106° 04' 07"	C-48-57-C-c
kênh Nông Trường	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 31"	106° 03' 21"	09° 35' 32"	106° 03' 49"	C-48-57-C-c
kênh Tân Hội	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 37' 03"	106° 02' 52"	09° 35' 03"	106° 01' 56"	C-48-57-C-c
Kênh Sườn	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 28"	106° 02' 50"	09° 35' 32"	106° 02' 52"	C-48-57-C-c
rạch Bưng Thum	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 34' 51"	106° 03' 41"	09° 36' 22"	106° 07' 20"	C-48-57-C-c
rạch Cái Quanh	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 37' 31"	106° 02' 47"	09° 36' 42"	106° 02' 33"	C-48-57-C-c; C-48-57-C-a
rạch Cái Xe	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 34' 21"	106° 04' 08"	C-48-57-C-c
sông Cái Đường	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 33"	106° 03' 15"	09° 36' 41"	106° 02' 33"	C-48-57-C-c
sông Chòi Mòi	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 41"	106° 02' 32"	09° 36' 53"	106° 01' 44"	C-48-57-C-c
sông Mương Tra	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 21"	106° 01' 23"	09° 34' 58"	106° 01' 13"	C-48-57-C-c
sông Saintard	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-57-C-a; C-48-57-C-c
sông Tân Hội	TV	xã Tân Thạnh	H. Long Phú			09° 36' 42"	106° 02' 20"	09° 36' 39"	106° 02' 30"	C-48-57-C-c
ấp Trường An	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 39' 40"	106° 01' 06"					C-48-57-C-a
ấp Trường Bình	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 42' 01"	106° 01' 08"					C-48-57-C-a
ấp Trường Hưng	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 40' 21"	106° 00' 42"					C-48-57-C-a
ấp Trường Lộc	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 41' 52"	106° 00' 22"					C-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Trường Thành A	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 40' 36"	106° 00' 35"					C-48-57-C-a
ấp Trường Thành B	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 40' 45"	106° 00' 00"					C-48-57-C-a
ấp Trường Thọ	DC	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 39' 52"	105° 59' 07"					C-48-56-D-b
chợ Trường Khánh	KX	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 40' 44"	106° 00' 29"					C-48-57-C-a
chùa Săn Ke	KX	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 40' 34"	106° 00' 23"					C-48-57-C-a
miếu Ông Tà	KX	xã Trường Khánh	H. Long Phú	09° 41' 31"	106° 00' 41"					C-48-57-C-a
Quốc lộ 60	KX	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 45' 20"	106° 06' 21"	09° 36' 40"	105° 58' 34"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b
kênh 6 Thước	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 39' 48"	106° 00' 52"	09° 36' 50"	105° 59' 37"	C-48-57-C-a
kênh An Mỹ - 30 tháng 4	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 45' 41"	106° 01' 07"	09° 38' 59"	105° 57' 47"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b
kênh Bảy Năm	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 42' 56"	106° 01' 20"	09° 40' 51"	106° 00' 17"	C-48-57-C-a
kênh Bảy Sáu	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 42' 06"	106° 01' 12"	09° 41' 52"	106° 01' 44"	C-48-57-C-a
kênh Ông Cả	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 42' 07"	106° 00' 16"	09° 41' 58"	106° 01' 04"	C-48-57-C-a
kênh Số Sáu	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 43' 15"	106° 00' 43"	09° 42' 46"	106° 01' 40"	C-48-57-C-a
kênh Thần Nhất	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 42' 28"	106° 00' 09"	09° 42' 26"	106° 01' 24"	C-48-57-C-a
kênh Vũng Thơm	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 41' 13"	105° 59' 14"	09° 40' 49"	106° 00' 24"	C-48-56-D-b; C-48-57-C-a
rạch Bà Chúa	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 42' 44"	106° 00' 03"	09° 42' 59"	106° 01' 13"	C-48-57-C-a
rạch Trường Lộc	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 40' 42"	106° 00' 09"	09° 43' 13"	105° 59' 54"	C-48-57-C-a
sông Chông Chác	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 39' 36"	106° 02' 02"	09° 38' 11"	106° 01' 02"	C-48-57-C-a
sông Trường Hưng	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 41' 17"	106° 01' 40"	09° 40' 28"	106° 00' 40"	C-48-57-C-a
sông Văn Cơ	TV	xã Trường Khánh	H. Long Phú			09° 38' 26"	106° 02' 37"	09° 38' 42"	105° 59' 05"	C-48-57-C-a; C-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Cầu Đồn	DC	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú	09° 38' 14"	105° 48' 42"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Lợi A	DC	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú	09° 38' 36"	105° 47' 01"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Tân	DC	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú	09° 38' 40"	105° 48' 38"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Thuận	DC	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú	09° 37' 50"	105° 48' 27"					C-48-56-D-a
ấp Nội Ô	DC	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú	09° 38' 13"	105° 48' 30"					C-48-56-D-a
đường 3 tháng 2	KX	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 38' 02"	105° 49' 10"	09° 38' 11"	105° 48' 33"	C-48-56-D-a
đường 30 tháng 4	KX	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 38' 12"	105° 49' 10"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
Đường tỉnh 939	KX	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-a
Đường tỉnh 939B	KX	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 42' 24"	105° 53' 46"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
Đường tỉnh 940	KX	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-a
kênh 1 tháng 5	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 42' 24"	105° 46' 05"	09° 38' 15"	105° 48' 15"	C-48-56-D-a
kênh Ba Hữu	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 39' 25"	105° 47' 01"	09° 38' 30"	105° 47' 20"	C-48-56-D-a
kênh Ba Xía	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 36' 53"	105° 46' 24"	09° 38' 33"	105° 46' 38"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
kênh Bé Bùi	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 36' 05"	105° 48' 40"	09° 38' 07"	105° 48' 45"	C-48-56-D-a
kênh Ô Quên	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 37' 32"	105° 50' 52"	09° 38' 11"	105° 48' 32"	C-48-56-D-a
kênh Tân Lập	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 08"	105° 48' 10"	C-48-56-D-a
kênh Trà Cú Cạn	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 38' 11"	105° 48' 32"	09° 37' 01"	105° 40' 37"	C-48-56-D-a
Kênh 12	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 40' 42"	105° 51' 44"	09° 38' 19"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
rạch Bào Sen	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 37' 37"	105° 47' 06"	09° 36' 50"	105° 46' 26"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Cái Triết	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 39' 01"	105° 48' 54"	09° 36' 21"	105° 48' 59"	C-48-56-D-a
rạch Chòm Tre	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 38' 28"	105° 47' 24"	09° 37' 37"	105° 47' 06"	C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Đường Trâu	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 37' 37"	105° 47' 06"	09° 37' 36"	105° 48' 25"	C-48-56-D-a
rạch Ô Rô	TV	TT. Huỳnh Hữu Nghĩa	H. Mỹ Tú			09° 38' 49"	105° 48' 07"	09° 38' 32"	105° 48' 35"	C-48-56-D-a
ấp Phương An 1	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 39' 07"	105° 41' 14"					C-48-56-C-b
ấp Phương An 2	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 38' 38"	105° 41' 17"					C-48-56-C-b
ấp Phương An 3	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 38' 26"	105° 40' 29"					C-48-56-C-b
ấp Phương Bình 1	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 41' 00"	105° 43' 55"					C-48-56-C-b
ấp Phương Bình 2	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 40' 21"	105° 42' 52"					C-48-56-C-b
ấp Phương Hòa 1	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 41' 46"	105° 45' 06"					C-48-56-D-a
ấp Phương Hòa 2	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 41' 16"	105° 44' 21"					C-48-56-C-b
ấp Phương Hòa 3	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 39' 45"	105° 46' 01"					C-48-56-D-a
ấp Phương Thạnh 1	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 39' 59"	105° 42' 17"					C-48-56-C-b
ấp Phương Thạnh 2	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 39' 36"	105° 41' 44"					C-48-56-C-b
Ấp Mới	DC	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 38' 56"	105° 43' 42"					C-48-56-C-b
Đường tỉnh 939	KX	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-C-b
miếu Bà Chúa Xứ	KX	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú	09° 40' 25"	105° 42' 59"					C-48-56-C-b
Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp	KX	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 42' 50"	105° 46' 59"	09° 31' 07"	105° 32' 53"	C-48-56-C-b; C-48-56-D-a
kênh 8 Thước	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 40' 44"	105° 43' 28"	09° 38' 17"	105° 44' 35"	C-48-56-C-b
kênh 9 Thước	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 41' 55"	105° 45' 19"	09° 39' 25"	105° 47' 01"	C-48-56-D-a
kênh Đường Láng	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 38' 55"	105° 40' 59"	09° 37' 37"	105° 42' 17"	C-48-56-C-b
kênh Hậu Bối	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 41' 36"	105° 44' 48"	09° 38' 33"	105° 46' 37"	C-48-56-C-b; C-48-56-D-a
kênh Nhà Thờ	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 40' 13"	105° 48' 01"	09° 40' 12"	105° 46' 09"	C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-C-b; C-48-56-D-a
Kênh 500	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 40' 09"	105° 43' 08"	09° 39' 46"	105° 42' 22"	C-48-56-C-b
Kênh 1000	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 39' 55"	105° 43' 14"	09° 40' 57"	105° 44' 54"	C-48-56-C-b
Kênh 2000	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 40' 15"	105° 44' 50"	09° 39' 29"	105° 43' 25"	C-48-56-C-b
Kênh Lẫm	TV	xã Hưng Phú	H. Mỹ Tú			09° 39' 56"	105° 42' 12"	09° 38' 33"	105° 43' 27"	C-48-56-C-b
Ấp Mới	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 42' 35"	105° 48' 47"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Khánh A	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 42' 12"	105° 46' 49"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Khánh B	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 41' 33"	105° 47' 16"					C-48-56-D-a
ấp Tân Hòa A	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 40' 51"	105° 48' 09"					C-48-56-D-a
ấp Tân Hòa B	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 39' 18"	105° 48' 37"					C-48-56-D-a
ấp Tân Hòa C	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 39' 57"	105° 48' 13"					C-48-56-D-a
ấp Tân Phước A1	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 42' 28"	105° 46' 43"					C-48-56-D-a
ấp Tân Phước A2	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 42' 14"	105° 48' 04"					C-48-56-D-a
ấp Tân Phước B	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 41' 41"	105° 49' 09"					C-48-56-D-a
ấp Tân Thành	DC	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 42' 02"	105° 45' 34"					C-48-56-D-a
Đường tỉnh 940	KX	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-a
nhà thờ Tân Lập	KX	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 40' 15"	105° 47' 58"					C-48-56-D-a
Quốc lộ Quản lộ - Phụng Hiệp	KX	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 50"	105° 46' 59"	09° 31' 07"	105° 32' 53"	C-48-56-D-a
thánh tịnh Quang Minh Đài	KX	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú	09° 41' 41"	105° 47' 07"					C-48-56-D-a
kênh 1 tháng 5	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 24"	105° 46' 05"	09° 38' 15"	105° 48' 15"	C-48-56-D-a
kênh 8 Thước (Vườn Cò)	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 41' 27"	105° 49' 46"	09° 39' 53"	105° 49' 35"	C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh 9 Thước	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 41' 55"	105° 45' 19"	09° 39' 25"	105° 47' 01"	C-48-56-D-a
kênh Chệt Siều	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 41' 34"	105° 49' 30"	09° 42' 37"	105° 49' 39"	C-48-56-D-a
kênh Mới Bộ Xuyên	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 41' 33"	105° 49' 30"	09° 40' 39"	105° 47' 47"	C-48-56-D-a
kênh Nhà Thờ	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 40' 13"	105° 48' 01"	09° 40' 12"	105° 46' 09"	C-48-56-D-a
kênh Nông Trại 1 tháng 5	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 19"	105° 47' 33"	09° 43' 11"	105° 48' 00"	C-48-56-D-a
kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 31' 19"	105° 32' 55"	09° 42' 41"	105° 46' 33"	C-48-56-D-a
kênh Tân Lập	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 08"	105° 48' 10"	C-48-56-D-a
kênh Tân Phước - An Tập	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 56"	105° 57' 42"	C-48-56-D-a
Kênh Chùa	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 39"	105° 46' 40"	09° 44' 35"	105° 49' 56"	C-48-56-D-a
Kênh Lý	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 42' 09"	105° 47' 58"	09° 44' 35"	105° 49' 56"	C-48-56-D-a
rạch Láng Bồn Bồn	TV	xã Long Hưng	H. Mỹ Tú			09° 39' 02"	105° 48' 54"	09° 39' 48"	105° 50' 12"	C-48-56-D-a
ấp Mương Khai	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 39' 03"	105° 50' 31"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ An	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 37' 05"	105° 50' 39"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Đức	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 38' 54"	105° 50' 57"					C-48-56-D-a
ấp Tân Mỹ	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 39' 29"	105° 49' 09"					C-48-56-D-a
ấp Trà Coi A	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 36' 56"	105° 50' 34"					C-48-56-D-c
ấp Trà Coi B	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 38' 46"	105° 51' 45"					C-48-56-D-c
ấp Xẻo Gừa	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 37' 03"	105° 51' 00"					C-48-56-D-c
ấp Xóm Lớn	DC	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 37' 22"	105° 50' 49"					C-48-56-D-c
cầu Bà Lui	KX	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 37' 35"	105° 50' 53"					C-48-56-D-a
cầu Xẻo Gừa	KX	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú	09° 37' 07"	105° 51' 15"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 939	KX	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 939B	KX	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 42' 24"	105° 53' 46"	09° 38' 18"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
kênh Ba Anh	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 38' 51"	105° 49' 39"	09° 37' 55"	105° 49' 38"	C-48-56-D-a
kênh Ba Râu	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 38' 17"	105° 51' 34"	09° 40' 00"	105° 53' 38"	C-48-56-D-a
kênh Ba Rinh	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 27"	105° 50' 57"	09° 37' 55"	105° 50' 54"	C-48-56-D-a
kênh Ba Tấn	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 53"	105° 49' 35"	09° 39' 30"	105° 49' 39"	C-48-56-D-a
kênh Cầu Tre	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 12"	105° 51' 56"	09° 39' 27"	105° 50' 57"	C-48-56-D-a
kênh Hai Huôi	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 30"	105° 49' 39"	09° 38' 51"	105° 49' 39"	C-48-56-D-a
kênh Lộ Quẹo	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 37' 27"	105° 51' 32"	09° 36' 49"	105° 52' 34"	C-48-56-D-c
kênh Mười Đường	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 38' 40"	105° 48' 58"	09° 38' 42"	105° 49' 53"	C-48-56-D-a
kênh Mương Khai	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 41' 23"	105° 49' 58"	09° 37' 32"	105° 50' 53"	C-48-56-D-a
kênh Ô Quên	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 37' 32"	105° 50' 52"	09° 38' 11"	105° 48' 32"	C-48-56-D-a
Kênh 12	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 40' 42"	105° 51' 44"	09° 38' 19"	105° 48' 34"	C-48-56-D-a
Kênh Xáng	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 36' 41"	105° 50' 29"	09° 37' 31"	105° 50' 52"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Cái Triết	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 01"	105° 48' 54"	09° 36' 21"	105° 48' 59"	C-48-56-D-a
rạch Hòa Long	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 37' 35"	105° 52' 21"	09° 37' 46"	105° 51' 44"	C-48-56-D-a
rạch Láng Bồn Bồn	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 02"	105° 48' 54"	09° 39' 48"	105° 50' 12"	C-48-56-D-a
rạch Miễu	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 37' 38"	105° 52' 24"	09° 38' 32"	105° 51' 38"	C-48-56-D-a
rạch Rau Cần	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 38' 55"	105° 48' 56"	09° 39' 05"	105° 50' 28"	C-48-56-D-a
sông Mỹ Hương	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
sông Xóm Lớn	TV	xã Mỹ Hương	H. Mỹ Tú			09° 37' 08"	105° 51' 12"	09° 37' 31"	105° 50' 52"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Phước An A	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 34' 49"	105° 45' 47"					C-48-56-D-c
ấp Phước An B	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 14"	105° 45' 04"					C-48-56-D-c
ấp Phước Lợi A	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 12"	105° 43' 20"					C-48-56-C-d
ấp Phước Lợi B	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 07"	105° 43' 58"					C-48-56-C-d
ấp Phước Ninh	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 44"	105° 44' 01"					C-48-56-C-d
ấp Phước Thọ A	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 37' 09"	105° 40' 56"					C-48-56-C-d
ấp Phước Thọ B	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 38' 10"	105° 43' 33"					C-48-56-C-b
ấp Phước Thọ C	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 38' 17"	105° 44' 21"					C-48-56-C-b
ấp Phước Thới A	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 36' 37"	105° 42' 03"					C-48-56-C-d
ấp Phước Thới B	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 36' 52"	105° 41' 12"					C-48-56-C-d
ấp Phước Thuận	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 36' 02"	105° 43' 13"					C-48-56-C-d
ấp Phước Trường A	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 07"	105° 41' 08"					C-48-56-C-d
ấp Phước Trường B	DC	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 34' 18"	105° 41' 50"					C-48-56-C-d
Di tích lịch sử Căn cứ Tỉnh ủy Sóc Trăng	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 34' 19"	105° 44' 54"					C-48-56-C-d
Đường tỉnh 939	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-d; C-48-56-C-b
Đường tỉnh 940	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-c
Lâm trường Mỹ Phước	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 33' 38"	105° 43' 45"					C-48-56-C-d
nhà thờ Đồng Lào	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 35' 09"	105° 45' 18"					C-48-56-D-c
nhà thờ Đường Láng	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 37' 58"	105° 41' 58"					C-48-56-C-b
nhà thờ Phước Thọ	KX	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú	09° 38' 02"	105° 43' 20"					C-48-56-C-b
kênh 4 Thước	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 32' 49"	105° 40' 43"	09° 33' 56"	105° 44' 17"	C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh 7 Thước	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 36' 20"	105° 41' 03"	09° 35' 11"	105° 41' 25"	C-48-56-C-d
kênh 8 Thước	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 40' 44"	105° 43' 28"	09° 38' 17"	105° 44' 35"	C-48-56-C-b
kênh Bao Lâm Trường	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 41"	105° 40' 37"	09° 32' 29"	105° 42' 23"	C-48-56-C-d; C-48-56-D-c
kênh Ba Trí	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 11"	105° 41' 25"	09° 35' 52"	105° 43' 35"	C-48-56-C-d
kênh Bào Gừa	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 36' 08"	105° 42' 10"	09° 35' 28"	105° 42' 45"	C-48-56-C-d
kênh Cầu Đen	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 31' 44"	105° 41' 04"	09° 33' 45"	105° 40' 53"	C-48-56-C-d
kênh Cầu Trắng	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 42"	105° 41' 52"	09° 32' 13"	105° 42' 30"	C-48-56-C-d
kênh Đường Láng	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 38' 55"	105° 40' 59"	09° 37' 37"	105° 42' 17"	C-48-56-C-b
kênh Lung Giữa	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 59"	105° 39' 54"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
kênh Nước Ngọt	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 09"	105° 38' 34"	09° 34' 05"	105° 40' 54"	C-48-56-C-d
kênh Số 1	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 32"	105° 44' 19"	09° 34' 04"	105° 41' 56"	C-48-56-C-d
kênh Số 2	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 02"	105° 45' 25"	09° 34' 49"	105° 45' 12"	C-48-56-D-c
kênh Số 3	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 55"	105° 46' 13"	09° 34' 26"	105° 46' 41"	C-48-56-D-c
kênh Thứ Bảy	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 32' 44"	105° 43' 06"	09° 34' 07"	105° 42' 35"	C-48-56-C-d
kênh Thứ Năm	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 32' 53"	105° 43' 33"	09° 34' 14"	105° 43' 02"	C-48-56-C-d
kênh Thứ Sáu	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 32' 49"	105° 43' 20"	09° 34' 10"	105° 42' 47"	C-48-56-C-d
kênh Thứ Tám	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 54"	105° 42' 26"	09° 32' 54"	105° 42' 48"	C-48-56-C-d
kênh Trà Cú Cạn	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 38' 11"	105° 48' 32"	09° 37' 01"	105° 40' 37"	C-48-56-C-b; C-48-56-C-d
kênh U Quên	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 54"	105° 39' 53"	09° 35' 52"	105° 43' 53"	C-48-56-C-d
kênh xáng Mỹ Phước	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 55"	105° 47' 44"	09° 37' 34"	105° 38' 41"	C-48-56-C-d; C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Xáng Cụt	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 36' 45"	105° 41' 26"	09° 35' 08"	105° 39' 55"	C-48-56-C-d
Kênh Bao	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 32' 29"	105° 42' 23"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 49"	105° 43' 48"	09° 38' 17"	105° 44' 35"	C-48-56-C-b; C-48-56-C-d
Kênh Tư	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 26"	105° 39' 46"	09° 33' 22"	105° 42' 00"	C-48-56-C-d
rạch Bào Bần	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 26"	105° 46' 15"	09° 35' 45"	105° 46' 44"	C-48-56-D-c
rạch Cây Bàng	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 35"	105° 44' 23"	09° 36' 52"	105° 46' 23"	C-48-56-C-d; C-48-56-D-c
rạch Chòm Trúc	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 26"	105° 46' 15"	09° 36' 12"	105° 44' 45"	C-48-56-C-d; C-48-56-D-c
Rạch Chùa	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 22"	105° 47' 07"	09° 35' 26"	105° 46' 15"	C-48-56-D-c
rạch Đại Nia	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 36' 26"	105° 45' 14"	09° 36' 52"	105° 46' 23"	C-48-56-D-c
rạch Đường Trâu	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 16"	105° 40' 30"	09° 35' 39"	105° 41' 10"	C-48-56-C-d
rạch Ông Bang	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 39"	105° 41' 10"	09° 36' 39"	105° 41' 48"	C-48-56-C-d
rạch Ông Hội	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 35' 12"	105° 41' 54"	09° 36' 29"	105° 42' 18"	C-48-56-C-d
rạch Phước Trường	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 33' 23"	105° 41' 52"	09° 35' 10"	105° 41' 29"	C-48-56-C-d
rạch Tràm Một	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 19"	105° 44' 54"	09° 34' 40"	105° 45' 34"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
rạch Xóm Phích	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 05"	105° 40' 56"	09° 34' 17"	105° 41' 52"	C-48-56-C-d
rạch Xóm Tiệm	TV	xã Mỹ Phước	H. Mỹ Tú			09° 34' 17"	105° 41' 52"	09° 35' 29"	105° 44' 15"	C-48-56-C-d
ấp Phước An	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 34' 26"	105° 46' 47"					C-48-56-D-c
ấp Phước Bình	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 09"	105° 48' 11"					C-48-56-D-c
ấp Rạch Rê	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 32' 31"	105° 50' 28"					C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Tam Sóc A	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 51"	105° 49' 14"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc B1	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 36"	105° 49' 02"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc B2	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 42"	105° 48' 39"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc C1	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 26"	105° 49' 18"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc C2	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 05"	105° 49' 14"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc D1	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 34' 30"	105° 47' 51"					C-48-56-D-c
ấp Tam Sóc D2	DC	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 35' 33"	105° 48' 06"					C-48-56-D-c
cầu Mỹ Phước	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 39"	105° 47' 45"					C-48-56-D-c
cầu Tam Sóc	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 46"	105° 49' 08"					C-48-56-D-c
chùa Phước Long	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 40"	105° 47' 50"					C-48-56-D-c
chùa Tum Pook Sok	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 33' 45"	105° 49' 15"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 938	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 37' 00"	105° 56' 34"	09° 33' 36"	105° 48' 11"	C-48-56-D-c
Đường tỉnh 940	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-c
nhà thờ Tam Sóc	KX	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú	09° 35' 03"	105° 48' 04"					C-48-56-D-c
kênh 14 tháng 9	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 30' 12"	105° 41' 42"	09° 32' 36"	105° 48' 32"	C-48-56-D-c
kênh Bao Còn	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 34"	105° 47' 59"	09° 33' 10"	105° 46' 12"	C-48-56-D-c
kênh Bao Lâm Trường	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 41"	105° 40' 37"	09° 32' 29"	105° 42' 23"	C-48-56-D-c
kênh Dự Án Ngăn Mặn	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 25"	105° 47' 49"	09° 32' 36"	105° 48' 32"	C-48-56-D-c
kênh Hai Tiếu	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 31' 54"	105° 49' 48"	09° 31' 59"	105° 50' 11"	C-48-56-D-c
kênh Huỳnh Sương	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 32' 12"	105° 50' 08"	09° 33' 50"	105° 49' 41"	C-48-56-D-c
kênh Lộ Mới	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 26' 08"	105° 46' 26"	09° 33' 14"	105° 46' 29"	C-48-56-D-c
kênh Rạch Rê	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 31' 59"	105° 50' 11"	09° 34' 39"	105° 54' 30"	C-48-56-D-c
kênh Số 3	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 55"	105° 46' 13"	09° 34' 26"	105° 46' 41"	C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Tam Bình	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 36' 16"	105° 49' 18"	09° 33' 56"	105° 50' 05"	C-48-56-D-c
kênh Tam Sóc	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 34"	105° 48' 02"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-c
kênh Tam Sóc Mỹ Hòa	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 35' 53"	105° 48' 41"	09° 33' 39"	105° 48' 12"	C-48-56-D-c
kênh Tà Liêm	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 34' 15"	105° 49' 57"	09° 33' 56"	105° 47' 51"	C-48-56-D-c
kênh xáng Mỹ Phước	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 55"	105° 47' 44"	09° 37' 34"	105° 38' 41"	C-48-56-D-c
rạch Bố Thảo	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 35' 15"	105° 53' 36"	09° 31' 31"	105° 49' 53"	C-48-56-D-c
rạch Bưng Côi	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 33' 10"	105° 46' 13"	09° 32' 33"	105° 47' 44"	C-48-56-D-c
rạch Nhà Trường	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 35' 54"	105° 48' 44"	09° 35' 10"	105° 49' 09"	C-48-56-D-c
rạch Ông Trạch	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 34' 37"	105° 48' 56"	09° 35' 04"	105° 47' 57"	C-48-56-D-c
rạch Ô Quên	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 35' 10"	105° 49' 09"	09° 33' 45"	105° 49' 08"	C-48-56-D-c
rạch Tầm Lon	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-c
Rạch Chùa	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 34' 22"	105° 47' 07"	09° 35' 26"	105° 46' 15"	C-48-56-D-c
Rạch Rê	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 31' 43"	105° 50' 10"	09° 31' 14"	105° 51' 19"	C-48-56-D-c
sông Nhu Gia	TV	xã Mỹ Thuận	H. Mỹ Tú			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-56-D-c
ấp Mỹ An	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 36' 58"	105° 46' 19"					C-48-56-D-c
ấp Mỹ Bình	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 36' 25"	105° 46' 30"					C-48-56-D-c
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 36' 41"	105° 48' 18"					C-48-56-D-c
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 35' 09"	105° 47' 23"					C-48-56-D-c
ấp Mỹ Lợi B	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 38' 35"	105° 46' 09"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Lợi C	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 38' 19"	105° 45' 02"					C-48-56-D-a
ấp Mỹ Ninh	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 34' 12"	105° 47' 42"					C-48-56-D-c
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 36' 43"	105° 46' 59"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 939	KX	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-C-b; C-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 940	KX	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
nhà thờ Fa Ti Ma	KX	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú	09° 38' 22"	105° 44' 45"					C-48-56-C-b
kênh 8 Thước	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 40' 44"	105° 43' 28"	09° 38' 17"	105° 44' 35"	C-48-56-C-b
kênh Ba Hữu	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 39' 25"	105° 47' 01"	09° 38' 30"	105° 47' 20"	C-48-56-D-a
kênh Ba Xía	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 53"	105° 46' 24"	09° 38' 33"	105° 46' 38"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
kênh Bé Bùi	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 05"	105° 48' 40"	09° 38' 07"	105° 48' 45"	C-48-56-D-c
kênh Hậu Bối	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 41' 36"	105° 44' 48"	09° 38' 33"	105° 46' 37"	C-48-56-D-a
kênh Tân Lập	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 42' 41"	105° 46' 33"	09° 36' 08"	105° 48' 10"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-a
kênh Thầy Đường	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 38' 19"	105° 44' 46"	09° 39' 29"	105° 44' 30"	C-48-56-C-b
kênh Trà Cú Cạn	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 38' 11"	105° 48' 32"	09° 37' 01"	105° 40' 37"	C-48-56-C-b; C-48-56-D-a
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 35' 49"	105° 43' 48"	09° 38' 17"	105° 44' 35"	C-48-56-C-b
Kênh Tư	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 26"	105° 47' 45"	09° 35' 50"	105° 46' 42"	C-48-56-D-c
rạch Bào Bần	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 35' 26"	105° 46' 15"	09° 35' 45"	105° 46' 44"	C-48-56-D-c
rạch Bào Sen	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 37' 37"	105° 47' 06"	09° 36' 50"	105° 46' 26"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Ba Cảnh	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 38' 31"	105° 46' 27"	09° 37' 31"	105° 45' 59"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Bà Đốm	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 38' 27"	105° 45' 53"	09° 37' 11"	105° 46' 08"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Ba Ghẹt	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 52"	105° 46' 23"	09° 34' 39"	105° 47' 48"	C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Cả Tràm	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 04"	105° 48' 30"	09° 37' 27"	105° 48' 25"	C-48-56-D-c
rạch Cây Bàng	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 35' 35"	105° 44' 23"	09° 36' 52"	105° 46' 23"	C-48-56-D-c
rạch Cây Còng	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 37' 33"	105° 47' 24"	09° 36' 07"	105° 48' 09"	C-48-56-D-c
rạch Chòm Tre	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 38' 28"	105° 47' 24"	09° 37' 37"	105° 47' 06"	C-48-56-D-a
rạch Đại Nia	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 26"	105° 45' 14"	09° 36' 52"	105° 46' 23"	C-48-56-D-c
rạch Đường Trâu	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 37' 37"	105° 47' 06"	09° 37' 36"	105° 48' 25"	C-48-56-D-a
rạch Ông Cai	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 09"	105° 48' 14"	09° 36' 32"	105° 48' 16"	C-48-56-D-c
rạch Phố Lu	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 35' 52"	105° 47' 18"	09° 35' 56"	105° 48' 05"	C-48-56-D-c
rạch Tầm Lon	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 09"	105° 49' 52"	09° 36' 06"	105° 48' 10"	C-48-56-D-c
sông Nhu Gia	TV	xã Mỹ Tú	H. Mỹ Tú			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-56-D-c
ấp Bắc Dần	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 33' 27"	105° 53' 00"					C-48-56-D-d
ấp Bét Tôn	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 33' 00"	105° 51' 13"					C-48-56-D-c
ấp Bưng Cóc	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 34' 29"	105° 54' 37"					C-48-56-D-d
ấp Đai Ui	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 34' 26"	105° 53' 40"					C-48-56-D-d
ấp Phú Tức	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 35' 48"	105° 56' 27"					C-48-56-D-d
ấp Sóc Xoài	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 32' 22"	105° 52' 05"					C-48-56-D-c
ấp Tá Biên	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 32' 32"	105° 50' 47"					C-48-56-D-c
chùa Bâng Kha Don	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 34' 21"	105° 53' 05"					C-48-56-D-d
chùa Bâng Kok	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 35' 21"	105° 53' 48"					C-48-56-D-d
chùa Đay Tà Suôs	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 32' 33"	105° 52' 19"					C-48-56-D-c
chùa Pô Pus Tưk	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 35' 47"	105° 56' 35"					C-48-56-D-d
chùa Prêk Pinh Toon	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú	09° 32' 56"	105° 51' 28"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 939	KX	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh 8 Thước	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
kênh Huỳnh Sương	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 32' 12"	105° 50' 08"	09° 33' 50"	105° 49' 41"	C-48-56-D-c
kênh Nam Ba Rinh - Tà Liêm	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 33' 49"	105° 55' 31"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
kênh Phú Tức	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 36' 00"	105° 56' 28"	09° 34' 15"	105° 54' 49"	C-48-56-D-d
kênh Rạch Rê	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 31' 59"	105° 50' 11"	09° 34' 39"	105° 54' 30"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
kênh Xóm Cũ	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 35' 15"	105° 53' 36"	09° 35' 22"	105° 53' 16"	C-48-56-D-d
Kênh Huyện	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 34' 14"	105° 54' 59"	09° 31' 12"	105° 50' 52"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
rạch Bố Thảo	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 35' 15"	105° 53' 36"	09° 31' 31"	105° 49' 53"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
rạch Phú Tức	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 36' 16"	105° 56' 18"	09° 36' 17"	105° 57' 22"	C-48-56-D-d
rạch Trà Lây	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 35' 12"	105° 54' 03"	09° 35' 15"	105° 53' 36"	C-48-56-D-d
Rạch Rê	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỹ Tú			09° 31' 43"	105° 50' 10"	09° 31' 14"	105° 51' 19"	C-48-56-D-c
ấp Bố Liên 1	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 35' 03"	105° 52' 46"					C-48-56-D-d
ấp Bố Liên 2	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 34' 29"	105° 51' 28"					C-48-56-D-c
ấp Bố Liên 3	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 34' 16"	105° 51' 22"					C-48-56-D-c
ấp Tà Ân A1	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 34' 00"	105° 50' 34"					C-48-56-D-c
ấp Tà Ân A2	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 34' 27"	105° 50' 40"					C-48-56-D-c
ấp Tà Ân B	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 33' 55"	105° 50' 28"					C-48-56-D-c
ấp Thiện Bình	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 36' 05"	105° 50' 00"					C-48-56-D-c
ấp Thiện Nhơn	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 36' 19"	105° 49' 09"					C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Thiện Tánh	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 37' 34"	105° 48' 54"					C-48-56-D-a
ấp Trà Lây 1	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 35' 47"	105° 53' 56"					C-48-56-D-d
ấp Trà Lây 2	DC	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 35' 20"	105° 53' 07"					C-48-56-D-d
cầu Thuận Hưng	KX	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 34' 06"	105° 50' 57"					C-48-56-D-c
chùa Tà On	KX	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 35' 14"	105° 50' 43"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 938	KX	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 37' 00"	105° 56' 34"	09° 33' 36"	105° 48' 11"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
Đường tỉnh 939	KX	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-d
kênh Bé Bùi	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 05"	105° 48' 40"	09° 38' 07"	105° 48' 45"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
kênh Nam Ba Rinh - Tà Liêm	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 33' 49"	105° 55' 31"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
kênh Ô Quên	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 37' 32"	105° 50' 52"	09° 38' 11"	105° 48' 32"	C-48-56-D-a
kênh Tam Bình	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 16"	105° 49' 18"	09° 33' 56"	105° 50' 05"	C-48-56-D-c
kênh Tam Sóc	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 33' 34"	105° 48' 02"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
kênh Xóm Cũ	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 35' 15"	105° 53' 36"	09° 35' 22"	105° 53' 16"	C-48-56-D-d
Kênh Nổi	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 03"	105° 53' 48"	09° 34' 15"	105° 49' 57"	C-48-56-D-c
Kênh Xáng	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 41"	105° 50' 29"	09° 37' 31"	105° 50' 52"	C-48-56-D-c
rạch Cái Triết	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 39' 01"	105° 48' 54"	09° 36' 21"	105° 48' 59"	C-48-56-D-a; C-48-56-D-c
rạch Nhà Trường	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 35' 54"	105° 48' 44"	09° 35' 10"	105° 49' 09"	C-48-56-D-c
rạch Tà On	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 09"	105° 49' 52"	09° 36' 24"	105° 53' 15"	C-48-56-D-c
rạch Tầm Lon	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 36' 09"	105° 49' 52"	09° 36' 06"	105° 48' 10"	C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Trà Lây	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 35' 12"	105° 54' 03"	09° 35' 15"	105° 53' 36"	C-48-56-D-d
sông Mỹ Hương	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú			09° 39' 20"	105° 52' 01"	09° 36' 09"	105° 49' 52"	C-48-56-D-c
trạm bơm Tà Liêm	TV	xã Thuận Hưng	H. Mỹ Tú	09° 36' 01"	105° 53' 47"					C-48-56-D-d
ấp Châu Thành	DC	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 47"	105° 58' 51"					C-48-56-D-d
ấp Chợ Cũ	DC	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 34"	105° 58' 27"					C-48-56-D-d
ấp Hòa Mỹ	DC	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 44"	105° 59' 27"					C-48-56-D-d
ấp Thạnh Lợi	DC	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 24"	105° 59' 43"					C-48-56-D-d
ấp Vĩnh Xuyên	DC	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 14"	105° 58' 54"					C-48-56-D-d
cầu Ông Điệp	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 30"	105° 59' 38"					C-48-56-D-d
chùa Bai Chhau	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 07"	105° 58' 47"					C-48-56-D-d
chùa Phước Hòa	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 29"	105° 59' 07"					C-48-56-D-d
chùa Phước Lâm	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 02"	105° 58' 44"					C-48-56-D-d
đình thần Mỹ Xuyên	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 17"	105° 58' 54"					C-48-56-D-d
đường Bạch Đằng	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 26"	106° 01' 16"	09° 34' 32"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d
đường Lê Lợi	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 54"	105° 58' 43"	09° 33' 40"	105° 59' 16"	C-48-56-D-d
đường Triệu Nương	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 30"	105° 58' 48"	09° 33' 38"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d
Đường huyện 14	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 33"	105° 58' 35"	09° 33' 30"	105° 58' 48"	C-48-56-D-d
Đường tỉnh 934	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
miếu Ông Ba Thắc	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 14"	105° 58' 40"					C-48-56-D-d
Trường Cao đẳng Sư phạm Sóc Trăng	KX	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên	09° 34' 06"	105° 58' 46"					C-48-56-D-d
kênh Bắc Tà Ky	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 46"	105° 59' 13"	09° 33' 43"	105° 59' 41"	C-48-56-D-d
Kênh Mới	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 30"	105° 57' 29"	09° 34' 46"	105° 59' 13"	C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Phú Thuận - Thị Trấn	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 26"	105° 58' 18"	09° 29' 54"	105° 52' 33"	C-48-56-D-d
kênh Ranh Phường 9	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 43"	105° 59' 42"	09° 34' 33"	105° 59' 18"	C-48-56-D-d
kênh Tắc Bướm	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 32' 55"	105° 59' 45"	09° 28' 59"	106° 05' 56"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
kênh Tiếp Nhật	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
kênh xáng Tài Công	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 32' 06"	105° 59' 35"	C-48-56-D-d
sông An Nô	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 32' 29"	105° 59' 24"	09° 29' 12"	106° 01' 38"	C-48-56-D-d
sông Bãi Xào	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 30' 22"	105° 57' 55"	C-48-56-D-d
sông Saintard	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 23"	105° 59' 46"	09° 43' 57"	106° 04' 28"	C-48-56-D-d
Sông Đinh	TV	TT. Mỹ Xuyên	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 34' 23"	105° 59' 46"	C-48-56-D-d
ấp Đại Ân	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 27"	105° 55' 02"					C-48-56-D-d
ấp Đại Chí	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 48"	105° 55' 33"					C-48-56-D-d
ấp Đại Nghĩa Thắng	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 31' 59"	105° 54' 01"					C-48-56-D-d
ấp Đại Thành	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 06"	105° 54' 44"					C-48-56-D-d
ấp Tâm Kiên	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 57"	105° 56' 50"					C-48-56-D-d
ấp Tâm Lộc	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 17"	105° 55' 57"					C-48-56-D-d
ấp Tâm Phước	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 36"	105° 56' 13"					C-48-56-D-d
ấp Tâm Thọ	DC	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 54"	105° 55' 53"					C-48-56-D-d
chùa Anh Tà Kô Sây	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 52"	105° 56' 57"					C-48-56-D-d
chùa Chrôi Tưm Kal Đal	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 17"	105° 56' 02"					C-48-56-D-d
chùa Sro Lôn	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 20"	105° 55' 07"					C-48-56-D-d
Đường tỉnh 934	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 939	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 15"	105° 56' 12"	09° 38' 48"	105° 41' 06"	C-48-56-D-d
Quốc lộ 1	KX	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-56-D-d
kênh 8 Thước	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-d
kênh 19 tháng 5	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 08"	105° 56' 23"	09° 34' 56"	105° 57' 46"	C-48-56-D-d
kênh KN7	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 31' 25"	105° 58' 30"	09° 33' 49"	105° 55' 31"	C-48-56-D-d
kênh Nam Ba Rinh - Tà Liêm	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 49"	105° 55' 31"	09° 35' 49"	105° 54' 05"	C-48-56-D-d
kênh Phú Tức	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 00"	105° 56' 28"	09° 34' 15"	105° 54' 49"	C-48-56-D-d
Kênh Huyện	TV	xã Đại Tâm	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 14"	105° 54' 59"	09° 31' 12"	105° 50' 52"	C-48-56-D-d
ấp Công Hòa	DC	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 52"	105° 50' 32"					C-48-68-B-a
ấp Định Hòa	DC	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 50"	105° 52' 36"					C-48-68-B-b
ấp Long Hòa	DC	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 49"	105° 52' 23"					C-48-68-B-a
ấp Phước Hòa	DC	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 31"	105° 50' 26"					C-48-68-B-a
ấp Tam Hòa	DC	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 02"	105° 51' 16"					C-48-68-B-a
ấp Trung Hòa	DC	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 37"	105° 50' 45"					C-48-68-B-a
ấp Vĩnh A	DC	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 22"	105° 50' 31"					C-48-68-B-a
ấp Vĩnh B	DC	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 17"	105° 50' 46"					C-48-68-B-a
cầu Chàng Ré	KX	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 16"	105° 51' 08"					C-48-68-B-a
cầu Long Hòa	KX	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 18"	105° 52' 04"					C-48-68-B-a
cầu Nhị Thọ	KX	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 55"	105° 50' 36"					C-48-68-B-a
cầu Tam Hòa	KX	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 42"	105° 51' 47"					C-48-68-B-a
cầu Vĩnh A	KX	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 13"	105° 51' 00"					C-48-68-B-a
Đường tỉnh 940	KX	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-68-B-a
Miếu Bà	KX	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 40"	105° 52' 17"					C-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Công Hòa	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 48"	105° 50' 38"	09° 27' 08"	105° 51' 27"	C-48-68-B-a
kênh Giải Phóng	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 35"	105° 50' 03"	09° 24' 16"	105° 50' 14"	C-48-68-B-a
kênh Giữa Định Hòa	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 19"	105° 51' 17"	09° 26' 39"	105° 52' 06"	C-48-68-B-a
kênh Hòa Bình	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 05"	105° 51' 53"	09° 23' 05"	105° 52' 03"	C-48-68-B-a
kênh Hòa Hưng	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 32"	105° 51' 10"	09° 21' 57"	105° 51' 36"	C-48-68-B-c
Kênh Mới	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 37"	105° 53' 33"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
kênh Năm Liệt	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 42"	105° 49' 27"	09° 25' 14"	105° 50' 49"	C-48-68-B-a
kênh Ngã Hiệp	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 36"	105° 48' 59"	09° 24' 35"	105° 51' 51"	C-48-68-B-a
kênh Phước Hòa	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 32"	105° 51' 04"	09° 23' 50"	105° 50' 47"	C-48-68-B-a
kênh Thạnh Mỹ	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-a
kênh Xáng Út Linh	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 08"	105° 51' 27"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
rạch Hàm Rồng	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 04"	105° 49' 44"	09° 23' 50"	105° 50' 47"	C-48-68-B-a
rạch Hòa Phuông	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 05"	105° 51' 53"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
rạch Nhị Thọ	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 58"	105° 50' 33"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
rạch Vàm Lẻo	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 01"	105° 47' 02"	09° 21' 40"	105° 51' 26"	C-48-68-B-a
rạch Xẻo Sậy	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 59"	105° 50' 58"	09° 27' 08"	105° 51' 27"	C-48-68-B-a
Rạch Gò	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 55"	105° 52' 43"	09° 23' 09"	105° 51' 13"	C-48-68-B-a
Rạch Rừng	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 19"	105° 53' 11"	09° 28' 31"	105° 51' 36"	C-48-68-B-a
sông Chàng Ré	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 47"	105° 50' 06"	09° 28' 38"	105° 51' 50"	C-48-68-B-a
sông Vĩnh B	TV	xã Gia Hòa 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 45"	105° 50' 42"	09° 24' 32"	105° 51' 04"	C-48-68-B-a
ấp An Hòa	DC	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 12"	105° 48' 58"					C-48-68-B-a
ấp Bình Hòa	DC	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 28"	105° 48' 15"					C-48-68-B-a
ấp Hiệp Hòa	DC	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 23"	105° 49' 59"					C-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Nhơn Hòa	DC	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 36"	105° 48' 06"					C-48-68-B-a
ấp Tân Hòa	DC	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 32"	105° 49' 45"					C-48-68-B-a
ấp Thạnh Hòa	DC	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 54"	105° 48' 59"					C-48-68-B-a
ấp Thuận Hòa	DC	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 44"	105° 47' 30"					C-48-68-B-a
cầu An Hòa	KX	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 12"	105° 49' 10"					C-48-68-B-a
cầu Hòa Thạnh	KX	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 46"	105° 48' 10"					C-48-68-B-a
kênh Cà Lăm	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 18"	105° 48' 35"	09° 24' 47"	105° 48' 11"	C-48-68-B-a
kênh Giải Phóng	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 35"	105° 50' 03"	09° 24' 16"	105° 50' 14"	C-48-68-B-a
kênh Năm Liệt	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 42"	105° 49' 27"	09° 25' 14"	105° 50' 49"	C-48-68-B-a
kênh Ngã Hiệp	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 36"	105° 48' 59"	09° 24' 35"	105° 51' 51"	C-48-68-B-a
kênh Rạch Gốc	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 04"	105° 49' 44"	09° 25' 09"	105° 49' 11"	C-48-68-B-a
kênh Thạnh Mỹ	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-a
kênh Thủy Lợi	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 37"	105° 46' 59"	09° 24' 34"	105° 48' 11"	C-48-68-B-a
rạch Bờ Môn	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 44"	105° 48' 22"	09° 24' 28"	105° 47' 14"	C-48-68-B-a
rạch Hàm Rồng	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 04"	105° 49' 44"	09° 23' 50"	105° 50' 47"	C-48-68-B-a
rạch Nàng Rền	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 40"	105° 46' 29"	09° 23' 02"	105° 47' 02"	C-48-68-B-a
rạch Ngã Bá	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 00"	105° 49' 21"	09° 24' 11"	105° 48' 13"	C-48-68-B-a
rạch Tầm Du	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 47"	105° 46' 14"	09° 24' 12"	105° 46' 36"	C-48-68-B-a
rạch Vàm Lẻo	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 01"	105° 47' 02"	09° 21' 40"	105° 51' 26"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-c
Rạch Gò	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 39"	105° 46' 30"	09° 23' 36"	105° 48' 59"	C-48-68-B-a
sông Cà Lăm	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 19"	105° 46' 22"	09° 25' 47"	105° 50' 06"	C-48-68-B-a
sông Chàng Ré	TV	xã Gia Hòa 2	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 47"	105° 50' 06"	09° 28' 38"	105° 51' 50"	C-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Hòa Đê	DC	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 44"	105° 53' 43"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Đức	DC	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 36"	105° 51' 59"					C-48-68-B-a
ấp Hòa Nhạn	DC	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 37"	105° 53' 46"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Phuông	DC	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 53"	105° 51' 51"					C-48-68-B-a
ấp Hòa Phước	DC	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 28"	105° 52' 11"					C-48-68-B-a
ấp Hòa Tân	DC	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 07"	105° 54' 08"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Trung	DC	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 27"	105° 53' 14"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Trực	DC	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 19"	105° 53' 51"					C-48-68-B-b
Di tích lịch sử Địa điểm lưu niệm khởi nghĩa Nam Kỳ Đình Hòa Tú	KX	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 26"	105° 53' 51"					C-48-68-B-b
Di tích lịch sử Địa điểm thành lập Tiểu đoàn Phú Lợi	KX	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 21"	105° 53' 33"					C-48-68-B-b
Đường tỉnh 940	KX	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
Miếu Bàu	KX	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 25"	105° 52' 54"					C-48-68-B-b
kênh Còng Cọc	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 23"	105° 53' 34"	09° 25' 59"	105° 53' 15"	C-48-68-B-b
kênh Hòa Bình	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 05"	105° 51' 53"	09° 23' 05"	105° 52' 03"	C-48-68-B-a
kênh Sáu Cự	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 07"	105° 53' 32"	09° 24' 47"	105° 52' 29"	C-48-68-B-b
kênh Thạnh Mỹ	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
kênh Thủy Lợi	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 28"	105° 53' 53"	09° 25' 28"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
Kênh Giữa	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 15"	105° 52' 03"	09° 23' 38"	105° 52' 21"	C-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Mới	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 37"	105° 53' 33"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-b
Kênh Tư	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 15"	105° 54' 10"	09° 27' 33"	105° 53' 30"	C-48-68-B-b
Kênh Xáng	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 08"	105° 53' 25"	09° 25' 29"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
rạch Cây Gừa	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 53"	105° 52' 34"	09° 25' 23"	105° 53' 34"	C-48-68-B-b
rạch Củ Cải	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 38"	105° 54' 04"	09° 25' 36"	105° 54' 10"	C-48-68-B-b
rạch Hòa Phuông	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 05"	105° 51' 53"	09° 25' 41"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a
Rạch Rừng	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 19"	105° 53' 11"	09° 28' 31"	105° 51' 36"	C-48-68-B-a
sông Chàng Ré	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 47"	105° 50' 06"	09° 28' 38"	105° 51' 50"	C-48-68-B-a
sông Nhu Gia	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
Sông Đình	TV	xã Hòa Tú 1	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 36"	105° 54' 10"	09° 28' 41"	105° 54' 23"	C-48-68-B-b
ấp Dương Kiển	DC	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 11"	105° 53' 27"					C-48-68-B-d
ấp Hòa Bạch	DC	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 10"	105° 52' 09"					C-48-68-B-c
ấp Hòa Bình	DC	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 56"	105° 51' 51"					C-48-68-B-a
ấp Hòa Hưng	DC	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 53"	105° 51' 29"					C-48-68-B-a
ấp Hòa Nhờ A	DC	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 42"	105° 53' 41"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Nhờ B	DC	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 23"	105° 54' 49"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Phú	DC	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 26"	105° 53' 46"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Phủ	DC	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 32"	105° 52' 34"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Trung	DC	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 56"	105° 53' 37"					C-48-68-B-b
ấp Hữu Cận	DC	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 25"	105° 52' 48"					C-48-68-B-b
ấp Minh Duy	DC	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 14"	105° 54' 11"					C-48-68-B-b
cầu Chợ Kinh	KX	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 10"	105° 53' 47"					C-48-68-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
chùa Bửu Linh	KX	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên	09° 22' 02"	105° 53' 09"					C-48-68-B-d
Đường tỉnh 936B	KX	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
Đường tỉnh 940	KX	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
kênh Hòa Bạch	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 56"	105° 51' 31"	09° 22' 32"	105° 53' 20"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-c; C-48-68-B-d
kênh Hòa Bình	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 05"	105° 51' 53"	09° 23' 05"	105° 52' 03"	C-48-68-B-a
kênh Hòa Hưng	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 59"	105° 51' 19"	09° 23' 27"	105° 52' 56"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
kênh Hòa Nhờ	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 32"	105° 53' 20"	09° 23' 32"	105° 55' 03"	C-48-68-B-b
kênh Hòa Phú	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 53"	105° 54' 34"	09° 23' 02"	105° 53' 08"	C-48-68-B-b
kênh Hòa Phủ	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 33"	105° 52' 53"	09° 24' 08"	105° 53' 56"	C-48-68-B-b
kênh Ngã Hiệp	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 36"	105° 48' 59"	09° 24' 35"	105° 51' 51"	C-48-68-B-a
kênh Sáu Cự	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 07"	105° 53' 32"	09° 24' 47"	105° 52' 29"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
Kênh Giữa	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 41"	105° 51' 27"	09° 22' 18"	105° 52' 40"	C-48-68-B-c
Kênh Tư	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 32"	105° 53' 59"	09° 22' 29"	105° 54' 28"	C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
Kênh Xáng	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 22' 08"	105° 53' 25"	09° 25' 29"	105° 52' 18"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-c
rạch Củ Cải	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 21"	105° 55' 11"	09° 25' 18"	105° 53' 34"	C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Hòa Trung	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 41"	105° 53' 18"	09° 23' 32"	105° 53' 59"	C-48-68-B-b
rạch Vàm Lẻo	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 01"	105° 47' 02"	09° 21' 40"	105° 51' 26"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-c
Rạch Gò	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 55"	105° 52' 43"	09° 23' 09"	105° 51' 13"	C-48-68-B-a
sông Cổ Cò	TV	xã Hòa Tú 2	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 39"	105° 51' 26"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-c; C-48-68-B-b; C-48-68-B-d
ấp Hòa Đặng	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 58"	105° 56' 32"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Hinh	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 11"	105° 58' 10"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Lời	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 00"	105° 55' 17"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Thọ	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 43"	105° 56' 02"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Thượng	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 28"	105° 58' 05"					C-48-68-B-b
ấp Huỳnh Công Đê	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 59"	105° 54' 36"					C-48-68-B-b
ấp Lê Văn Xe	DC	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 33"	105° 56' 53"					C-48-68-B-b
Đường tỉnh 936	KX	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 32' 53"	105° 55' 49"	09° 26' 08"	105° 58' 07"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
nhà thờ Hòa Hinh	KX	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 59"	105° 58' 01"					C-48-68-B-b
nhà thờ Hòa Thượng	KX	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 40"	105° 58' 04"					C-48-68-B-b
kênh Bờ Ranh	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 29' 43"	105° 57' 42"	09° 27' 07"	105° 57' 18"	C-48-68-B-b
kênh Cống Đá	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 29' 09"	105° 56' 12"	09° 28' 08"	105° 55' 42"	C-48-68-B-b
kênh Đê 936	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 07"	105° 57' 54"	09° 23' 49"	105° 55' 17"	C-48-68-B-b
kênh Giáp Én	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 07"	105° 58' 20"	09° 27' 57"	105° 56' 58"	C-48-68-B-b
kênh Huyện Lộ 15	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 42"	105° 57' 59"	09° 27' 01"	105° 54' 42"	C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Sáu Chưởng	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 07"	105° 55' 41"	09° 27' 08"	105° 55' 11"	C-48-68-B-b
kênh Sáu Sơn	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 12"	105° 56' 52"	09° 27' 38"	105° 57' 22"	C-48-68-B-b
kênh Sáu Vực	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 15"	105° 55' 23"	09° 27' 24"	105° 54' 58"	C-48-68-B-b
kênh Thạnh Mỹ	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-b
rạch Ba Chùa	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 59"	105° 55' 05"	09° 27' 15"	105° 54' 10"	C-48-68-B-b
rạch Ông Bầu	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 29' 14"	105° 57' 33"	09° 29' 28"	105° 56' 59"	C-48-68-B-b
rạch Trà Thê	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 48"	105° 56' 22"	09° 29' 10"	105° 56' 52"	C-48-68-B-b
rạch Xóm Lung	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 54"	105° 56' 48"	09° 25' 15"	105° 55' 39"	C-48-68-B-b
Rạch Lung	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 32"	105° 55' 42"	09° 25' 59"	105° 55' 05"	C-48-68-B-b
sông Cây Tràm	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 47"	105° 56' 01"	09° 27' 48"	105° 56' 23"	C-48-68-B-b
sông Cù Lao	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 07"	105° 56' 58"	09° 28' 03"	105° 56' 36"	C-48-68-B-b
sông Dù Tho	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 19"	105° 57' 55"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
sông Nhu Gia	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
sông Tầm Loan	TV	xã Ngọc Đông	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 40"	105° 55' 18"	09° 27' 48"	105° 56' 22"	C-48-68-B-b
ấp Cổ Cò	DC	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 36"	105° 58' 04"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Đại	DC	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 24"	105° 56' 41"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Lý	DC	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 29"	105° 58' 12"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Muôn	DC	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 22"	105° 57' 25"					C-48-68-B-b
ấp Hòa Tần	DC	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 48"	105° 55' 30"					C-48-68-B-b
ấp Lương Văn Hoàng	DC	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 53"	105° 55' 11"					C-48-68-B-b
ấp Lương Văn Huỳnh	DC	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 23' 35"	105° 55' 25"					C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Nguyễn Văn Mận	DC	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 16"	105° 54' 32"					C-48-68-B-b
ấp Trần Minh Quyền	DC	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 23"	105° 55' 11"					C-48-68-B-b
bến đò Cổ Cò	KX	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 49"	105° 58' 14"					C-48-68-B-b
chợ Cổ Cò	KX	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 42"	105° 58' 15"					C-48-68-B-b
Đường tỉnh 936	KX	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 32' 53"	105° 55' 49"	09° 26' 08"	105° 58' 07"	C-48-68-B-b
Đường tỉnh 936B	KX	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-68-B-b
miếu Bà Thiên Hậu	KX	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 26"	105° 56' 08"					C-48-68-B-b
miếu Thiên Hậu Thánh Mẫu	KX	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 35"	105° 57' 56"					C-48-68-B-b
nhà thờ Hòa Lý	KX	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 14"	105° 58' 10"					C-48-68-B-b
kênh Đập Đá	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 00"	105° 58' 13"	09° 25' 27"	105° 56' 47"	C-48-68-B-b
kênh Đê 936	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 07"	105° 57' 54"	09° 23' 49"	105° 55' 17"	C-48-68-B-b
kênh Giáp Én	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 07"	105° 58' 20"	09° 27' 07"	105° 56' 58"	C-48-68-B-b
kênh Hòa Quới	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 24"	105° 56' 07"	09° 25' 33"	105° 55' 19"	C-48-68-B-b
kênh Hòa Tần	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 31"	105° 55' 32"	09° 24' 44"	105° 55' 57"	C-48-68-B-b
kênh Thạnh Mỹ	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-b
kênh Thầy Chính	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 28"	105° 57' 49"	09° 26' 24"	105° 57' 46"	C-48-68-B-b
Kênh Giữa	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 13"	105° 54' 20"	09° 25' 09"	105° 55' 31"	C-48-68-B-b
Kênh Ven	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 26"	105° 56' 47"	09° 23' 49"	105° 54' 36"	C-48-68-B-b
rạch Ba Chùa	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 59"	105° 55' 05"	09° 27' 15"	105° 54' 10"	C-48-68-B-b
rạch Củ Cải	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 23' 21"	105° 55' 11"	09° 25' 18"	105° 53' 34"	C-48-68-B-b
rạch Xóm Lung	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 59"	105° 55' 05"	09° 25' 27"	105° 55' 01"	C-48-68-B-b
Rạch Lung	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 32"	105° 55' 42"	09° 25' 59"	105° 55' 05"	C-48-68-B-b
sông Cổ Cò	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 21' 39"	105° 51' 26"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Dù Tho	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 19"	105° 57' 55"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b
Sông Đình	TV	xã Ngọc Tố	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 36"	105° 54' 10"	09° 28' 41"	105° 54' 23"	C-48-68-B-b
ấp Bưng Chum	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 24"	105° 53' 54"					C-48-56-D-d
ấp Cần Giờ 1	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 05"	105° 57' 13"					C-48-56-D-d
ấp Cần Giờ 2	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 35"	105° 56' 49"					C-48-56-D-d
ấp Dù Tho	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 34"	105° 57' 45"					C-48-56-D-d
ấp Giồng Có	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 31' 36"	105° 57' 34"					C-48-56-D-d
ấp Phô Nô Cam Bốth	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 41"	105° 57' 37"					C-48-56-D-d
ấp Sông Cái 1	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 42"	105° 56' 55"					C-48-68-B-b
ấp Sông Cái 2	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 45"	105° 54' 08"					C-48-68-B-b
ấp Sô La 1	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 49"	105° 55' 45"					C-48-56-D-d
ấp Sô La 2	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 31' 43"	105° 55' 52"					C-48-56-D-d
ấp Tắc Gồng	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 51"	105° 56' 29"					C-48-56-D-d
ấp Trà Bết	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 16"	105° 55' 47"					C-48-56-D-d
ấp Trà Mẹt	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 23"	105° 54' 29"					C-48-56-D-d
ấp Vũng Đùng	DC	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 31' 11"	105° 57' 03"					C-48-56-D-d
cầu Trà Mẹt	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 29"	105° 54' 21"					C-48-56-D-d
chùa Ông Bổn Giồng Có	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 31' 23"	105° 57' 17"					C-48-56-D-d
chùa Phnô Canh Chơ Chăs	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 33' 11"	105° 57' 16"					C-48-56-D-d
chùa Phnô Canh Chơ Thmây	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 48"	105° 56' 58"					C-48-56-D-d
chùa Phnô Kom Bôth	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 32' 26"	105° 57' 31"					C-48-56-D-d
chùa Pô Thi Chum	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 32"	105° 54' 00"					C-48-56-D-d
chùa Pra Sath Kong	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 43"	105° 56' 21"					C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 934	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-56-D-d
Đường tỉnh 936	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 32' 53"	105° 55' 49"	09° 26' 08"	105° 58' 07"	C-48-56-D-d
Nông trường Huyện Đội Mỹ Xuyên	KX	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 24"	105° 55' 12"					C-48-68-B-b
kênh Chế Hứng	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 06"	105° 54' 26"	09° 32' 12"	105° 57' 33"	C-48-56-D-d
kênh Cống Tắc Gồng (KN6)	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 29' 47"	105° 56' 59"	09° 32' 11"	105° 55' 47"	C-48-56-D-d
kênh KN7	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 31' 25"	105° 58' 30"	09° 33' 49"	105° 55' 31"	C-48-56-D-d
kênh Phú Thuận - Thị Trấn	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 26"	105° 58' 18"	09° 29' 54"	105° 52' 33"	C-48-56-D-d
rạch Tà Kê	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 01"	105° 54' 41"	09° 29' 04"	105° 53' 53"	C-48-68-B-b
rạch Trà Bết - Sô La 1	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 47"	105° 55' 43"	09° 30' 01"	105° 54' 41"	C-48-56-D-d; C-48-68-B-b
sông Bãi Xào	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 30' 22"	105° 57' 55"	C-48-56-D-d
sông Nhu Gia	TV	xã Tham Đôn	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-68-B-b
ấp Cần Đước	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 26"	105° 51' 32"					C-48-56-D-c
ấp Phú An	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 39"	105° 49' 13"					C-48-68-B-a
ấp Phú A	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 02"	105° 49' 22"					C-48-68-B-a
ấp Phú B	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 04"	105° 50' 02"					C-48-68-B-a
ấp Phú Hòa	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 08"	105° 50' 37"					C-48-68-B-a
ấp Phú Hưng	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 44"	105° 51' 51"					C-48-68-B-a
ấp Phú Thành	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 44"	105° 49' 46"					C-48-68-B-a
ấp Phú Thuận	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 51"	105° 50' 58"					C-48-68-B-a
ấp Rạch Sên	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 34"	105° 52' 31"					C-48-56-D-d
ấp Sóc Bưng	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 48"	105° 50' 11"					C-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Khu 1	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 07"	105° 50' 52"					C-48-56-D-c
Khu 2	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 22"	105° 51' 00"					C-48-56-D-c
Khu 3	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 50"	105° 51' 24"					C-48-68-B-a
Khu 4	DC	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 04"	105° 51' 31"					C-48-68-B-a
cầu Cần Đước	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 27"	105° 51' 24"					C-48-56-D-c
cầu Chàng Ré	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 16"	105° 51' 08"					C-48-68-B-a
cầu Nhu Gia	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 14"	105° 51' 01"					C-48-56-D-c
chùa Om Pu Year	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 12"	105° 51' 04"					C-48-56-D-c
chùa Prêk On Đơk	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 42"	105° 51' 39"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 940	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-68-B-a
miếu Bà Lèo	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 26"	105° 51' 19"					C-48-56-D-c
miếu Đại Thánh	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 30' 11"	105° 50' 54"					C-48-56-D-c
nhà thờ Chàng Ré	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 41"	105° 51' 46"					C-48-68-B-a
nhà thờ Nhu Gia	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên	09° 29' 52"	105° 50' 47"					C-48-68-B-a
Quốc lộ 1	KX	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-68-B-a
kênh 8 Thước	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 56"	105° 50' 16"	09° 36' 29"	105° 57' 32"	C-48-56-D-c; C-48-56-D-d
Kênh Bốn	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 57"	105° 50' 46"	09° 28' 16"	105° 50' 22"	C-48-68-B-a
Kênh Huyện	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 14"	105° 54' 59"	09° 31' 12"	105° 50' 52"	C-48-56-D-c
Kênh Mới	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 50"	105° 49' 10"	09° 27' 45"	105° 49' 37"	C-48-68-B-a
Kênh Thượng	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 17"	105° 50' 59"	09° 31' 45"	105° 50' 42"	C-48-56-D-c
kênh Phú Thuận - Thị Trấn	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 34' 26"	105° 58' 18"	09° 29' 54"	105° 52' 33"	C-48-56-D-d; C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Thủy Lợi	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 44"	105° 47' 43"	09° 30' 07"	105° 51' 04"	C-48-68-B-a
kênh Tư Cận	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 40"	105° 50' 23"	09° 27' 50"	105° 49' 10"	C-48-68-B-a
Kênh Xáng	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 25"	105° 45' 50"	09° 29' 50"	105° 50' 04"	C-48-68-B-a
rạch Bố Thảo	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 35' 15"	105° 53' 36"	09° 31' 31"	105° 49' 53"	C-48-56-D-c
rạch Tà Kê	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 01"	105° 54' 41"	09° 29' 04"	105° 53' 53"	C-48-68-B-b
Rạch Rê	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 31' 43"	105° 50' 10"	09° 31' 14"	105° 51' 19"	C-48-56-D-c
Rạch Sên	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 30' 35"	105° 52' 25"	09° 29' 09"	105° 52' 57"	C-48-68-B-b
sông Chàng Ré	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 47"	105° 50' 06"	09° 28' 38"	105° 51' 50"	C-48-68-B-a
sông Nhu Gia	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-68-B-a; C-48-68-B-b
sông Trà Cuông	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 08"	105° 50' 17"	09° 27' 21"	105° 48' 06"	C-48-68-B-a
sông Vườn Cò	TV	xã Thạnh Phú	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 40"	105° 49' 11"	09° 27' 00"	105° 49' 08"	C-48-68-B-a
ấp Bưng Thum	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 28' 08"	105° 47' 34"					C-48-68-B-a
ấp Đào Viên	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 02"	105° 47' 09"					C-48-68-B-a
ấp Đay Sô	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 58"	105° 46' 50"					C-48-68-B-a
ấp Hòa Khanh	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 21"	105° 47' 58"					C-48-68-B-a
ấp Huỳnh Phẩm	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 44"	105° 48' 36"					C-48-68-B-a
ấp Phú Giao	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 20"	105° 45' 57"					C-48-68-B-a
ấp Thạnh An	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 28"	105° 49' 51"					C-48-68-B-a
ấp Thạnh Bình	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 25' 44"	105° 46' 34"					C-48-68-B-a
ấp Thạnh Hòa	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 49"	105° 49' 09"					C-48-68-B-a
ấp Thạnh Hưng	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 54"	105° 48' 06"					C-48-68-B-a
ấp Thạnh Thới	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 53"	105° 46' 25"					C-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Ấp Ngọn	DC	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 42"	105° 47' 50"					C-48-68-B-a
cầu Hòa Thạnh	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 24' 46"	105° 48' 10"					C-48-68-B-a
cầu Lịch Trà	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 25"	105° 47' 43"					C-48-68-B-a
cầu Phú Giao	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 30"	105° 46' 12"					C-48-68-B-a
cầu Xẻo Tra	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 04"	105° 45' 06"					C-48-68-B-a
chùa Đay Om Pu	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 26' 26"	105° 46' 08"					C-48-68-B-a
chùa Prêk Tà Cuôl	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 17"	105° 47' 55"					C-48-68-B-a
Cầu Đen	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên	09° 27' 18"	105° 47' 35"					C-48-68-B-a
Quốc lộ 1	KX	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-68-B-a
kênh Bưng Thum	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 28' 04"	105° 47' 37"	09° 28' 53"	105° 48' 13"	C-48-68-B-a
kênh Lộ Mới	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 08"	105° 46' 26"	09° 33' 14"	105° 46' 29"	C-48-68-B-a
kênh Thạnh Mỹ	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-a
kênh Thủy Lợi	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 44"	105° 47' 43"	09° 30' 07"	105° 51' 04"	C-48-68-B-a
kênh xáng Hai Trường	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 33' 02"	105° 45' 38"	09° 28' 57"	105° 46' 35"	C-48-68-B-a
Kênh Rẫy	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 48"	105° 45' 12"	09° 28' 25"	105° 44' 48"	C-48-68-B-a
Kênh Xáng	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 40"	105° 48' 45"	09° 29' 37"	105° 48' 37"	C-48-68-B-a
rạch Tầm Du	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 24' 47"	105° 46' 14"	09° 24' 12"	105° 46' 36"	C-48-68-B-a
rạch Thạnh Bình	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 08"	105° 46' 26"	09° 25' 19"	105° 46' 22"	C-48-68-B-a
rạch Xóm Đồng	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 37"	105° 49' 01"	09° 26' 22"	105° 47' 53"	C-48-68-B-a
sông Cà Lăm	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 19"	105° 46' 22"	09° 25' 47"	105° 50' 06"	C-48-68-B-a
sông Cầu Đen	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 24"	105° 47' 44"	09° 26' 29"	105° 46' 12"	C-48-68-B-a
sông Chàng Ré	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 25' 47"	105° 50' 06"	09° 28' 38"	105° 51' 50"	C-48-68-B-a
sông Chà Hút	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 11"	105° 48' 44"	09° 27' 41"	105° 49' 11"	C-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Huỳnh Phẩm	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 02"	105° 49' 06"	09° 26' 10"	105° 48' 11"	C-48-68-B-a
sông Tà Sáng	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 06"	105° 48' 31"	09° 26' 13"	105° 48' 21"	C-48-68-B-a
sông Trà Chinh	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 57"	105° 49' 05"	09° 26' 40"	105° 48' 22"	C-48-68-B-a
sông Trà Cuông	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 08"	105° 50' 17"	09° 27' 21"	105° 48' 06"	C-48-68-B-a
sông Vườn Cò	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 27' 40"	105° 49' 11"	09° 27' 00"	105° 49' 08"	C-48-68-B-a
Sông Cái	TV	xã Thạnh Quới	H. Mỹ Xuyên			09° 26' 15"	105° 43' 48"	09° 25' 19"	105° 46' 22"	C-48-68-B-a
ấp Bào Cát	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 23' 58"	105° 41' 06"					C-48-68-A-b
ấp Chợ Cũ	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 11"	105° 42' 06"					C-48-68-A-b
ấp Chợ Mới	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 12"	105° 41' 31"					C-48-68-A-b
ấp Giồng Chùa	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 14"	105° 42' 23"					C-48-68-A-b
ấp Kinh Ngay 1	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 11"	105° 41' 15"					C-48-68-A-b
ấp Số 8	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 29"	105° 41' 21"					C-48-68-A-b
ấp Số 9	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 22"	105° 41' 29"					C-48-68-A-b
ấp Xóm Tro 1	DC	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 03"	105° 41' 23"					C-48-68-A-b
chùa Ong Kho	KX	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 11"	105° 41' 44"					C-48-68-A-b
Đường tỉnh 937B	KX	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-b
kênh Chợ Cũ	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 32"	105° 44' 00"	09° 25' 08"	105° 41' 52"	C-48-68-A-b
kênh Cô Tư	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 28' 25"	105° 39' 51"	09° 26' 36"	105° 39' 25"	C-48-68-A-b
kênh Mới Bào Sen	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 24' 48"	105° 41' 00"	09° 23' 30"	105° 40' 17"	C-48-68-A-b
kênh Thầy Bang	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 24' 28"	105° 40' 15"	09° 23' 05"	105° 42' 17"	C-48-68-A-b
Kênh Công	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 24' 23"	105° 39' 01"	09° 25' 10"	105° 41' 21"	C-48-68-A-b
Kênh Mới	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 24' 50"	105° 41' 22"	09° 23' 44"	105° 41' 27"	C-48-68-A-b
Kênh Ngang	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 50"	105° 40' 02"	09° 24' 59"	105° 40' 02"	C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Ngay	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 14"	105° 41' 30"	09° 24' 55"	105° 39' 34"	C-48-68-A-b
Kênh Xáng	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 26' 15"	105° 43' 48"	09° 25' 14"	105° 41' 30"	C-48-68-A-b
rạch Bào Cát	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 23' 35"	105° 41' 42"	09° 24' 33"	105° 42' 11"	C-48-68-A-b
rạch Cây Kè	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 26' 32"	105° 40' 01"	09° 25' 42"	105° 41' 00"	C-48-68-A-b
rạch Mây Dốc	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 26' 03"	105° 41' 29"	09° 26' 16"	105° 41' 49"	C-48-68-A-b
rạch Số 9	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 31"	105° 41' 24"	09° 26' 03"	105° 41' 29"	C-48-68-A-b
rạch Thổ Mô	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 26' 17"	105° 41' 26"	09° 26' 39"	105° 40' 49"	C-48-68-A-b
Rạch Lung	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 34"	105° 40' 27"	09° 25' 16"	105° 40' 02"	C-48-68-A-b
Sông Cái	TV	TT. Hưng Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 14"	105° 41' 30"	09° 26' 25"	105° 40' 22"	C-48-68-A-b
ấp Bào Lớn	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 24' 46"	105° 45' 02"					C-48-68-B-a
ấp Công Điền	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 24' 30"	105° 44' 03"					C-48-68-A-b
ấp Nàng Rền	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 24' 03"	105° 42' 50"					C-48-68-A-b
ấp Phú Tân	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 26' 47"	105° 45' 09"					C-48-68-B-a
ấp Rẫy Mới	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 35"	105° 42' 34"					C-48-68-A-b
ấp Thạnh Điền	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 34"	105° 45' 15"					C-48-68-B-a
ấp Xa Mau 1	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 35"	105° 43' 56"					C-48-68-A-b
ấp Xa Mau 2	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 23"	105° 43' 21"					C-48-68-A-b
Ấp 1	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 49"	105° 44' 19"					C-48-68-A-b
Ấp 2	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 26' 23"	105° 45' 09"					C-48-68-B-a
Ấp 3	DC	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 26' 10"	105° 44' 23"					C-48-68-A-b
cầu Nàng Rền	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 23' 44"	105° 42' 41"					C-48-68-A-b
cầu Xẻo Tra	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 26' 04"	105° 45' 06"					C-48-68-B-a
chùa Đay Chhơ Khmau	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị	09° 25' 29"	105° 43' 50"					C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 937B	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-b
Quốc lộ 1	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 46' 33"	105° 50' 45"	09° 23' 44"	105° 42' 41"	C-48-68-A-b
Quốc lộ 61B	KX	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-68-A-b
kênh Chợ Cũ	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 32"	105° 44' 00"	09° 25' 08"	105° 41' 52"	C-48-68-A-b
kênh KT 13	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 28' 32"	105° 43' 23"	09° 26' 09"	105° 44' 47"	C-48-68-A-b
Kênh Rẫy	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 48"	105° 45' 12"	09° 28' 25"	105° 44' 48"	C-48-68-B-a
kênh Thạnh Mỹ	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 26' 24"	105° 58' 22"	09° 25' 38"	105° 45' 12"	C-48-68-B-a
Kênh Xáng	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 38"	105° 45' 12"	09° 24' 11"	105° 48' 13"	C-48-68-B-a
rạch Bào Lớn	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 24' 43"	105° 45' 00"	09° 25' 33"	105° 44' 44"	C-48-68-A-b; C-48-68-B-a
rạch Công Điền	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 23' 37"	105° 43' 30"	09° 24' 09"	105° 44' 07"	C-48-68-A-b
rạch Nàng Rền	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 40"	105° 44' 15"	09° 23' 31"	105° 42' 52"	C-48-68-A-b
rạch Trắc Tranh	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 23"	105° 44' 04"	09° 24' 20"	105° 44' 37"	C-48-68-A-b
rạch Xa Mau	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 25' 37"	105° 44' 50"	09° 24' 10"	105° 44' 07"	C-48-68-A-b
sông Công Điền	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 24' 10"	105° 44' 07"	09° 24' 43"	105° 44' 58"	C-48-68-A-b
Sông Cái	TV	TT. Phú Lộc	H. Thạnh Trị			09° 26' 15"	105° 43' 48"	09° 25' 19"	105° 46' 22"	C-48-68-A-b; C-48-68-B-a
ấp Kinh Ngay 2	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 25' 38"	105° 39' 14"					C-48-68-A-b
ấp Quang Vinh	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 23' 27"	105° 41' 34"					C-48-68-A-b
ấp Tàn Dù	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 23' 41"	105° 38' 56"					C-48-68-A-b
ấp Tràm Kiến	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 24' 42"	105° 38' 22"					C-48-68-A-b
ấp Xóm Tro 2	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 24' 01"	105° 39' 42"					C-48-68-A-b
Ấp 13	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 25' 37"	105° 38' 24"					C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Ấp 23	DC	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị	09° 26' 30"	105° 39' 54"					C-48-68-A-b
Đường tỉnh 937B	KX	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-b
kênh Bà Tỷ	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 26' 03"	105° 39' 21"	09° 24' 54"	105° 39' 27"	C-48-68-A-b
kênh Cô Tư	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 28' 25"	105° 39' 51"	09° 26' 36"	105° 39' 25"	C-48-68-A-b
kênh Già Mê	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 26' 31"	105° 39' 21"	09° 26' 03"	105° 39' 21"	C-48-68-A-b
kênh Hậu Bối	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 23' 55"	105° 39' 01"	09° 24' 07"	105° 40' 10"	C-48-68-A-b
kênh Mới Bào Sen	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 24' 48"	105° 41' 00"	09° 23' 30"	105° 40' 17"	C-48-68-A-b
kênh Nàng Rền	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 31' 46"	105° 33' 24"	09° 22' 48"	105° 41' 09"	C-48-68-A-b
kênh Ngang Bào Sen	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 23' 07"	105° 40' 32"	09° 24' 45"	105° 39' 28"	C-48-68-A-b
kênh Tay Nhỏ	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 26' 22"	105° 38' 47"	09° 25' 14"	105° 38' 46"	C-48-68-A-b
kênh Thầy Bang	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 24' 28"	105° 40' 15"	09° 23' 05"	105° 42' 17"	C-48-68-A-b
Kênh Công	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 24' 23"	105° 39' 01"	09° 25' 10"	105° 41' 21"	C-48-68-A-b
Kênh Ngang	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 25' 50"	105° 40' 02"	09° 24' 59"	105° 40' 02"	C-48-68-A-b
Kênh Ngay	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 25' 14"	105° 41' 30"	09° 24' 55"	105° 39' 34"	C-48-68-A-b
rạch Ba Cụm	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 23' 09"	105° 40' 54"	09° 23' 35"	105° 41' 42"	C-48-68-A-b
rạch Cây Kè	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 26' 32"	105° 40' 01"	09° 25' 42"	105° 41' 00"	C-48-68-A-b
rạch Tần Xù	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 23' 37"	105° 38' 52"	09° 23' 09"	105° 40' 54"	C-48-68-A-b
sông Vĩnh Bia	TV	xã Châu Hưng	H. Thạnh Trị			09° 26' 45"	105° 39' 32"	09° 27' 00"	105° 36' 06"	C-48-68-A-b
ấp Kiết Bình	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 31' 30"	105° 49' 18"					C-48-56-D-c
ấp Kiết Hòa	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 32' 31"	105° 48' 18"					C-48-56-D-c
ấp Kiết Lợi	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 30' 28"	105° 49' 23"					C-48-56-D-c
ấp Kiết Thắng	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 30' 33"	105° 48' 40"					C-48-56-D-c
ấp Kiết Thống	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 31' 26"	105° 48' 29"					C-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Trà Do	DC	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 30' 38"	105° 49' 57"					C-48-56-D-c
chùa Môni Srăk Keo	KX	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị	09° 30' 23"	105° 48' 58"					C-48-56-D-c
Đường tỉnh 940	KX	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 42' 15"	105° 46' 09"	09° 18' 49"	105° 54' 53"	C-48-56-D-c
kênh 14 tháng 9	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 30' 12"	105° 41' 42"	09° 32' 36"	105° 48' 32"	C-48-56-D-c
kênh Bà Hai Anh	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 31' 27"	105° 48' 13"	09° 32' 19"	105° 48' 16"	C-48-56-D-c
kênh Cây Mét	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 29' 37"	105° 48' 37"	09° 30' 31"	105° 48' 43"	C-48-68-B-a: C-48-56-D-c
kênh Mương Lộ	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 32' 36"	105° 48' 32"	09° 30' 39"	105° 50' 22"	C-48-56-D-c
kênh Xáng Tuân Tức	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 30' 42"	105° 50' 33"	09° 30' 26"	105° 48' 59"	C-48-56-D-c
rạch Bàu Mốp	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 31' 32"	105° 49' 00"	09° 32' 30"	105° 48' 12"	C-48-56-D-c
sông Nhu Gia	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 36' 06"	105° 48' 10"	09° 30' 19"	105° 57' 55"	C-48-56-D-c
sông Sa Keo	TV	xã Lâm Kiết	H. Thạnh Trị			09° 30' 27"	105° 44' 52"	09° 31' 26"	105° 49' 50"	C-48-56-D-c
ấp Kiết Lập A	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 49"	105° 47' 00"					C-48-68-B-a
ấp Kiết Lập B	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 32"	105° 47' 12"					C-48-68-B-a
ấp Kiết Nhất A	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 31' 33"	105° 47' 24"					C-48-56-D-c
ấp Kiết Nhất B	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 31' 29"	105° 47' 30"					C-48-56-D-c
ấp Tân Lộc	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 32' 54"	105° 44' 49"					C-48-56-C-d
ấp Tân Nghĩa	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 31' 11"	105° 45' 49"					C-48-56-D-c
ấp Trung Nhất	DC	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 52"	105° 45' 57"					C-48-56-D-c
chùa Buôl Mum	KX	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 43"	105° 47' 11"					C-48-68-B-a
Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm chiến thắng Chắc Tức - Bàu Còn	KX	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị	09° 33' 07"	105° 45' 29"					C-48-68-B-a
kênh 14 tháng 9	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 12"	105° 41' 42"	09° 32' 36"	105° 48' 32"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Bao Lâm Trường	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 41"	105° 40' 37"	09° 32' 29"	105° 42' 23"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
kênh Ba Cảo - Trắc Tức 1	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 37"	105° 45' 09"	09° 31' 42"	105° 42' 06"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
kênh Ba Cảo - Trắc Tức 4	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 13"	105° 45' 35"	09° 30' 28"	105° 43' 11"	C-48-56-D-c
kênh Bà Hai Anh	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 27"	105° 48' 13"	09° 32' 19"	105° 48' 16"	C-48-56-D-c
kênh Cái Trầu	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 10"	105° 46' 12"	09° 31' 28"	105° 40' 17"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
kênh Lộ Mới	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 26' 08"	105° 46' 26"	09° 33' 14"	105° 46' 29"	C-48-56-D-c
kênh Ông Sanh	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 34"	105° 45' 45"	09° 30' 43"	105° 46' 53"	C-48-56-D-c
kênh Tư Lùng	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 33"	105° 45' 01"	09° 32' 45"	105° 44' 18"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
kênh xáng Hai Trường	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 02"	105° 45' 38"	09° 28' 57"	105° 46' 35"	C-48-56-D-c
Kênh Lung	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 09"	105° 46' 59"	09° 31' 04"	105° 47' 42"	C-48-56-D-c
Kênh Tây	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 21"	105° 45' 56"	09° 32' 47"	105° 46' 27"	C-48-56-D-c
rạch Bàu Mốp	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 32"	105° 49' 00"	09° 32' 30"	105° 48' 12"	C-48-56-D-c
rạch Bưng Côi	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 10"	105° 46' 13"	09° 32' 33"	105° 47' 44"	C-48-56-D-c
rạch Cây Cốc	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 28"	105° 45' 12"	09° 32' 49"	105° 44' 35"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d
Rạch Chóc	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 39"	105° 43' 52"	09° 30' 27"	105° 44' 52"	C-48-56-C-d
rạch Mã Dì	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 55"	105° 45' 11"	09° 30' 55"	105° 45' 31"	C-48-56-D-c
rạch Ông Liêm	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 43"	105° 45' 51"	09° 32' 15"	105° 46' 43"	C-48-56-D-c
rạch Trà Mốt	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 27"	105° 45' 24"	09° 29' 09"	105° 45' 09"	C-48-56-D-c
rạch Trà Thầm	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 33"	105° 45' 01"	09° 30' 32"	105° 45' 13"	C-48-56-D-c; C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Xẻo Cui	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 32"	105° 45' 13"	09° 30' 53"	105° 45' 31"	C-48-56-D-c
sông Sa Keo	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 27"	105° 44' 52"	09° 31' 26"	105° 49' 50"	C-48-56-D-c
sông Vàng Bạc	TV	xã Lâm Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 38"	105° 45' 12"	09° 31' 12"	105° 45' 36"	C-48-56-D-c
ấp A2	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 30' 30"	105° 40' 54"					C-48-56-C-d
ấp B1	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 54"	105° 42' 00"					C-48-68-A-b
ấp B2	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 16"	105° 42' 22"					C-48-68-A-b
ấp Tân Lợi	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 54"	105° 43' 05"					C-48-68-A-b
ấp Tân Phước	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 32' 21"	105° 42' 57"					C-48-56-C-d
ấp Tân Thắng	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 31' 23"	105° 41' 53"					C-48-56-C-d
Ấp 21	DC	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 18"	105° 39' 43"					C-48-68-A-b
cầu 14 tháng 9	KX	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 30' 12"	105° 41' 43"					C-48-56-C-d
chùa Ong Tau	KX	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 30' 08"	105° 41' 47"					C-48-56-C-d
Cầu Sắt	KX	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 29' 44"	105° 42' 07"					C-48-68-A-b
nhà thờ Sa Ken	KX	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị	09° 32' 41"	105° 43' 48"					C-48-56-C-d
Quốc lộ 61B	KX	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-56-C-d
kênh 8 Thước	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 27' 09"	105° 37' 49"	09° 29' 44"	105° 42' 05"	C-48-68-A-b
kênh 10 Thước	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 29' 44"	105° 42' 09"	09° 30' 07"	105° 43' 49"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b
kênh 14 tháng 9	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 12"	105° 41' 42"	09° 32' 36"	105° 48' 32"	C-48-56-C-d
kênh 26 tháng 3	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 27"	105° 40' 13"	09° 29' 33"	105° 38' 04"	C-48-56-C-d
kênh Ba Cảo - Trắc Tức 1	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 37"	105° 45' 09"	09° 31' 42"	105° 42' 06"	C-48-56-C-d
kênh Ba Cảo - Trắc Tức 4	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 13"	105° 45' 35"	09° 30' 28"	105° 43' 11"	C-48-56-D-c
kênh Bao Lâm Trường	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 41"	105° 40' 37"	09° 32' 29"	105° 42' 23"	C-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Cái Trầu	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 10"	105° 46' 12"	09° 31' 28"	105° 40' 17"	C-48-56-C-d
kênh Cầu Sắt	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 29' 35"	105° 43' 25"	09° 29' 44"	105° 42' 05"	C-48-68-A-b
kênh Cầu Trắng	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 42"	105° 41' 52"	09° 32' 13"	105° 42' 30"	C-48-56-C-d
kênh Chánh Sạn	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 39"	105° 41' 10"	09° 29' 36"	105° 39' 53"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b
kênh Lát Chiếu	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 23"	105° 42' 04"	09° 32' 05"	105° 42' 04"	C-48-56-C-d
kênh Lô Xiêm	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 35"	105° 43' 13"	09° 31' 41"	105° 42' 05"	C-48-56-C-d
kênh Ông Chủ	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 29' 28"	105° 39' 38"	09° 29' 04"	105° 40' 29"	C-48-68-A-b
kênh Ông Tào	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 36"	105° 41' 15"	09° 32' 12"	105° 42' 29"	C-48-56-C-d
kênh Tà Âu	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 29' 35"	105° 43' 25"	09° 32' 17"	105° 42' 44"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b
kênh Tây Tàu	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 31' 55"	105° 42' 10"	09° 31' 49"	105° 41' 20"	C-48-56-C-d
kênh Thầy Chín	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 20"	105° 41' 31"	09° 30' 00"	105° 40' 46"	C-48-56-C-d
kênh Tư Lê	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 07"	105° 43' 55"	09° 32' 31"	105° 43' 25"	C-48-56-C-d
kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 33' 59"	105° 35' 45"	09° 26' 15"	105° 43' 48"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b
kênh Xóm Cá	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 29' 12"	105° 39' 45"	09° 28' 05"	105° 41' 26"	C-48-68-A-b
Kênh Bao	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 29"	105° 42' 23"	09° 33' 41"	105° 40' 37"	C-48-56-C-d
Kênh Mốp	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 00"	105° 40' 46"	09° 29' 29"	105° 39' 42"	C-48-68-A-b
Rạch Chóc	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 32' 39"	105° 43' 52"	09° 30' 27"	105° 44' 52"	C-48-56-C-d
sông Sòng Tác	TV	xã Thạnh Tân	H. Thạnh Trị			09° 30' 07"	105° 43' 49"	09° 30' 27"	105° 44' 52"	C-48-56-C-d
ấp Mây Dốc	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 23"	105° 41' 47"					C-48-68-A-b
ấp Rẫy Mới	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 22"	105° 42' 30"					C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Tà Điếp C1	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 54"	105° 43' 01"					C-48-68-A-b
ấp Tà Điếp C2	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 28' 32"	105° 42' 42"					C-48-68-A-b
ấp Tà Lọt A	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 28' 08"	105° 42' 12"					C-48-68-A-b
ấp Tà Lọt C	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 28' 05"	105° 41' 02"					C-48-68-A-b
ấp Tà Niền	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 26' 54"	105° 42' 34"					C-48-68-A-b
ấp Trương Hiền	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 26' 41"	105° 43' 43"					C-48-68-A-b
Ấp 22	DC	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 28' 23"	105° 40' 08"					C-48-68-A-b
cầu Sa Di	KX	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 47"	105° 43' 04"					C-48-68-A-b
cầu Tai Trâu	KX	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 26"	105° 43' 14"					C-48-68-A-b
chùa Đay Niêl	KX	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị	09° 27' 17"	105° 43' 22"					C-48-68-A-b
Quốc lộ 61B	KX	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 25' 54"	105° 44' 43"	09° 36' 39"	105° 35' 42"	C-48-68-A-b
kênh 8 Thước	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 27' 09"	105° 37' 49"	09° 29' 44"	105° 42' 05"	C-48-68-A-b
kênh Cô Tư	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 28' 25"	105° 39' 51"	09° 26' 36"	105° 39' 25"	C-48-68-A-b
kênh KT 13	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 28' 32"	105° 43' 23"	09° 26' 09"	105° 44' 47"	C-48-68-A-b
kênh Tai Trâu	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 27' 22"	105° 43' 13"	09° 26' 56"	105° 43' 29"	C-48-68-A-b
kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 33' 59"	105° 35' 45"	09° 26' 15"	105° 43' 48"	C-48-68-A-b
kênh Xóm Cá	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 29' 12"	105° 39' 45"	09° 28' 05"	105° 41' 26"	C-48-68-A-b
Kênh Cùi	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 27' 23"	105° 40' 43"	09° 26' 49"	105° 41' 48"	C-48-68-A-b
Kênh Ngang	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 27"	105° 42' 06"	09° 25' 38"	105° 42' 24"	C-48-68-A-b
Kênh Xáng	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 15"	105° 43' 48"	09° 25' 14"	105° 41' 30"	C-48-68-A-b
rạch Đập Đá	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 16"	105° 41' 49"	09° 26' 27"	105° 42' 06"	C-48-68-A-b
rạch Mây Dốc	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 03"	105° 41' 29"	09° 26' 16"	105° 41' 49"	C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Sa Di	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 29' 35"	105° 43' 25"	09° 27' 46"	105° 43' 04"	C-48-68-A-b
rạch Thông Lưu	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 27' 20"	105° 43' 10"	09° 27' 41"	105° 42' 14"	C-48-68-A-b
rạch Thổ Mô	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 17"	105° 41' 26"	09° 26' 39"	105° 40' 49"	C-48-68-A-b
sông Tà Lọt	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 27' 45"	105° 41' 31"	09° 27' 38"	105° 43' 06"	C-48-68-A-b
sông Tà Niền	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 40"	105° 41' 55"	09° 27' 08"	105° 43' 10"	C-48-68-A-b
Sông Cái	TV	xã Thạnh Trị	H. Thạnh Trị			09° 26' 15"	105° 43' 48"	09° 25' 19"	105° 46' 22"	C-48-68-A-b
ấp Tân Định	DC	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 30' 19"	105° 44' 31"					C-48-56-C-d
ấp Trung Bình	DC	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 29' 13"	105° 44' 03"					C-48-68-A-b
ấp Trung Hòa	DC	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 28' 51"	105° 44' 20"					C-48-68-A-b
ấp Trung Thành	DC	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 27' 38"	105° 45' 06"					C-48-68-B-a
ấp Trung Thống	DC	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 28' 55"	105° 45' 22"					C-48-68-B-a
chùa Pong Tưk Chăs	KX	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 29' 34"	105° 43' 14"					C-48-68-A-b
chùa Pong Tưk Thmây	KX	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị	09° 28' 39"	105° 44' 31"					C-48-68-A-b
kênh Ba Cảo - Trắc Tức 4	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 31' 13"	105° 45' 35"	09° 30' 28"	105° 43' 11"	C-48-56-C-d; C-48-56-D-c
kênh Cầu Sắt	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 29' 35"	105° 43' 25"	09° 29' 44"	105° 42' 05"	C-48-68-A-b
kênh KT 13	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 28' 32"	105° 43' 23"	09° 26' 09"	105° 44' 47"	C-48-68-A-b
kênh Thầy Hai	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 26"	105° 44' 37"	09° 30' 53"	105° 43' 53"	C-48-56-C-d
kênh Tư Lê	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 07"	105° 43' 55"	09° 32' 31"	105° 43' 25"	C-48-56-C-d
kênh Tư Lùng	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 33"	105° 45' 01"	09° 32' 45"	105° 44' 18"	C-48-56-C-d
Kênh Rẫy	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 25' 48"	105° 45' 12"	09° 28' 25"	105° 44' 48"	C-48-68-A-b; C-48-68-B-a
Kênh Xáng	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 28' 57"	105° 46' 35"	09° 26' 49"	105° 46' 42"	C-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Rạch Chóc	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 32' 39"	105° 43' 52"	09° 30' 27"	105° 44' 52"	C-48-56-C-d
rạch Sa Di	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 29' 35"	105° 43' 25"	09° 27' 46"	105° 43' 04"	C-48-68-A-b
rạch Sòng Tác	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 29' 09"	105° 45' 09"	09° 30' 18"	105° 44' 34"	C-48-56-C-d; C-48-68-A-b; C-48-68-B-a
rạch Trà Lọt	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 28' 49"	105° 43' 40"	09° 28' 54"	105° 44' 12"	C-48-68-A-b
rạch Trà Mốt	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 27"	105° 45' 24"	09° 29' 09"	105° 45' 09"	C-48-68-B-a
rạch Trà Thầm	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 33"	105° 45' 01"	09° 30' 32"	105° 45' 13"	C-48-56-C-d; C-48-56-D-c
sông Sa Keo	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 27"	105° 44' 52"	09° 31' 26"	105° 49' 50"	C-48-56-C-d
sông Sòng Tác	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 30' 07"	105° 43' 49"	09° 30' 27"	105° 44' 52"	C-48-56-C-d
sông Trung Hòa	TV	xã Tuân Tức	H. Thạnh Trị			09° 29' 09"	105° 45' 09"	09° 29' 34"	105° 43' 25"	C-48-68-A-b; C-48-68-B-a
ấp 16/2	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 27' 38"	105° 37' 34"					C-48-68-A-a
ấp Tân Biên	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 29"	105° 36' 56"					C-48-68-A-a
Ấp 11	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 41"	105° 35' 58"					C-48-68-A-a
Ấp 12	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 25' 01"	105° 36' 34"					C-48-68-A-a
Ấp 13	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 26' 20"	105° 38' 23"					C-48-68-A-b
Ấp 14	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 27' 05"	105° 36' 04"					C-48-68-A-a
Ấp 15	DC	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị	09° 26' 59"	105° 37' 38"					C-48-68-A-b
Đường tỉnh 937B	KX	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-a; C-48-68-A-b
kênh 19 tháng 5B	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 53"	105° 35' 23"	09° 28' 41"	105° 36' 52"	C-48-68-A-a
kênh Bầu Cá Rô	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 27' 02"	105° 37' 39"	09° 27' 05"	105° 36' 01"	C-48-68-A-a; C-48-68-A-b
kênh Đồng Lớn	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 24' 33"	105° 36' 55"	09° 25' 52"	105° 35' 24"	C-48-68-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Giữa	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 39"	105° 35' 54"	09° 25' 00"	105° 36' 09"	C-48-68-A-a
kênh Nàng Rền	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 31' 46"	105° 33' 24"	09° 22' 48"	105° 41' 09"	C-48-68-A-a; C-48-68-A-b
kênh Ông Tà	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 27' 44"	105° 37' 34"	09° 27' 41"	105° 36' 20"	C-48-68-A-a; C-48-68-A-b
kênh Tân Biên	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 25' 22"	105° 37' 24"	09° 25' 34"	105° 36' 22"	C-48-68-A-a
rạch Mười Lửa	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 28' 05"	105° 37' 29"	09° 28' 43"	105° 35' 11"	C-48-68-A-a
sông Vĩnh Bia	TV	xã Vĩnh Lợi	H. Thạnh Trị			09° 26' 45"	105° 39' 32"	09° 27' 00"	105° 36' 06"	C-48-68-A-a; C-48-68-A-b
ấp 16/1	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 28' 43"	105° 37' 01"					C-48-68-A-a
ấp Vĩnh Thắng	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 27' 04"	105° 40' 13"					C-48-68-A-b
Ấp 17	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 29' 09"	105° 37' 41"					C-48-68-A-b
Ấp 19	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 29' 05"	105° 38' 41"					C-48-68-A-b
Ấp 20	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 28' 20"	105° 38' 37"					C-48-68-A-b
Ấp 22	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 27' 50"	105° 39' 17"					C-48-68-A-b
Ấp 23	DC	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 26' 57"	105° 38' 58"					C-48-68-A-b
Di tích lịch sử văn hóa Địa điểm Mỹ ngụy thảm sát thường dân ở xã Vĩnh Thành	KX	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị	09° 29' 06"	105° 37' 34"					C-48-68-A-b
Đường tỉnh 937B	KX	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 25' 21"	105° 43' 49"	09° 26' 37"	105° 33' 02"	C-48-68-A-b
kênh 19 Tháng 5B	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 25' 53"	105° 35' 23"	09° 28' 41"	105° 36' 52"	C-48-68-A-a
kênh 8 Thước	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 27' 09"	105° 37' 49"	09° 29' 44"	105° 42' 05"	C-48-68-A-b
kênh Cô Tư	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 28' 25"	105° 39' 51"	09° 26' 36"	105° 39' 25"	C-48-68-A-b
kênh Lò Than	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 29' 02"	105° 38' 42"	09° 27' 56"	105° 38' 42"	C-48-68-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Lung Lớn	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 29' 06"	105° 38' 35"	09° 28' 03"	105° 38' 13"	C-48-68-A-b
kênh Lung Sen	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 29' 05"	105° 35' 34"	09° 28' 42"	105° 37' 13"	C-48-68-A-a
kênh Nàng Rền	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 31' 46"	105° 33' 24"	09° 22' 48"	105° 41' 09"	C-48-68-A-a
kênh Nhà Thờ	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 29' 33"	105° 38' 03"	09° 28' 42"	105° 37' 13"	C-48-68-A-b; C-48-68-A-a
rạch Mười Lửa	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 28' 05"	105° 37' 29"	09° 28' 43"	105° 35' 11"	C-48-68-A-a
sông Vĩnh Bia	TV	xã Vĩnh Thành	H. Thạnh Trị			09° 26' 45"	105° 39' 32"	09° 27' 00"	105° 36' 06"	C-48-68-A-b
ấp Châu Thành	DC	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 26"	106° 08' 50"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Giồng Giữa	DC	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 29' 08"	106° 08' 50"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Hội Trung	DC	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 29' 21"	106° 09' 06"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Phố Dưới B	DC	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 37"	106° 08' 25"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Sóc Lèo B	DC	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 21"	106° 09' 17"					C-48-69-(A-b+B-a)
cầu Giồng Giữa	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 29' 24"	106° 08' 42"					C-48-69-(A-b+B-a)
cầu Lịch Hội Thượng	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 29' 23"	106° 08' 41"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Ông Bổn	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 36"	106° 09' 02"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Pô Thi Prưk	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 44"	106° 08' 49"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Prum Vi Sal	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 45"	106° 09' 12"					C-48-69-(A-b+B-a)
Đường tỉnh 934	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-69-(A-b+B-a)
Đường tỉnh 936B	KX	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Cặp Giồng	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 20"	106° 09' 15"	09° 27' 22"	106° 09' 08"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Đại Tưng	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 59"	106° 09' 52"	09° 29' 28"	106° 09' 05"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Lục	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 50"	106° 12' 20"	09° 28' 42"	106° 09' 13"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Sáu Quế 1	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 25' 32"	106° 10' 01"	09° 29' 41"	106° 10' 17"	C-48-69-(A-b+B-a)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Tiếp Nhật	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Tú Điềm	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 29' 24"	106° 08' 41"	C-48-57-C-d
Kênh Ba	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 31' 35"	106° 12' 00"	09° 30' 51"	106° 06' 42"	C-48-57-C-d
Kênh Hai	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 32' 00"	106° 11' 46"	09° 31' 40"	106° 07' 08"	C-48-57-C-d
Kênh Mới	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 30' 01"	106° 09' 45"	09° 29' 49"	106° 08' 36"	C-48-57-C-d; C-48-69-(A-b+B-a)
Kênh Ranh	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 07' 49"	09° 25' 34"	106° 07' 46"	C-48-69-(A-b+B-a)
Kênh Tư	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 30' 55"	106° 12' 20"	09° 30' 04"	106° 06' 24"	C-48-57-C-d
sông Bưng Lức	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 36"	106° 09' 47"	09° 32' 56"	106° 09' 50"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-57-C-d
Sông Gòi	TV	TT. Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 08' 41"	09° 24' 54"	106° 07' 48"	C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Đầu Giồng	DC	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 30' 56"	106° 11' 35"					C-48-57-C-d
ấp Giồng Chùa	DC	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 30' 21"	106° 11' 55"					C-48-57-C-d
ấp Ngan Rô 1	DC	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 32' 52"	106° 10' 10"					C-48-57-C-d
Ấp Cảng	DC	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 31' 28"	106° 11' 47"					C-48-57-C-d
cảng cá Trần Đề	KX	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 31' 41"	106° 11' 59"					C-48-57-C-d
chùa Đon Ka Đôn	KX	TT. Trần Đề	H. Trần Đề	09° 30' 13"	106° 11' 41"					C-48-57-C-d
Đường tỉnh 934	KX	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-69-(A-b+B-a)
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Bồn Bồn	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 32' 53"	106° 10' 07"	09° 29' 54"	106° 11' 31"	C-48-69-(A-b+ B-a); C-48-57-C-d
kênh Tiếp Nhật	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-69-(A-b+ B-a); C-48-57-C-d
Kênh Ba	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 31' 35"	106° 12' 00"	09° 30' 51"	106° 06' 42"	C-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Hai	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 32' 00"	106° 11' 46"	09° 31' 40"	106° 07' 08"	C-48-57-C-d
Kênh Một	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 32' 55"	106° 11' 27"	09° 32' 28"	106° 08' 04"	C-48-57-C-d
Kênh Tư	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 30' 55"	106° 12' 20"	09° 30' 04"	106° 06' 24"	C-48-57-C-d
Sông Hậu	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-d
sông Ngan Rô	TV	TT. Trần Đề	H. Trần Đề			09° 33' 16"	106° 11' 17"	09° 33' 14"	106° 07' 56"	C-48-57-C-d
ấp Lâm Dồ	DC	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 32' 01"	106° 09' 38"					C-48-57-C-d
ấp Ngan Rô 2	DC	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 32' 54"	106° 09' 13"					C-48-57-C-d
ấp Thanh Liêm	DC	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 33' 10"	106° 10' 45"					C-48-57-C-d
ấp Tú Điềm	DC	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 33' 06"	106° 07' 49"					C-48-57-C-d
Ấp Chợ	DC	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 32' 59"	106° 09' 54"					C-48-57-C-d
chùa Đơm Pô	KX	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 32' 16"	106° 09' 40"					C-48-57-C-d
chùa Pem Buôl	KX	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề	09° 33' 12"	106° 07' 52"					C-48-57-C-d
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-57-C-d
kênh Bà Xẩm	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 39' 07"	106° 06' 24"	09° 33' 14"	106° 07' 56"	C-48-57-C-d
kênh Bồn Bồn	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 32' 53"	106° 10' 07"	09° 29' 54"	106° 11' 31"	C-48-57-C-d
kênh Cái Xe	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 34' 45"	106° 01' 56"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-c
kênh Ông Cha	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 46"	106° 10' 11"	09° 34' 33"	106° 10' 00"	C-48-57-C-d
kênh Tú Điềm	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 29' 24"	106° 08' 41"	C-48-57-C-d
kênh Xã Chỉ	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 34' 35"	106° 10' 34"	09° 34' 40"	106° 07' 40"	C-48-57-C-d
Kênh Hai	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 32' 00"	106° 11' 46"	09° 31' 40"	106° 07' 08"	C-48-57-C-d
Kênh Một	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 32' 55"	106° 11' 27"	09° 32' 28"	106° 08' 04"	C-48-57-C-d
Kênh Xáng	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 22"	106° 07' 02"	09° 29' 27"	106° 07' 05"	C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
rạch Bưng Cóc	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 44"	106° 10' 08"	09° 33' 02"	106° 10' 18"	C-48-57-C-c
sông Bưng Lức	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 29' 36"	106° 09' 47"	09° 32' 56"	106° 09' 50"	C-48-57-C-d
sông Ngan Rô	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 33' 16"	106° 11' 17"	09° 33' 14"	106° 07' 56"	C-48-57-C-d
Sông Hậu	TV	xã Đại Ân 2	H. Trần Đề			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-57-C-d
ấp Nam Chánh	DC	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 27' 46"	106° 08' 48"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Phố Dưới	DC	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 28' 07"	106° 08' 26"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Sóc Lèo	DC	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 27' 51"	106° 09' 12"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Hội Phước	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 27' 20"	106° 09' 02"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Kom Pong Pro Tel	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 27' 37"	106° 09' 07"					C-48-69-(A-b+B-a)
chùa Phnô Tà Niêu	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 26' 26"	106° 09' 08"					C-48-69-(A-b+B-a)
đình Nam Chánh	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề	09° 27' 34"	106° 08' 56"					C-48-69-(A-b+B-a)
Đường tỉnh 936B	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-69-(A-b+B-a)
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Bà Phẹp	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 05"	106° 09' 34"	09° 27' 32"	106° 09' 50"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Cặp Giồng	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 20"	106° 09' 15"	09° 27' 22"	106° 09' 08"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Đại Tưng	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 16"	106° 10' 19"	09° 28' 23"	106° 09' 42"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Lâm Thiết	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 27' 54"	106° 10' 13"	09° 27' 59"	106° 09' 14"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Huynh	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 27' 23"	106° 10' 48"	09° 28' 08"	106° 09' 15"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Khinh	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 08"	106° 11' 55"	09° 28' 18"	106° 10' 06"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Lục	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 50"	106° 12' 20"	09° 28' 42"	106° 09' 13"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Phến	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 12"	106° 10' 09"	09° 27' 03"	106° 09' 41"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Sáu Quế 1	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 25' 32"	106° 10' 01"	09° 29' 41"	106° 10' 17"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Xuân Ối	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 28' 22"	106° 09' 44"	09° 28' 25"	106° 10' 23"	C-48-69-(A-b+B-a)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Kênh Ranh	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 07' 49"	09° 25' 34"	106° 07' 46"	C-48-69-(A-b+B-a)
Kênh Xáng	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 26' 59"	106° 08' 49"	09° 26' 00"	106° 08' 27"	C-48-69-(A-b+B-a)
rạch Ba Đời	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 27' 01"	106° 07' 32"	09° 27' 33"	106° 08' 50"	C-48-69-(A-b+B-a)
rạch Trắc Co	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 25' 40"	106° 07' 38"	09° 25' 17"	106° 07' 50"	C-48-69-(A-b+B-a)
sông Mỹ Thanh	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-(A-b+B-a)
Sông Gòi	TV	xã Lịch Hội Thượng	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 08' 41"	09° 24' 54"	106° 07' 48"	C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Bưng Buối	DC	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 31' 47"	106° 06' 59"					C-48-57-C-c
ấp Bưng Triết	DC	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 30' 51"	106° 06' 35"					C-48-57-C-c
ấp Đại Nôn	DC	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 29' 41"	106° 07' 08"					C-48-69-A-a
ấp Giồng Chát	DC	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 27' 23"	106° 07' 08"					C-48-69-A-a
ấp Tổng Cáng	DC	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 27' 17"	106° 05' 08"					C-48-69-A-a
bia Chứng tích chiến tranh	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 26' 53"	106° 07' 18"					C-48-69-A-a
cầu Trà Mơn	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 29' 25"	106° 06' 21"					C-48-69-A-a
chùa Bâng Phniêt	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 32' 24"	106° 07' 21"					C-48-57-C-c
chùa Long Thiền	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 26' 52"	106° 05' 01"					C-48-69-A-a
chùa Prêk Chac	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề	09° 26' 53"	106° 07' 18"					C-48-69-A-a
Đường tỉnh 934	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-69-A-a; C-48-69-(A-b+B-a)
Đường tỉnh 936B	KX	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-69-A-a
kênh Giồng Chát	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 29' 26"	106° 07' 05"	09° 27' 32"	106° 07' 09"	C-48-69-A-a
kênh Nông Trường	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 33' 36"	106° 05' 42"	09° 30' 28"	106° 04' 48"	C-48-57-C-c
kênh Tiếp Nhật	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-69-A-a; C-48-69-(A-b+B-a)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Tú Điềm	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 29' 24"	106° 08' 41"	C-48-57-C-d
Kênh Ba	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 31' 35"	106° 12' 00"	09° 30' 51"	106° 06' 42"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-c
Kênh Hai	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 32' 00"	106° 11' 46"	09° 31' 40"	106° 07' 08"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-c
Kênh Ranh	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 07' 49"	09° 25' 34"	106° 07' 46"	C-48-69-(A-b+B-a)
Kênh Tư	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 30' 55"	106° 12' 20"	09° 30' 04"	106° 06' 24"	C-48-57-C-d; C-48-57-C-c
Kênh Xáng	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 33' 22"	106° 07' 02"	09° 29' 27"	106° 07' 05"	C-48-69-A-a; C-48-57-C-c
rạch Ba Đời	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 27' 01"	106° 07' 32"	09° 27' 33"	106° 08' 50"	C-48-69-(A-b+B-a)
rạch Tổng Cáng	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 29' 27"	106° 06' 20"	09° 26' 56"	106° 04' 28"	C-48-69-A-a
rạch Trắc Co	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 25' 40"	106° 07' 38"	09° 25' 17"	106° 07' 50"	C-48-69-(A-b+B-a)
sông Mỹ Thanh	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-A-a; C-48-69-(A-b+B-a)
Sông Gòi	TV	xã Liêu Tú	H. Trần Đề			09° 29' 24"	106° 08' 41"	09° 24' 54"	106° 07' 48"	C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Bưng Cà Pốt	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 34' 29"	106° 03' 35"					C-48-57-C-c
ấp Bưng Chông	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 33' 02"	106° 02' 47"					C-48-57-C-c
ấp Chắc Tưng	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 32' 46"	106° 01' 18"					C-48-57-C-c
ấp Hà Bô	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 32' 47"	106° 00' 53"					C-48-57-C-c
ấp Prệc Đôn	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 34' 03"	106° 02' 18"					C-48-57-C-c
ấp Tài Công	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 33' 53"	106° 00' 37"					C-48-57-C-c
ấp Trà Đót	DC	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 33' 21"	106° 04' 59"					C-48-57-C-c
cầu Tài Văn	KX	xã Tài Văn	H. Trần Đề	09° 32' 45"	106° 01' 06"					C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 934	KX	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
Đường tỉnh 935	KX	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 32' 33"	106° 01' 26"	09° 19' 29"	105° 58' 44"	C-48-57-C-c
kênh 96 Long Hưng	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 37' 06"	106° 04' 41"	09° 29' 01"	106° 02' 03"	C-48-57-C-c
kênh Cái Xe	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 33' 14"	106° 07' 56"	09° 34' 45"	106° 01' 56"	C-48-57-C-c
kênh Chắc Tưng - Bưng Cà Pốt	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 32' 40"	106° 01' 18"	09° 33' 58"	106° 04' 17"	C-48-57-C-c
kênh Nông Trường	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 33' 36"	106° 05' 42"	09° 30' 28"	106° 04' 48"	C-48-57-C-c
kênh Ông Liếm	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 34' 56"	106° 01' 12"	09° 32' 48"	106° 01' 04"	C-48-57-C-c
kênh Tắc Bướm	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 32' 55"	105° 59' 45"	09° 28' 59"	106° 05' 56"	C-48-57-C-c
kênh Tiếp Nhật	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
kênh xáng Tài Công	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 32' 06"	105° 59' 35"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
Kênh Cũ	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 32' 32"	106° 05' 23"	09° 33' 41"	106° 04' 42"	C-48-57-C-c
rạch Bưng Cà Pốt	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 33' 41"	106° 04' 42"	09° 34' 19"	106° 04' 18"	C-48-57-C-c
rạch Cái Xe	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 34' 21"	106° 04' 08"	C-48-57-C-c
rạch Tài Công	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 34' 46"	106° 01' 43"	09° 33' 52"	106° 00' 41"	C-48-57-C-c
sông Mương Tra	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 36' 21"	106° 01' 23"	09° 34' 58"	106° 01' 13"	C-48-57-C-c
Sông Đinh	TV	xã Tài Văn	H. Trần Đề			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 34' 23"	105° 59' 46"	C-48-56-D-d
ấp An Hòa 1	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 30' 05"	106° 00' 58"					C-48-57-C-c
ấp An Hòa 2	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 30' 59"	106° 00' 22"					C-48-57-C-c
ấp Đầy Hương 1	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 27' 47"	106° 00' 39"					C-48-69-A-a
ấp Đầy Hương 2	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 27' 38"	106° 01' 58"					C-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Đầy Hương 3	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 29' 08"	106° 01' 41"					C-48-69-A-a
ấp Hưng Thới	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 30' 03"	106° 01' 35"					C-48-57-C-c
ấp Tắc Bướm	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 31' 47"	106° 01' 10"					C-48-57-C-c
ấp Thanh Nhàn	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 31' 38"	105° 59' 43"					C-48-56-D-d
ấp Tiên Cường 1	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 28' 08"	106° 00' 03"					C-48-69-A-a
ấp Tiên Cường 2	DC	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 28' 58"	106° 01' 15"					C-48-69-A-a
cầu An Nô	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 30' 57"	106° 00' 12"					C-48-57-C-c
cầu Lắc Bưng	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 28' 01"	106° 00' 20"					C-48-69-A-a
chùa Prêk Om Pu	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 29' 58"	106° 01' 36"					C-48-69-A-a
đình Hưng Thới	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 29' 28"	106° 01' 55"					C-48-69-A-a
Đường tỉnh 936B	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-69-A-a; C-48-68-B-b
Đường tỉnh 935	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 32' 33"	106° 01' 26"	09° 19' 29"	105° 58' 44"	C-48-57-C-c; C-48-69-A-a
Miếu Bà	KX	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề	09° 29' 00"	106° 01' 08"					C-48-69-A-a
kênh 96 Long Hưng	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 37' 06"	106° 04' 41"	09° 29' 01"	106° 02' 03"	C-48-69-A-a
kênh Chính Hậu	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 26' 43"	106° 01' 34"	09° 27' 09"	106° 01' 12"	C-48-69-A-a
kênh Chính Sáu	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 26' 26"	106° 01' 19"	09° 27' 07"	106° 01' 08"	C-48-69-A-a
kênh Đa Sa	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 28' 27"	105° 59' 49"	09° 30' 13"	105° 58' 57"	C-48-69-A-a; C-48-68-B-b
kênh Hai Dương	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 35"	106° 01' 50"	09° 29' 42"	106° 02' 21"	C-48-69-A-a
kênh Hưng Thạnh Tổng Cáng	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 27' 38"	106° 04' 56"	09° 29' 12"	106° 01' 38"	C-48-69-A-a
kênh Lung Lớn	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 31"	106° 02' 43"	09° 28' 56"	106° 02' 21"	C-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Nông Trường	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 50"	105° 59' 24"	09° 30' 19"	106° 00' 43"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d; C-48-57-C-c
kênh Ông Tẩn	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 27' 30"	106° 00' 02"	09° 27' 51"	106° 00' 36"	C-48-69-A-a
kênh Tắc Bướm	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 32' 55"	105° 59' 45"	09° 28' 59"	106° 05' 56"	C-48-57-C-c
kênh Thạnh Thới An	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 27' 17"	105° 59' 28"	09° 28' 15"	105° 59' 42"	C-48-68-B-b
kênh Tỉnh Lộ 935	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 25' 38"	105° 58' 58"	09° 28' 01"	106° 00' 20"	C-48-69-A-a
kênh xáng Tài Công	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 34' 58"	106° 01' 13"	09° 32' 06"	105° 59' 35"	C-48-56-D-d
Kênh Tư	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 26' 40"	106° 01' 08"	09° 27' 12"	106° 02' 02"	C-48-69-A-a
rạch Đây La	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 19"	106° 02' 39"	09° 27' 40"	106° 02' 47"	C-48-69-A-a
rạch Lò Rượu	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 03"	106° 01' 45"	09° 28' 33"	106° 02' 16"	C-48-69-A-a
rạch Ông Bang	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 28' 28"	105° 59' 31"	09° 28' 09"	106° 00' 35"	C-48-69-A-a; C-48-68-B-b
rạch Rọc Lá	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 28' 02"	105° 59' 20"	09° 28' 01"	106° 00' 20"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
rạch Tầm Du	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 30' 00"	106° 01' 40"	09° 30' 49"	106° 02' 50"	C-48-57-C-c; C-48-69-A-a
rạch Tầm Du	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 30' 20"	106° 01' 31"	09° 29' 12"	106° 01' 38"	C-48-57-C-c; C-48-69-A-a
rạch Tầm Ruộc	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 28' 01"	106° 00' 20"	09° 27' 46"	106° 01' 56"	C-48-69-A-a
rạch Thạnh An 1	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 27' 29"	106° 00' 01"	09° 26' 59"	105° 58' 26"	C-48-68-B-b
rạch Xây Xây	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 34"	106° 01' 55"	09° 28' 58"	106° 02' 14"	C-48-69-A-a
sông An Nô	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 32' 29"	105° 59' 24"	09° 29' 12"	106° 01' 38"	C-48-69-A-a; C-48-57-C-c; C-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
sông Bãi Xào	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 30' 22"	105° 57' 55"	C-48-56-D-d
sông Mỹ Thanh	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-A-a
sông Tiên Cường	TV	xã Thạnh Thới An	H. Trần Đề			09° 29' 12"	106° 01' 38"	09° 28' 01"	106° 00' 20"	C-48-69-A-a
ấp Thạnh An 1	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 26' 57"	105° 58' 30"					C-48-68-B-b
ấp Thạnh An 3	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 25' 53"	105° 59' 26"					C-48-68-B-b
ấp Thạnh An 4	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 26' 32"	106° 01' 11"					C-48-69-A-a
ấp Thạnh Nhãn 1	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 29' 46"	105° 58' 13"					C-48-68-B-b
ấp Thạnh Nhãn 2	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 28' 51"	105° 58' 11"					C-48-68-B-b
ấp Thạnh Ninh	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 28' 00"	105° 58' 12"					C-48-68-B-b
ấp Thạnh Phú	DC	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 31' 37"	105° 58' 50"					C-48-56-D-d
bến đò Cổ Cò	KX	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 25' 49"	105° 58' 14"					C-48-68-B-b
cầu Mỹ Thanh	KX	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 25' 41"	105° 59' 38"					C-48-68-B-b
cầu So Đũa	KX	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề	09° 26' 17"	105° 59' 26"					C-48-68-B-b
Đường tỉnh 935	KX	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 32' 33"	106° 01' 26"	09° 19' 29"	105° 58' 44"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
Đường tỉnh 936B	KX	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-68-B-b
kênh Cây Cui	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 49"	106° 00' 36"	09° 26' 13"	106° 01' 08"	C-48-69-A-a
kênh Cây Mắm	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 29' 40"	105° 58' 08"	09° 29' 46"	105° 59' 07"	C-48-68-B-b
kênh Cầu So Đũa	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 17"	105° 59' 26"	09° 26' 41"	106° 00' 04"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
kênh Chính Hậu	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 43"	106° 01' 34"	09° 27' 09"	106° 01' 12"	C-48-69-A-a
kênh Chính Sáu	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 26"	106° 01' 19"	09° 27' 07"	106° 01' 08"	C-48-69-A-a
kênh Dọc Lá	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 29' 52"	105° 59' 14"	09° 28' 57"	105° 59' 15"	C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Đa Sa	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 28' 27"	105° 59' 49"	09° 30' 13"	105° 58' 57"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
kênh Giếng Mã	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 33"	105° 59' 06"	09° 27' 05"	105° 59' 11"	C-48-68-B-b
kênh Nông Trường	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 29' 50"	105° 59' 24"	09° 30' 19"	106° 00' 43"	C-48-68-B-b
kênh Ông Tẩn	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 27' 30"	106° 00' 02"	09° 27' 51"	106° 00' 36"	C-48-68-B-b
Kênh Râu	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 17"	105° 58' 28"	09° 26' 17"	105° 59' 25"	C-48-68-B-b
kênh So Đũa	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 41"	106° 00' 04"	09° 26' 11"	106° 00' 17"	C-48-69-A-a
kênh Thạnh Thới An	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 27' 17"	105° 59' 28"	09° 28' 15"	105° 59' 42"	C-48-68-B-b
kênh Tỉnh Lộ 935	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 25' 38"	105° 58' 58"	09° 28' 01"	106° 00' 20"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
kênh Tư Minh	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 25' 41"	105° 58' 58"	09° 26' 27"	105° 59' 23"	C-48-68-B-b
Kênh Tư	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 26' 40"	106° 01' 08"	09° 27' 12"	106° 02' 02"	C-48-69-A-a
kênh Xà Mách	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 30' 13"	105° 58' 56"	09° 30' 17"	105° 58' 22"	C-48-56-D-d
rạch Ông Bang	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 28' 28"	105° 59' 31"	09° 28' 09"	106° 00' 35"	C-48-68-B-b
rạch Thạnh An 1	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 27' 29"	106° 00' 01"	09° 26' 59"	105° 58' 26"	C-48-68-B-b; C-48-69-A-a
sông Bãi Xào	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 33' 39"	105° 59' 40"	09° 30' 22"	105° 57' 55"	C-48-56-D-d
sông Dọc Lá	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 30' 13"	105° 58' 57"	09° 27' 08"	105° 59' 10"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
sông Dù Tho	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 30' 19"	105° 57' 55"	09° 25' 45"	105° 58' 21"	C-48-68-B-b; C-48-56-D-d
sông Mỹ Thanh	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-A-a; C-48-68-B-b
sông Thạnh Ninh	TV	xã Thạnh Thới Thuận	H. Trần Đề			09° 28' 01"	105° 59' 19"	09° 27' 57"	105° 58' 08"	C-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
ấp Bưng Lức	DC	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 31' 34"	106° 09' 38"					C-48-57-C-d
ấp Mỏ Ó	DC	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 26' 00"	106° 10' 14"					C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Nhà Thờ	DC	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 24"	106° 11' 50"					C-48-69-(A-b+B-a)
Ấp Chợ	DC	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 53"	106° 12' 07"					C-48-69-(A-b+B-a)
Cầu Đen	KX	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 52"	106° 11' 31"					C-48-69-(A-b+B-a)
Đường tỉnh 934	KX	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-69-(A-b+B-a)
nhà thờ Bãi Đá	KX	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 28"	106° 11' 51"					C-48-69-(A-b+B-a)
Nhà thờ Micae	KX	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 54"	106° 11' 50"					C-48-69-(A-b+B-a)
Quốc lộ Nam Sông Hậu	KX	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 55' 52"	105° 53' 22"	09° 19' 02"	105° 48' 58"	C-48-69-(A-b+B-a)
bãi Hội Bình	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 26' 09"	106° 11' 06"					C-48-69-(A-b+B-a)
cửa Mỹ Thanh	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 25' 23"	106° 10' 31"					C-48-69-(A-b+B-a)
cửa Trần Đề	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề	09° 29' 14"	106° 13' 15"					C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Bồn Bồn	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 32' 53"	106° 10' 07"	09° 29' 54"	106° 11' 31"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-57-C-d
kênh Cầu Đen	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 29' 53"	106° 11' 31"	09° 28' 14"	106° 11' 24"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Khai Hoang Ba	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 28' 18"	106° 10' 35"	09° 26' 48"	106° 10' 07"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Khai Hoang Hai	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 28' 52"	106° 11' 20"	09° 26' 45"	106° 10' 12"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Huynh	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 27' 23"	106° 10' 48"	09° 28' 08"	106° 09' 15"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Khinh	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 28' 08"	106° 11' 55"	09° 28' 18"	106° 10' 06"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Lục	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 28' 50"	106° 12' 20"	09° 28' 42"	106° 09' 13"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Ông Phựt	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 27' 42"	106° 11' 42"	09° 27' 54"	106° 10' 14"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Phụ Nữ	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 28' 47"	106° 10' 35"	09° 28' 18"	106° 10' 35"	C-48-69-(A-b+B-a)
kênh Sáu Quế 1	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 25' 32"	106° 10' 01"	09° 29' 41"	106° 10' 17"	C-48-69-(A-b+B-a)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Tiếp Nhật	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-57-C-d
Kênh Ba	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 31' 35"	106° 12' 00"	09° 30' 51"	106° 06' 42"	C-48-57-C-d
Kênh Hai	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 32' 00"	106° 11' 46"	09° 31' 40"	106° 07' 08"	C-48-57-C-d
Kênh Tư	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 30' 55"	106° 12' 20"	09° 30' 04"	106° 06' 24"	C-48-57-C-d
Kênh Xáng	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 29' 47"	106° 10' 48"	09° 31' 55"	106° 10' 34"	C-48-57-C-d; C-48-69-(A-b+B-a)
sông Bưng Lức	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 29' 36"	106° 09' 47"	09° 32' 56"	106° 09' 50"	C-48-69-(A-b+B-a); C-48-57-C-d
sông Mỹ Thanh	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-(A-b+B-a)
Sông Hậu	TV	xã Trung Bình	H. Trần Đề			09° 56' 22"	105° 53' 43"	09° 31' 53"	106° 21' 20"	C-48-69-(A-b+B-a)
ấp Bờ Đập	DC	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 31' 56"	106° 03' 30"					C-48-57-C-c
ấp Bưng Sa	DC	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 30' 38"	106° 03' 30"					C-48-57-C-c
ấp Tiếp Nhựt	DC	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 31' 13"	106° 03' 42"					C-48-57-C-c
ấp Trà Đức	DC	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 32' 01"	106° 02' 14"					C-48-57-C-c
cầu Trà Đức	KX	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 31' 27"	106° 03' 15"					C-48-57-C-c
chùa Bâng Tol Sa	KX	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 31' 05"	106° 03' 44"					C-48-57-C-c
chùa Chông Prêk	KX	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 32' 02"	106° 03' 37"					C-48-57-C-c
Đường tỉnh 934	KX	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-57-C-c
miếu Thiên Hậu Cổ Miếu	KX	xã Viên An	H. Trần Đề	09° 30' 40"	106° 03' 38"					C-48-57-C-c
kênh 96 Long Hưng	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 37' 06"	106° 04' 41"	09° 29' 01"	106° 02' 03"	C-48-57-C-c; C-48-69-A-a
kênh Lung Lớn	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 29' 31"	106° 02' 43"	09° 28' 56"	106° 02' 21"	C-48-69-A-a
kênh Nông Trường	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 33' 36"	106° 05' 42"	09° 30' 28"	106° 04' 48"	C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Tắc Bướm	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 32' 55"	105° 59' 45"	09° 28' 59"	106° 05' 56"	C-48-57-C-c; C-48-69-A-a
kênh Tiếp Nhật	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-57-C-c; C-48-56-D-d
rạch Bưng Sa	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 30' 36"	106° 03' 43"	09° 30' 58"	106° 02' 53"	C-48-57-C-c
rạch Tầm Du	TV	xã Viên An	H. Trần Đề			09° 30' 00"	106° 01' 40"	09° 30' 49"	106° 02' 50"	C-48-57-C-c
ấp Đào Viên	DC	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 29' 41"	106° 05' 51"					C-48-69-A-a
ấp Lao Vên	DC	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 28' 38"	106° 03' 57"					C-48-69-A-a
ấp Trà Ông	DC	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 29' 03"	106° 04' 21"					C-48-69-A-a
cầu Trà Mơn	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 29' 25"	106° 06' 21"					C-48-69-A-a
cầu Viên Bình	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 30' 26"	106° 04' 48"					C-48-57-C-c
chùa Phđau Pên	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 28' 39"	106° 04' 07"					C-48-69-A-a
chùa Tà Mơn	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề	09° 29' 07"	106° 05' 36"					C-48-69-A-a
Đường tỉnh 934	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 34' 01"	105° 56' 52"	09° 30' 51"	106° 13' 57"	C-48-69-A-a; C-48-57-C-c
Đường tỉnh 936B	KX	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 21' 57"	105° 51' 35"	09° 25' 04"	106° 08' 55"	C-48-69-A-a
kênh Hai Nguyễn	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 27' 40"	106° 02' 47"	09° 27' 43"	106° 03' 42"	C-48-69-A-a
kênh Hưng Thạnh Tổng Cáng	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 27' 38"	106° 04' 56"	09° 29' 12"	106° 01' 38"	C-48-69-A-a
kênh Lung Lớn	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 29' 31"	106° 02' 43"	09° 28' 56"	106° 02' 21"	C-48-69-A-a
kênh Nông Trường	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 33' 36"	106° 05' 42"	09° 30' 28"	106° 04' 48"	C-48-57-C-c
kênh Tắc Bướm	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 32' 55"	105° 59' 45"	09° 28' 59"	106° 05' 56"	C-48-69-A-a
kênh Tiếp Nhật	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 33' 26"	105° 59' 54"	09° 30' 02"	106° 12' 28"	C-48-69-A-a; C-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
kênh Tổng Khậu	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 27' 19"	106° 03' 12"	09° 28' 07"	106° 03' 37"	C-48-69-A-a
kênh Trà Đuốc	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 27' 21"	106° 03' 38"	09° 28' 27"	106° 03' 57"	C-48-69-A-a
rạch Đây La	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 29' 19"	106° 02' 39"	09° 27' 40"	106° 02' 47"	C-48-69-A-a
rạch Tổng Cáng	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 29' 27"	106° 06' 20"	09° 26' 56"	106° 04' 28"	C-48-69-A-a
sông Mỹ Thanh	TV	xã Viên Bình	H. Trần Đề			09° 25' 45"	105° 58' 21"	09° 25' 23"	106° 10' 31"	C-48-69-A-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng